

SUSAN COOPER

BÓNG TỐI  
TRỞI DẬY

Phù Thủy Xanh

SUSAN COOPER

BÔNG TỐI  
TRỜI ĐẸY

Phù Thủy Xanh



Đã được Nhà Văn đồng ý xuất bản





Susan Mary Cooper sinh năm 1935 tại Burnham, Buckinghamshire, nước Anh. Bóng tối trời dậy là bộ sách quan trọng nhất trong sự nghiệp sáng tác của bà, đem lại cho tác giả các giải Newbery và Carnegie danh tiếng cùng một chỗ đứng không thể bỏ qua trong nền văn học thiếu nhi thế giới.

Tác phẩm đã dung hợp những huyền thoại cổ của nước Anh với các chất liệu dân gian độc đáo, làm nên một thế giới nơi Thiện và Ác đối đầu trên một bình diện sử thi, thường được ví với những gì J. R. R. Tolkien và C. S. Lewis đã sáng tạo ra.

*Khi Bóng Tối trời dậy, sáu vật đẩy lùi ngay,  
Ba từ vòng tròn đến, ba từ giữa đường ra;  
Gỗ, đồng và sắt; nước, lửa và đá;  
Năm vật quay trở lại, một lẻ loi lên đường  
Sắt cho ngày sinh nhật, đồng luôn được mang theo;  
Gỗ có từ lửa cháy, đá từ tiếng hát ra;  
Lửa trong vòng đựng nển, nước từ khối tuyết tan;  
Vòng tròn sáu Dấu Hiệu, chén Thánh đi trước rồi.  
Lửa trên núi sẽ tìm thấy được đàn hạc vàng;  
Tiếng đàn làm tỉnh giấc những Người Ngủ già nua;  
Sức mạnh Phù Thủy Xanh bị mất dưới đáy biển;  
Đưa ánh sáng trở về, bạc dát đầy trên cây.*

## **CHƯƠNG MỘT**

Chỉ có một tờ báo duy nhất đăng chi tiết câu chuyện dưới tí:

**BÁU VẬT BỊ ĐÁNH CẤP KHỎI VIỆN BẢO TÀNG.**

*Một số cổ vật Xen tơ\* (Khối cộng đồng ngôn ngữ và văn hóa bao gồm Ireland, Scotland, Wales, và Cornwall - ND) đã bị đánh cắp khỏi viện Bảo Tàng Anh Quốc ngày hôm qua, một trong số đó đáng giá hơn 50,000 bảng. Cảnh sát cho biết có vẻ vụ trộm là kết quả của một kế hoạch rất tinh vi và cho đến giờ vẫn khiến họ đau đầu. Không cái chuông báo động nào reo, tù trưng bày những hiện vật trên không hề bị hư hại, và không có dấu hiệu nào cho thấy đã có kẻ đột nhập vào bảo tàng.*

*Những hiện vật bị đánh cắp bao gồm một chiếc chén vàng, ba chiếc trâm nạm ngọc và một chiếc khóa thắt lưng bằng đồng. Chiếc được biết đến với cái tên Chén Thánh Trewissick, mới được đưa tới viện bảo tàng hè năm ngoái, là phát hiện ngoạn mục của ba em nhỏ trong một hang đá ở Cornwall. Nó ước tính trị giá 50,000 bảng, nhưng một phát ngôn viên của viện bảo tàng đêm qua nói rằng giá trị thật của nó là “không thể tính nổi,” do những nét chạm độc nhất vô nhị trên thành chén mà cho đến nay các học giả vẫn chưa thể giải mã được.*

*Phát ngôn viên cũng nói thêm rằng viện bảo tàng đã kêu gọi bọn trộm đừng làm bất kỳ điều gì tổn hại đến chiếc chén, và sẽ trả một khoản tiền chuộc lớn nếu chiếc chén được hoàn lại. “Chiếc chén là một bằng chứng lịch sử có một không hai, chưa từng có trong toàn bộ ngành nghiên cứu về văn hóa Xen tơ,” ông nói, “và tầm quan trọng của nó đối với các học giả vượt xa giá trị thực của nó.”*

*Huân tước Clare, một ủy viên quản trị của viện Bảo Tàng Anh Quốc, đêm qua đã nói rằng chiếc chén...*

*“Thôi rời tờ báo ra đi, Barney,” Simon bực dọc bảo. “Mày đã đọc nó đến cả năm chục lần rồi, đọc nữa thì cũng có được gì đâu.”*

*“Ai biết đâu được đấy,” cậu em trai đáp, gấp tờ báo lại và nhét vào túi. “Nhờ đâu lại có một manh mối nào ẩn trong bài báo thì sao.”*

*“Chẳng có gì ẩn giấu hết,” Jane buồn bã nói. “Tất cả đều rõ ràng rành ròi.”*

Chúng rầu rĩ đứng thành một hàng trên sàn nhà bóng loáng của phòng trưng bày ở viện bảo tàng, trước một tủ kính nằm giữa phòng cao vượt lên so với những hàng tủ kính giống y hệt nhau ở xung quanh. Chiếc tủ trông trơn, chỉ có độc một cái bệ gỗ màu đen, rõ ràng trước kia từng đặt một vật trưng bày ở đây. Một vuông bạc nguyên chất gắn trên bệ gỗ được khắc mấy chữ: *Cốc đựng rượu lễ bằng vàng, tác phẩm của nghệ nhân Xen tư vô danh, dự đoán chế tác từ thế kỷ thứ sáu. Tìm thấy tại Trewissick, miền Nam Cornwall, do Simon, Jane và Barnabas Drew trao tặng.*

“Bọn mình đã phải mất bao nhiêu công sức mới đem được nó về đây,” Simon nói. “Thế mà bây giờ bọn chúng chỉ việc đến nằng đi. Nhưng thật ra thì tao cũng đã luôn nghĩ rằng chúng sẽ làm thế.”

Barney nói, “Tệ nhất là không thể nói cho ai biết kẻ nào đã làm chuyện này.”

“Mình có thể thử chứ,” Jane nói.

Simon nghiêng đầu nhìn em. “Thưa ông, chúng cháu có thể cho ông biết ai đã đánh cắp chiếc chén Thánh giữa thanh thiên bạch nhật mà không bẻ một cái khóa nào. Đó chính là thế lực Bóng Tối.”

“Xéo đi, nhóc con” Barney nói. “Và đem cả chuyện cổ tích của chú mày theo nữa.”

“Em nghĩ là anh nói đúng, Jane nói. Em lơ đãng giật giật món tóc đuôi ngựa. “Nhưng nếu vẫn là mấy kẻ đó, thì chí ít cũng phải có ai đẩy nhìn thấy chúng chứ. Cái gã Hastings đáng sợ ấy...”

“Không thể nào. Gã Hastings đó có thể thay hình đổi dạng, Ông Merry đã bảo vậy mà. Em không nhớ à? Hẳn sẽ không mang cái tên đó, hay khuôn mặt đó nữa. Hẳn có thể là những người khác nhau, vào những thời điểm khác nhau.”

“Không biết Ông Merry có biết không nhỉ?” Barney nói. “Về chuyện này ấy mà.” Nó nhìn trân trân vào ngăn tủ kính và cái bệ màu đen nằm lẻ loi

trong đó.

Hai bà có tuổi đội mũ đi đến bên cạnh nó. Mũ của một bà nhìn như cái chậu hoa màu vàng, bà kia thì mang cả một kim tự tháp hoa màu hồng trên đầu.

“Nhân viên bảo tàng bảo đây chính là cái tủ nơi bọn trộm đã lấy nó đi đấy,” một bà bảo bà kia. “Thử tưởng tượng mà xem! Những cái tủ khác thì ở đằng kia.”

“Chặc-chặc-chặc-chặc,” bà kia thích thú nói, và họ đi tiếp. Barney lơ đãng nhìn theo họ, tiếng giày của họ gõ lách cách xuyên suốt cả gian phòng trưng bày cao vút. Họ dừng lại bên tủ kính có một người cao lớn đang cúi xuống. Barney cứng người lại. Nó nhìn chăm chăm vào người ấy.

“Bọn mình phải làm cái gì đó chứ.” Simon nói. “Phải nghĩ cách gì thôi.”

Jane hỏi, “Nhưng bắt đầu từ đâu bây giờ?”

Người cao lớn nọ đã đứng thẳng lên nhường chỗ cho hai bà đội mũ đi đến bên tủ kính. Ông lịch sự cúi đầu, và mớ tóc bù xù bạc trắng của ông bắt sáng ánh lên.

Simon nói, “Anh không nghĩ là Ông Merry lại biết được đâu... ý anh là, ông thậm chí còn không ở Anh cơ mà, phải không? Ông đã nghỉ dạy một năm Oxford. Nghỉ... gì gì ấy.”

“Nghỉ phép,” Jane nói. “Ở Athens. Và thậm chí Giáng Sinh ông cũng chẳng thèm gửi thiệp cho bọn mình.”

Barney đang nín thở. Phía bên kia phòng trưng bày, hai bà ưa chuyện tội phạm giật gân đã đi tiếp, còn người đàn ông cao lớn tóc bạc thì đã quay về phía ô cửa sổ; khuôn mặt nhìn nghiêng với cái mũi khoằm và cặp mắt sâu của ông không lẫn vào đâu được. Barney reo lên. “Ông Gumerry!”

Simon và Jane ngơ ngác chạy theo trong khi nó lao sang bên kia phòng.

“Ông Merry!”



“Chào các cháu,” ông già cao lớn vui vẻ nói.

“Nhưng Mẹ bảo ông đang ở Hy Lạp cơ mà!”

“Ông quay về rồi.”

“Ông có biết là sẽ có kẻ đánh cắp chén Thánh không?” Jane hỏi.

Ông chỉ nhướn cao một bên mày rậm bạc trắng nhìn cô bé, nhưng không đáp lại.

Barney hỏi ngay, “Chúng ta phải làm gì bây ạ?”

“Giành lại nó,” Ông Merry nói.

“Cháu đoán là do bọn chúng, phải không ạ?” Simon rụt rè nói. “Phe bên kia ấy? Thế lực Bóng Tối?”

“Tất nhiên rồi.”

“Thế tại sao chúng lại lấy cả những thứ kia nữa, mấy cái trâm cài và đại loại thế?”

“Để cho có vẻ hợp lý,” Jane nói.

Ông Merry gật đầu. “Cách đó rất hiệu nghiệm. Chúng đã lấy đi những thứ giá trị nhất. Cảnh sát sẽ tưởng rằng chúng chỉ muốn lấy cặp vàng bạc châu báu mà thôi.” Ông nhìn xuống cái tủ kính trống trơn rồi lại ngược lên trên, và cả ba đứa trẻ đều không thể không sửng người nhìn vào cặp mắt sâu thẳm tối sẫm của ông, luôn ánh lên tia sáng như một ngọn lửa lạnh lẽo không bao giờ tắt.

“Nhưng ông biết là chúng muốn có chiếc chén Thánh” Ông Merry nói, “chỉ là để tiến tới một cái gì đó khác. Ông biết chúng định làm gì, và ông biết chúng phải bị chặn lại bằng mọi giá. Và ông e rằng ba cháu, với tư cách là người tìm ra chiếc chén, sẽ lại bị triệu đến để giúp đỡ... sớm hơn là ông tưởng nhiều.”

“Thật thế ạ?” Jane chậm rãi hỏi.

“Hết sảy,” Simon nói.

Barney nói, “Tại sao chúng lại lấy cặp chén đúng lúc này? Có phải như thế có nghĩa là chúng đã tìm thấy bản viết cổ bị mất, bản viết giải thích những mật mã viết trên thành chén không ạ?”

“Không” Ông Merry nói. “Chưa đâu.”

“Thế thì tại sao...”

“Ông không thể giải thích được, Barney ạ.” Ông thọc hai tay vào túi và đôi vai gầy của ông khom xuống. “Chuyện này có liên quan đến Trewissick, và chắc chắn có liên quan đến bản viết cổ ấy. Nhưng nó cũng thuộc về một điều to lớn hơn nhiều, một điều mà ông không thể giải thích được. Ông chỉ có thể yêu cầu các cháu hãy tin ông, như các cháu đã từng tin tưởng ông trước kia, trong một chặng nữa của cuộc chiến bất tận giữa Ánh Sáng và Bóng Tối. Và yêu cầu các cháu giúp sức, nếu chắc rằng mình có thể giúp được, ngay cả khi không bao giờ hoàn toàn biết được mình sắp phải làm gì.”

Barney gạt món tóc mái vàng nhạt ra khỏi mắt và bình thản nói, “Được thôi ạ.”

“Tất nhiên là chúng cháu muốn giúp rồi.” Simon hăng hái nói.

Jane không nói gì. Ông Merry đưa một ngón tay xuống dưới cằm, nâng mặt em lên và nhìn thẳng vào em. “Jane,” ông nhẹ nhàng nói. “Không có lý do gì để bắt bất kỳ ai trong số các cháu phải tham gia vào việc này nếu cháu không muốn.”

Jane nhìn vào khuôn mặt có những nét răn ròi của ông thầm nghĩ rằng trông nó giống hệt như các pho tượng dữ dằn mà mấy anh em đã đi qua khi vào viện bảo tàng. “Ông biết là cháu không sợ mà,” em nói. “Ừm, thật ra cháu cũng hơi sợ một chút, nhưng vừa sợ vừa thích thì đúng hơn. Chỉ có điều, nếu có nguy hiểm gì xảy ra với Barney thì cháu thấy là... cháu biết nó sẽ hét lên với cháu, nhưng nó bé hơn chúng cháu và chúng cháu không nên...”

Mặt Barney đỏ phừng phừng. “Chị Jane!”

“Có la hét thì cũng chẳng ích gì đâu,” Jane kiên quyết nói. “Nếu có chuyện gì xảy ra với em thì bọn chị sẽ phải chịu trách nhiệm, anh Simon và chị.”

“Thế lực Bóng Tối sẽ không thể đụng tới các cháu đâu,” Ông Merry khẽ nói. “Các cháu sẽ được bảo vệ. Đừng lo. Ông hứa với các cháu đấy. Không chuyện gì xảy ra với Barney có thể làm hại nó được.”

Mấy ông cháu mỉm cười với nhau.

“Em đâu phải là đứa lên ba!” Barney giận dữ giậm chân xuống.

“Thôi đi,” Simon nói. “Có ai nói mày thế đâu.”

Ông Merry hỏi, “Khi nào thì các cháu được nghỉ lễ Phục Sinh, Barney?”

Bọn trẻ im lặng một lát.

“Hình như là ngày mười lăm ạ.” Barney cúi kính nói.

“Đúng đấy,” Jane nói. “Anh Simon được nghỉ trước mấy hôm, nhưng cả ba chúng cháu đều nghỉ cùng lúc một tuần.”

“Còn lâu quá nhỉ,” Ông Merry nói.

“Quá muộn ạ?” Chúng lo lắng nhìn ông.

“Không, ông không cho là vậy... Liệu có gì ngăn các cháu đến Trewissick ở với ông trong tuần đó không?”

“Không!”

“Không có gì đâu ạ!”.

“Không hẳn thế. Cháu đã định đi dự một hội nghị về môi trường, nhưng cháu có thể bỏ được.” Giọng Simon kéo dài ra rồi ngừng lại, khi nó nghĩ về ngôi làng nhỏ ở Cornwall nơi chúng đã tìm thấy chiếc chén Thánh. Cuộc phiêu lưu gì sắp diễn ra đây thì cũng đã bắt đầu ở đó, tí bên trong cái hang ở vách đá, trên biển khơi và dưới đá thẳm. Và giờ đây ở tâm điểm của mọi

việc, cũng như trước kia, sẽ luôn là Ông Merry, Giáo Sư Merriman Lyon, nhân vật kỳ bí nhất trong cuộc sống của chúng, người đã tham gia vào cuộc chiến vô tận giành quyền cai trị thế giới giữa Ánh Sáng và Bóng Tối, vì một lý do nào đó không ai hiểu nổi.

“Ông sẽ nói với bố mẹ các cháu,” Ông Merry bảo.

“Tại sao lại là Trewissick ạ?” Jane hỏi. “Bọn trộm sẽ đem chiếc chén đến đó ạ?”

“Ông nghĩ có thể là thế”

“Chỉ có mỗi một tuần,” Barney nói, trầm ngâm nhìn vào cái tủ kính trống trơn trước mặt. “Không nhiều đối với một cuộc truy lùng. Như thế có đủ thời gian không ạ?”

“Đúng là không dài lắm,” Ông Merry nói. “Nhưng đành phải vậy thôi.”

\*\*\*

Will tuốt một cọng cỏ và ngồi xuống một tảng đá cạnh cổng trước, chán nản nhắm nhám cọng cỏ. Ánh nắng tháng Tư đang lấp lánh trên những chiếc lá xanh nõn của cụm chanh, một con chim hét ở đâu đó đang sung sướng hót vang bài hát không dứt của mình. Hoa tử đinh hương và quế trúc tỏa hương thơm ngát. Will thở dài. Tất cả đều rất tuyệt, những niềm vui của một mùa xuân ở Buckinghamshire này, nhưng cậu sẽ thích thú tận hưởng chúng hơn nếu có ai đó ở đây chia sẻ kỳ nghỉ Phục Sinh với mình. Một nửa đại gia đình của cậu vẫn còn ở nhà, nhưng James, cậu anh trai kế, đã đi dự trại hướng đạo một tuần, còn cô chị tiếp theo, Mary, thì đã đến nhà họ hàng ở Wales để dưỡng bệnh sau khi bị quai bị. Các anh chị còn lại thì đều bận bịu với những mối quan tâm chán ngắt của người lớn. Làm đứa út trong số chín đứa con khổ thế đấy, tất cả các anh chị dường như đều lớn lên quá nhanh.

Duy có một điều làm chính cậu, Will Stanton, già dặn hơn bất kỳ ai trong số các anh chị, hay bất kỳ người nào trên đời. Chỉ cậu mới biết về cuộc phiêu lưu vĩ đại đã cho cậu biết vào sinh nhật lần thứ mười một rằng mình

sinh ra để trở thành người cuối cùng trong số các Cổ Nhân, những hộ vệ Ánh Sáng, được ràng buộc bởi các điều luật bất biến để bảo vệ thế giới khỏi Bóng Tối đang trỗi dậy. Chỉ có cậu mới biết điều đó... nhưng vì cũng chỉ là một cậu bé bình thường, nên lúc này cậu không nghĩ đến nó.

Raq, một con trong đám chó, dụi cái mũi ướt ướt vào tay cậu. Will vuốt ve đôi tai mềm của nó. “Cả một tuần liền,” cậu thủ thủ với con chó. “Bọn mình sẽ làm gì đây nhỉ? Đi câu cá à?”

Cặp tai giật giật, cái mũi rời khỏi tay cậu, người căng lên cảnh giác, Raq quay đầu về phía con đường. Chỉ lát sau một chiếc taxi đỗ lại ngoài cổng: không phải là chiếc ô tô xập xệ quen thuộc vẫn được dùng làm taxi của làng, mà là một chiếc taxi hẳn hoi, bóng loáng, đến từ thị trấn cách đó ba dặm. Bước ra khỏi xe là một người đàn ông nhỏ thó, đầu hói, nom hơi lôi thôi, mặc áo mưa và xách một cái túi đi đường to đùng không ra hình thù gì. Ông cho chiếc taxi đi, và đứng nhìn Will.

Bản khoăn, Will vội đứng dậy và đi đến bên cổng. “Chào ông ạ” cậu nói.

Người đàn ông đứng trầm tư hồi lâu, rồi toét miệng cười. “Cháu là Will hả,” ông nói. Ông có khuôn mặt tròn xoe nhẵn nhụi và đôi mắt cũng tròn, trông chẳng khác nào một chú cá lấu linh.

“Đúng thế ạ,” Will nói.

“Cậu út nhà Stanton. Cậu con trai thứ bảy. Thế là hơn bác một rồi đấy... bác chỉ là đứa thứ sáu thôi.”

Giọng ông nhẹ nhàng và hơi khàn khàn, lơ lơ nửa Anh nửa Mỹ kỳ cục, nguyên âm thì giống người Mỹ, nhưng ngữ điệu lại giống người Anh. Will mỉm cười lịch sự về bối rối.

“Bố cháu mới là đứa thứ bảy trong nhà,” người đàn ông mặc áo mưa nói. Ông lại cười làm đuôi cặp mắt tròn hiện vết chân chim, và chìa tay ra. “Chào. Bác là bác Bill đây.”

“Trời, cháu bất ngờ quá!” Will nói. Cậu bắt tay ông. Bác Bill. Cậu đã được đặt tên theo tên ông (*Bill và Will đều là tên gọi tắt của William.*) Ông là người anh trai mà bố cậu yêu quý nhất, đã chuyển đến Mỹ sống cách đây lâu lắm rồi và gây dựng được một công ty khá thành đạt... hình như là buôn bán đồ gốm sứ thì phải. Will không nhớ đã từng bao giờ gặp ông chưa; Giáng Sinh mỗi năm cậu đều nhận được một món quà từ Bác Bill không biết mặt, ông cũng là cha đỡ đầu của cậu, và mỗi năm cậu đều viết một lá thư thăm hỏi thông thường để cảm ơn ông, nhưng không bao giờ có thư trả lời.

“Cháu lớn quá nhỉ,” Bác Bill nói khi hai bác cháu đi vào nhà. “Khi bác cháu ta gặp nhau lần trước, cháu chỉ mới là một chú nhóc bé tí tẹo gào khóc trong nôi.”

“Bác nói nghe như người Mỹ ấy,” Will nói.

“Chẳng có gì lạ,” Bác Bill đáp. “Bác đã là người Mỹ mười năm nay rồi còn gì.”

“Bác chẳng bao giờ trả lời thư Giáng Sinh của cháu.”

“Thế cháu có thấy phật lòng không?”

“Không, chẳng sao cả ạ.”

Cả hai bác cháu cùng bật cười, và Will tự nhủ là ông bác của cậu cũng không đến nỗi nào. Thế rồi họ đã vào đến nhà, và bố cậu đang từ trên gác xuống; ông đứng khựng lại, mặt đờ ra kinh ngạc.

"Billy!"

"Roger!"

“Chúa ơi” bố Will nói, “tóc anh đâu hết rồi?”

Sum họp với những người họ hàng đã lâu không gặp quả là mất thời gian, nhất là trong những gia đình đông đúc. Họ nói chuyện đến hàng tiếng đồng hồ. Will hầu như đã quên rằng ban nãy cậu còn rầu rĩ vì không có bạn. Đến lúc ăn trưa thì cậu đã biết được là bác Bill và bác gái Fran đang ở Anh

thăm các xưởng gỗ ở Staffordshire và vùng sản xuất gỗ ở Cornwall, nơi họ có công chuyên làm ăn phức tạp gì đó kiểu người Mỹ gốc Anh.

Cậu đã nghe kể về hai người con đã lớn của họ, có lẽ là cũng ngang tuổi với ông anh cả Stephen của cậu, và cậu đã được kể nhiều hơn những gì muốn biết về bang Ohio và nghề làm gỗ sứ. Bác Bill rõ ràng là rất phát đạt, nhưng hình như đây mới chỉ là lần thứ hai bác quay về Anh kể từ khi di cư hai mươi năm trước. Will thích cặp mắt tròn sáng lấp lánh và giọng nói khàn khàn ngắn gọn của bác. Cậu vừa mới cảm thấy tình hình kỳ nghỉ một tuần của mình đã khá khấm lên bao nhiêu thì lại được biết rằng bác Bill chỉ ở lại có một đêm nhân tiện đường đi công chuyện từ London về, và sẽ lên đường đến Cornwall ngày hôm sau để gặp bác gái. Cậu lại thấy buồn xiu.

“Một ông bạn sẽ đến đón tôi, và hai người chúng tôi sẽ lái xe xuống đó. Nhưng tôi bảo này, Frannie và tôi sẽ đến ở với chú thím mấy ngày khi chuẩn bị quay về Mỹ. Ấy là nếu chú thím chịu nhận chúng tôi.”

“Em mong là thế,” mẹ Will nói. “Sau mười năm trời mà chỉ có vài ba lá thư thì anh ạ, anh không thể chỉ ở đây vồn vện có hai tư tiếng đồng hồ được.”

“Bác ấy có gửi quà cho con,” Will nói. “Giáng Sinh nào cũng thế.”

Bác Bill cười với cậu. “Thím Alice này,” đột nhiên bác quay sang bà Stanton nói, “nhân dịp Will tuần này đang được nghỉ học, và cũng chẳng bận gì lắm, sao chú thím không để tôi đưa nó xuống Cornwall chơi nhỉ? Đến cuối tuần tôi sẽ cho nó đi tàu về. Chúng tôi đã thuê một căn nhà rộng hơn cần thiết nhiều. Và ông bạn tôi cũng có mấy đứa cháu theo cùng, tôi nghĩ là chúng nó cũng bằng tuổi Will đấy.”

Will ghen thở reo lên một tiếng, rồi lo lắng đưa mắt nhìn bố mẹ. Trán cau lại nghiêm nghị, họ bắt đầu một bản song ca chẳng cần nghe cũng đoán được.

“Vâng, như thế thì thật là tốt quá...”

“Liệu anh có chắc rằng cháu nó sẽ không...”

“Hắn nó sẽ rất thích...”

“Nếu chị Frannie không thấy...”

Bác Bill nháy mắt với Will. Will đi lên gác và bắt đầu xếp đồ vào balô. Cậu xếp năm đôi tất, năm bộ đồ lót để thay, sáu áo sơ mi, một áo len chui đầu và một áo khoác, hai quần soóc, và một đèn pin. Rồi cậu sực nhớ ra là ông bác đến mai mới khởi hành, nhưng bây giờ mà lại dỡ đồ ra thì thật là ngớ ngẩn. Cậu liền chạy xuống nhà, chiếc balô này từng từng trên lưng như một quả bóng đá bơm quá căng.

Mẹ cậu bảo, “Thôi, Will, nếu con thật sự muốn...Ồ”

“Chúc con vui vẻ, Will,” bố cậu nói.

Bác Bill bật cười. “Xin phép chú thím” ông nói “Cho tôi dùng nhờ điện thoại...”

“Để cháu chỉ cho bác.” Will dẫn ông ra sảnh. “Không nhiều đồ quá chứ ạ?” cậu hỏi, nghi ngại liếc nhìn cái balô căng phồng.

“Không sao đâu.” Bác cậu đang quay số. “Alô? Xin chào, Merry. Mọi chuyện OK chứ? Tốt. Chỉ thêm một việc nữa thôi. Thằng cháu út của tôi sẽ đi theo một tuần. Nó không có nhiều hành lý lắm đâu,” ông toét miệng cười với Will, “nhưng tôi nghĩ là nên báo trước để ông không lái một cái xe hai chỗ ngồi bé tí hin đến... Ha ha. Không, không hợp với ông lắm... được rồi, tuyệt, hẹn gặp ông ngày mai.” Rồi ông gác máy.

“Rồi, anh bạn,” ông nói với Will. “Sáng mai chín giờ sẽ lên đường. Như thế được chứ, thím Alice?” ông hỏi bà Staton đang bưng khay trà đi ngang qua sảnh.

“Được ạ” bà đáp lại.

Từ khi bác Bill bắt đầu nói chuyện qua điện thoại, Will đã đứng như trời trồng. “Merry à?” cậu chậm rãi nói. “Cái tên nghe lạ nhỉ.”



“Lạ lắm phải không?” ông bác nói. “Một người cũng rất lạ. Ông ấy dạy ở trường Oxford đấy. Một bộ óc lỗi lạc, nhưng bác đoán là cháu sẽ thấy ông ấy hơi kỳ cục... rất nhút nhát, ghét gặp người lạ. Dù sao thì ông ấy cũng rất đáng tin cậy,” ông vội nói thêm với bà Stanton. “Và là một tài xế tuyệt hảo.”

“Có chuyện gì vậy, Will?” mẹ cậu hỏi. “Trông con như vừa nhìn thấy ma ấy. Con có sao không?”

“Không sao ạ? Will nói. “Không. Con chẳng sao hết.”

\*\*\*

Simon, Jane và Barney loay hoay đi ra khỏi ga St Austell, tay xách linh kính vali, túi giấy, áo mưa và sách. Đám đông trên chuyến tàu từ London đến đang thưa dần xung quanh chúng, biến vào những chiếc ô tô, xe buýt, taxi.

“Ông nói là ông sẽ đến đón bọn mình mà, phải không?”

“Tất nhiên là ông sẽ đến rồi.”

“Chị chẳng thấy ông đâu cả.”

“Ông chỉ đến muộn một tẹo thôi mà.”

“Ông Merry có đến muộn bao giờ đâu.”

“Bọn mình nên xem xe buýt đến Trewissick rời bến ở đâu, để đề phòng trước.”

“Không, ông kia rồi, em thấy ông rồi. Em đã bảo là ông không bao giờ đến muộn mà.” Barney nhảy căng lên, tay vẫy vẫy. Rồi nó dừng lại. “Nhưng ông không đi một mình. Có một người nữa đi cùng với ông.” Một thoáng giận dữ len vào giọng nói của nó. “Và một thằng nhóc.”

\*\*\*

Một chiếc xe bấm còi dứt khoát một, hai, ba lần, ngoài cửa nhà Stanton.

“Đi nào,” Bác Bill nói, xách chiếc túi của mình, và cái balô của Will lên.

Will vội vã hôn tạm biệt bố mẹ, lao đảo dưới sức nặng của chiếc túi khổng lồ đựng nào là bánh sandwich, phích nước nóng và đồ uống ướp lạnh mà mẹ đã chất lên tay cậu.

“Con phải ngoan đấy nhé,” bà dặn.

“Tôi nghĩ là Merry sẽ không ra khỏi xe đâu.” Bác Bill nói với bà trong khi họ đi ra cổng. “Ông ấy rụt rè lắm, thím đừng để ý. Nhưng ông ấy là một ông bạn tốt. Cháu sẽ mến ông ấy đấy, Will ạ.”

Will nói, “Cháu dám chắc là thế”.

Ở cuối con đường, một chiếc Daimler to tướng cỡ kính đang đứng đợi.

“Ái chà,” bố Will nói về kính nể.

“Thế mà tôi cứ lo là không có chỗ đấy!” Bác Bill nói. “Tôi phải đoán được là ông ấy sẽ lái một cái xe như thế này mới phải. Thôi, chào cả nhà. Will, cháu lên ngồi ghế trước đi.”

Sau một hồi chào tạm biệt rồi rít, họ trèo lên chiếc xe sang trọng; một người quần khăn đang khom mình ôm lấy bánh lái, trên đầu đội một cái mũ lông màu nâu nom thật khiếp.

“Merry,” bác Bill nói khi họ lái xe đi, “đây là cháu và con trai đỡ đầu của tôi. Will Stanton, bác này là Merriman Lyon.”

Người lái xe ném chiếc mũ xấu xí sang một bên, và một mớ tóc bạc trắng được giải thoát liền dựng đứng lên bù xù. Cặp mắt tối sẫm thâm quầng liếc nhìn Will trên khuôn mặt trông nghiêm đầy kiêu hãnh với cái mũi khoằm.

“*Xin chào, Cố Nhân,*” một giọng nói quen thuộc vang lên trong đầu Will.

“*Được gặp ông thật là tuyệt,*” Will vui mừng đáp lại trong đầu.

“Chào cháu, Will Stanton,” Merriman nói.

“Chào ông ạ” Will nói.

\*\*\*

Suốt dọc đường từ Buckinghamshire đến Cornwall, mọi người trò chuyện không ngừng, nhất là sau bữa trưa dã ngoại, khi ông bác của Will thiếp đi và ngủ li bì trên cả quãng đường còn lại.

Cuối cùng Will nói, “Tức là Simon, Jane và Barney không hề hay biết là phe Bóng Tối đã sắp đặt thời điểm đánh cắp chiếc chén Thánh để kịp lễ kết Phù Thủy Xanh?”

“Chúng chưa bao giờ nghe nói đến Phù Thủy Xanh” Merriman nói. “Cậu sẽ có đặc quyền nói cho chúng biết. Tất nhiên là thân mật như nói chuyện bình thường thôi.”

“Hừm,” Will nói. Cậu đang nghĩ đến một việc khác. “Cháu sẽ thấy khá hơn nhiều nếu như chúng ta biết được thể lực Bóng Tối có hình dạng ra sao.”

“Một trở ngại cũ. Không có cách nào giải quyết được.” Merriman liếc nhìn cậu, một bên mày rậm bạc trắng nhướn lên. “Chúng ta chỉ phải đợi xem sao thôi. Và ta nghĩ là chúng ta sẽ không phải đợi lâu đâu...”

Khá muộn chiều hôm đó chiếc Daimler mới trang trọng rờ máy tiến vào sân trước nhà ga St Austell ở Cornwall. Will thấy giữa đồng hành lý là một cậu bé lớn hơn cậu một chút, mặc áo vét đồng phục học sinh và có vẻ biết rõ mình là người chỉ huy; một cô bé cao bằng nó, mái tóc dài buộc kiểu đuôi ngựa, mặt lo lắng; và một chú bé với mái tóc vàng nhạt gần như thành màu bạch kim, đang bình thản ngồi trên một cái vali nhìn họ tiến lại gần.

“*Nếu họ không được biết gì về cháu*” cậu dùng thần giao cách cảm của Cổ Nhân nói với Merriman, “*thì cháu nghĩ là họ sẽ ghét cháu thậm tệ cho xem.*”

“*Điều đó có thể đúng*” Merriman nói. “*Nhưng tình cảm riêng tư của bất cứ ai trong chúng ta cũng không quan trọng, nếu đem ra so sánh với tính*

*cấp bách của sứ mệnh này.”*

Will thở dài. *“Hãy để mắt đến Phù Thủy Xanh,”* cậu nói.

## CHƯƠNG HAI

“Ông nghĩ cháu sẽ ở phòng này, Jane ạ,” ông Merriman nói, mở cửa một phòng ngủ và cẩn thận cúi đầu chui vào. “Phòng nhỏ, nhưng cảnh nhìn từ cửa sổ rất đẹp.”

“Ôi!” Jane thích thú kêu lên.

Căn phòng sơn màu trắng, treo những tấm rèm cửa màu vàng rực vui mắt, và trên giường là một tấm chăn cũng màu vàng. Trần nhà dốc xuống nên một bên tường chỉ cao bằng nửa bên kia, và trong phòng chỉ vừa đủ chỗ đặt giường, bàn gương và một cái ghế. Nhưng căn phòng nhỏ dường như tràn ngập ánh nắng, mặc dù bầu trời bên ngoài vẫn xám xịt. Jane đứng bên cửa sổ nhìn ra ngoài, trong khi Ông Merry dẫn hai anh em trai đến phòng chúng, và em nghĩ rằng khung cảnh mình nhìn thấy từ cửa sổ chính là điều tuyệt hơn cả.

Em đang đứng trên cao phía bên này bến cảng, nhìn xuống những con thuyền và đê chắn sóng, cái cầu tàu chất đầy hộp lẫn giỏ bắt tôm hùm, và nhà máy đồ hộp nhỏ xíu. Mọi sinh hoạt của cái bến cảng bận rộn đang ồn ã dưới chân em, và xa xa mé bên trái, phía ngoài tường cảng và dải đất tối sẫm tên gọi Mũi Kemare, là mặt biển. Biển giờ đang xám xịt, lốm đốm những vệt trắng. Mắt Jane rời khỏi đường chân trời phẳng lì trên mặt biển, em nhìn thẳng qua con dốc ở phía đối diện bến cảng, và thấy ngôi nhà cao hẹp mà cả nhà đã nghỉ mùa hè năm ngoái. Ngôi nhà Xám. Tất cả đã bắt đầu ở đó.

Simon gõ gõ lên cửa và thò đầu vào. “Ê, phòng này có cảnh nhìn đẹp quá nhỉ. Phòng của anh với Barney chẳng có cảnh như thế này, nhưng cũng được phết, vừa dài vừa hẹp.”

“Như một cái quan tài ấy,” Barney nói giọng ồm ồm đằng sau cánh cửa.

Jane cười khúc khích. “Vào đây đi, nhìn Ngôi nhà Xám ở kia kìa. Không biết liệu bọn mình có gặp được cái ông Thuyền Trưởng gì gì ấy, người đã cho Ông Merry thuê nhà không nhỉ?”

“Toms,” Barney nói. “Thuyền Trưởng Toms. Và em muốn gặp lại Rufus, mong là nó vẫn còn nhớ em. Chó có trí nhớ rất tốt mà, phải không?”

“Cứ thử bước qua ngưỡng cửa nhà Thuyền Trưởng Toms mà xem, mà sẽ biết liền” Simon nói. “Nếu Rufus cắn mà thì tức là chó không có trí nhớ tốt.”

“Vui đấy.”

“Cái gì thế nhỉ?” Jane đột nhiên nói. “Suyt!”

Ba đứa đứng yên trong sự tĩnh lặng vỡ bởi tiếng ô tô và tiếng chim mòng biển, cùng với tiếng biển rì rầm bao trùm lên tất cả. Rồi chúng nghe thấy một tiếng gõ khe khẽ.

“Nó phát ra từ phía tường bên kia! Cái gì thế nhỉ?”

“Có vẻ như có một nhịp điệu gì đó thì phải. Anh nghĩ là mã Moóc. Ai biết mã Moóc không?”

“Em không biết,” Jane nói. “Lẽ ra anh nên đi làm hướng đạo sinh mới phải.”

“Năm ngoái bọn em phải học mã Moóc ở trường” Barney ngập ngừng nói. “Nhưng em không... khoan đã. Đây là chữ D... cái này thì không biết... E... ờ... W... Chữ này em nhớ. Đây, lại gõ nữa kìa. Cái quái gì mà...”

“Drew,” Simon bất ngờ kêu lên. “Ai đó đang gõ chữ ‘Drew’. Gọi bọn mình.”

“Chính là thằng bé đó đấy,” Jane nói. “Ngôi này là hai căn nhà nhỏ liền với nhau, vì thế hẳn là nó có căn phòng y hệt như thế này ở phía bên kia tường”

“Stanton” Barney nói.

“Đúng rồi. Will Stanton. Gõ trả lời đi, Barney.”

“Không” Barney nói.

Jane trở mắt nhìn nó. Mái tóc bạch kim của nó đã rũ xuống một bên che mắt mặt, nhưng em có thể thấy môi dưới của nó bấu ra với cái vẻ ương bướng mà em biết rất rõ.

“Tại sao lại không chứ?”

“Bây giờ thì nó thôi gõ rồi,” Barney đáp lảng.

“Nhưng tỏ ra thân thiện thì có hại gì đâu.”

“Ờ. Không. Ờ. Em cũng chẳng biết nữa... đến là bực mình. Em không hiểu sao Ông Merry lại cho nó đi cùng. Làm sao mà chúng ta có thể tìm được cách giành lại chiếc chén Thánh khi có một thằng nhóc lạ mặt quần quanh chứ?”

“Có lẽ là Ông Merry không thể không cho nó theo,” Jane nói. Em xoa tóc và lôi từ trong túi ra một chiếc lược. “Ý chị là, bạn của ông là ông Stanton đã thuê ngôi nhà này, và Will là cháu ông Stanton. Chỉ có vậy thôi, phải không nào?”

“Bọn mình có thể thoát được nó dễ thôi,” Simon tự tin nói. “Hoặc là giữ không cho nó lại gần. Nó sẽ sớm nhận ra là bọn mình không muốn có nó, trông nó có vẻ khá là sáng dạ đấy.”

“Ờ, nhưng ít ra chúng mình cũng phải tỏ ra lịch sự,” Jane nói. “Bắt đầu từ bây giờ... chỉ vài phút nữa là đến giờ ăn tối rồi.”

“Tất nhiên,” Simon ôn tồn đáp. “Tất nhiên rồi.”

\*\*\*

“Thật là một nơi tuyệt vời,” Will nói, mặt ửng hồng vui thích. “Cháu có thể nhìn thẳng ra bến cảng từ cửa sổ phòng cháu. Ngôi nhà này là của ai ạ?”

“Một ngư dân tên là Penhallow,” ông bác đáp “Bạn của Ông Merry. Hẳn hai căn nhà đã thuộc về gia đình họ khá lâu rồi, căn cứ vào cái kia.” Ông đưa tay chỉ một tấm ảnh đã ố vàng bên trên lò sưởi, đóng trong một chiếc khung cầu kỳ, trong ảnh là một quý ông thời Victoria với chiếc cổ cồng cứng đơ và bộ comlê màu sẫm. “Ông nội của ông Penhallow đấy, người ta bảo bác thế. Nhưng tất nhiên là hai căn nhà đã được tân trang. Có thể thuê riêng từng căn, hoặc là thuê cả hai... hai bác đã thuê cả hai khi Merry quyết định mời bọn trẻ nhà Drew đến. Cả hai nhà sẽ cùng ăn với nhau ở đây.”

Ông đưa tay khoát một vòng quanh căn phòng vui tươi với những giá sách, ghế bành và đèn bàn, cái mới cái cũ, với một cái bàn lớn và tám chiếc ghế có lưng tựa cao sang trọng

“Bác biết ông Lyon đã lâu chưa ạ?” Will tò mò hỏi.

“Khoảng một hai năm gì đó,” ông Bill Stanton nói, vươn vai trong chiếc ghế tựa ông đang ngồi, những viên đá kê lạnh canh trong chiếc cốc ông cầm trong tay. “Mình gặp ông ấy ở Jamaica, phải không, Fran? Hai bác đang đi nghỉ...bác chưa bao giờ tìm ra được là hồi đó Ông Merry cũng đang đi nghỉ hay là có công chuyện gì.”

“Có công chuyện” vợ ông nói, bà đang bận rộn sắp bát đĩa lên bàn. Bà là một phụ nữ điềm tĩnh và trắng trẻo, cao ráo và chậm chạp: hoàn toàn không giống như những gì Will vẫn tưởng tượng về một người Mỹ. “Ông ấy đi khảo sát cái gì đó cho chính phủ. Ông ấy là giáo sư ở Đại học Oxford,” bà nói với Will về kính nể. “Một người rất, rất thông minh. Và cũng rất dễ mến... ông ấy đã đến tận Ohio để ở với hai bác mấy ngày vào dịp thu vừa rồi, nhân dịp đến giảng bài ở Yale.”

“À,” Will tư lự nói. Cậu không kịp hỏi gì thêm vì có tiếng động lớn đột ngột phát ra từ bức tường bên cạnh cậu. Một cánh cửa gỗ lớn mở ra, suýt nữa thì va vào lưng cậu, và ở khung cửa là Merriman, đang đóng lại cánh cửa y hệt thế bên ngoài nó.

“Đây là nơi hai căn nhà nối với nhau,” Merriman nói, nhìn xuống về mặt kính ngạc của Will và hơi mỉm cười. “Khi hai căn nhà được thuê riêng thì họ sẽ khóa cả hai cửa.”

“Sắp có bữa tối rồi,” Fran Stanton nói với chất giọng kéo dài dẹt của bà. Bà vừa dứt lời thì một phụ nữ nhỏ bé phấp phấp có búi tóc bạc đi vào phòng sau lưng bà, bưng theo một cái khay lách cách những chén và đĩa.

“Xin chào Giáo Sư,” người phụ nữ nhỏ bé nói, mỉm cười với Merriman. Will thấy mẩn khuôn mặt bà ngay tức thì: mọi đường nét trên đó dường như đều được tạo ra bởi nụ cười.

“Xin chào, bà Penhallow.”

“Will,” bác của cậu bảo, “đây là bà Penhallow. Bà ấy và ông nhà là chủ hai căn nhà này. Đây là cháu tôi, Will.”

Bà cười với cậu và đặt chiếc khay xuống “Mừng cháu đã đến Trewissick, cưng à. Hai bác sẽ đảm bảo cho cháu có một kỳ nghỉ ní thú, cùng với ba đứa quý con kia.”

“Cảm ơn bác ạ,” Will nói.

Cánh cửa ngăn cách bật mở, và ba đứa trẻ nhà Drew đi vào.

“Bác Penhallow! Bác có khoẻ không ạ?”

“Bác có thấy con Rufus ở quanh đây không ạ?”

“Lần này bác trai sẽ đưa chúng cháu đi câu cá chứ ạ?”

“Cái bà Palk kinh khủng ấy có còn đây không ạ? Cả thằng cháu của bà ta nữa?”

“Chiếc thuyền Thạch Nam Trắng thế nào rồi ạ?”

“Từ từ, từ từ thôi,” bà cười nói.

“Thôi được,” Barney nói. “Bác trai thế nào ạ”



“Ông ấy vườn khỏe. Giờ thì nài đang trên thuyền rồi, tất nhiên. Các cháu ngồi đây chờ một lát trong khi bác đi sửa soạn bữa tối.” Bà hối hả đi ra

“Bác thấy ba đưa các cháu có vẻ biết rõ nơi này nhỉ.” Bill Stanton nói, khuôn mặt tròn của ông đầy vẻ nghiêm nghị.

“Ồ, vâng.” Barney tự hào đáp. “Ở đây ai cũng biết chúng cháu.”

“Chúng cháu sẽ phải đi gặp lại nhiều bạn cũ lắm” Simon nói hơi to quá, mắt liếc nhìn Will.

“Đúng, trước kia chúng đã đến đây rồi. Hè năm ngoái chúng đã ở đây hai tuần” Merriman nói. Barney cúi kính nhìn ông. Khuôn mặt hần đầy nếp nhăn của ông có vẻ hoàn toàn bình thản.

“Ba tuần chứ ạ,” Simon sửa lại.

“Thế à? Ông xin lỗi.”

“Được quay lại đây thật là tuyệt,” Jane nói một cách xã giao. “Cảm ơn hai bác đã cho phép chúng cháu đến cùng, bác Stanton.”

“Không có gì.” Bác của Will phẩy tay. “Mọi việc sẽ ổn thỏa cả... ba cháu và Will sẽ có một khoảng thời gian tuyệt vời, và để mấy người già các bác ở lại với nhau.”

Im lặng một thoáng. Rồi Jane vui vẻ nói, mà không nhìn hai anh em mình, “Vâng, đúng thế ạ.”

Will hỏi Simon, “Tại sao nơi này lại có tên là Trewissick?”

“Ờ” Simon bị bất ngờ lúng túng nói, “tớ cũng chẳng biết nữa. Ông có biết không, ông Gumerry?”

“Cháu hãy tự tra tìm đi,” ông dừng dưng đáp lại. “Nghiên cứu sẽ làm trí nhớ thêm nhạy bén.”

Will rụt rè nói, “Đây là nơi người ta tổ chức nghi lễ Phù Thủy Xanh, phải không?”

Ba đưa trẻ nhà Drew trở mắt nhìn cậu. “Phù Thủy Xanh? Đó là cái gì?”

“Đúng vậy đây,” Merriman nói. Ông nhìn xuống chúng, khoe miệng hơi giật giật.

“Tớ đọc được trong một cuốn sách viết về Cornwall,” Will nói.

“À,” ông Bill Stanton lên tiếng. “Will là một nhà nhân loại học cơ đấy, bố nó bảo bác thế. Các cháu cẩn thận đấy. Nó biết rất nhiều về nghi lễ và các thứ tương tự”

Will có vẻ rất bối rối. “Chỉ là một nghi lễ mùa xuân thôi mà,” cậu nói. “Họ kết một hình người bằng lá và ném nó xuống biển. Đôi khi nó được gọi là Phù Thủy Xanh, đôi khi lại gọi là Cô Dâu của Vua Mark. Một phong tục cổ.”

“À phải rồi. Giống như lễ hội hóa trang chứ gì” Barney nói vẻ coi thường. “Vào mùa hè ấy.”

“Ờ, không, không hẳn.” Will xoa xoa tai và nói như muốn xin lỗi. “Ý mình là, lễ hội hóa trang Lammas ấy chủ yếu là để thu hút khách du lịch thôi, phải không?”

“Hừ!” Simon nói,

“Anh ấy nói phải đấy,” Barney nói. “Ở lễ hội năm ngoái có nhiều khách du lịch nhảy nhót trên phố hơn là dân địa phương nhiều. Trong đó có cả em nữa.” Nó nhìn Will vẻ đăm chiêu,

“Đây rồi!” bà Penhallow kêu lên, bước vào phòng với một khay thức ăn to gần bằng người bà.

“Hắn bà Penhallow phải biết rõ về Phù Thủy Xanh,” bà Fran Stanton nói với chất giọng Mỹ nhẹ nhàng của mình. “Có phải không, bà Penhallow?”

Bà nói vậy chỉ vì muốn giữ cho không khí được thân mật, vì tình hình có vẻ đang trở nên hơi căng thẳng. Nhưng nó lại có tác dụng ngược lại. Người phụ

nữ Cornwall nhỏ bé phấp phấp đặt mạnh cái khay xuống bàn, và nụ cười biến khỏi khuôn mặt bà.

“Tôi không muốn lói đến phù thủy gì hết,” bà nói, lịch sự nhưng dứt khoát, và lại bước ra.

“Ôi, trời ơi,” bà Fran chán nản kêu lên.

Ông chồng bà bật cười. “Mụ Yankee kia, quay về nhà đi,” ông nói.

*(Yankee: Chỉ người Mỹ.)*

\*\*\*

“Cái lễ Phù Thủy Xanh này thực ra là thế nào hở ông Gumerry?” sáng hôm sau Simon hỏi vậy.

“Will đã kể cho các cháu rồi đấy thôi.”

“Tất cả những gì nó biết là từ một quyển sách nào đấy.”

“Cháu e là anh chàng này sẽ gây phiền toái cho mà xem,” Barney nói vẻ khó chịu.

Merriman nghiêm khắc nhìn xuống nó “Đừng bao giờ coi thường ai cho đến khi cháu biết rõ người đó”

Barney thanh minh “Cháu chỉ định nói là...”

“Im đi, Barney,” Jane bảo.

“Lễ kết Phù Thủy Xanh,” Merriman nói “là một nghi lễ mùa xuân cổ xưa giờ vẫn còn được tổ chức ở đây, để đón chào mùa hè và cầu cho vụ mùa lần đánh bắt cá bội thu. Tình cờ là chỉ một hai ngày nữa thôi nghi lễ sẽ được tiến hành. Nếu tất cả các cháu đều tỏ ra thận trọng mềm mỏng hơn một chút thì có lẽ Jane sẽ được đi xem lễ đấy.”

“Jane ấy à?” Barney hỏi. “Chỉ mỗi mình chị Jane thôi ạ?”

“Lễ kết Phù Thủy Xanh là một nghi lễ kín của ngôi làng” Merriman nói. Jane thấy giọng ông như có vẻ căng thẳng, nhưng mặt ông gần sát mái nhà ở chỗ đầu cầu thang nhỏ hẹp đến nỗi khuất hẳn trong bóng tối “Thông thường thì không có người khách lạ nào được phép lại gần. Còn về dân địa phương thì cũng chỉ có phụ nữ là được phép có mặt mà thôi.”

“Trời ạ!” Simon công phẫn kêu lên.

Jane nói, “Nhưng chúng ta phải làm cái gì đó về chuyện chiếc chén Thánh chứ, ông Gumerry? Ý cháu là, đó là lý do chúng ta đến đây kia mà. Và chúng ta cũng không có nhiều thời gian”

“Hãy kiên nhẫn,” Merriman nói. “Ở Trewissick này, như các cháu còn nhớ đấy, ta không bao giờ phải đi tìm kiếm chuyện gì cả. Mọi chuyện thường sẽ tự xảy ra thôi.”

“Nếu vậy thì,” Barney nói, “cháu sẽ đi dạo một lát” Nó kín đáo ôm một tập sách mỏng vào sát người, nhưng từ trên cao tựa một ngọn hải đăng, ông Merry của nó đã nhìn thấy.

“Cháu đi về à?” ông hỏi.

“Vâng ạ,” Barney miễn cưỡng đáp. Mẹ của chúng là một họa sĩ. Barney vốn luôn tỏ ra kinh hoàng khi có ai nhận định nó cũng có cái tài ấy, nhưng trong vòng mười hai tháng vừa qua nó đã bối rối nhận thấy niềm say mê hội họa đang bắt đầu lên tiến đến xâm chiếm nó.

“Cháu thử vẽ cái nhà này từ phía bên kia xem sao” Merriman bảo. “Và vẽ cả những con thuyền nữa.”

“Vâng. Nhưng tại sao ạ?”

“Ồ, ông cũng không biết,” ông lơ đễnh đáp. “Có thể sẽ có ích. Một món quà cho ai đó. Thậm chí có khi là cho ông cũng chưa biết chừng.”

\*\*\*

Khi vượt qua cầu cảng, Barney đi ngang qua một người đàn ông đang ngồi bên giá vẽ. Đó là một cảnh khá phổ biến ở Trewissick, giống như vô số các ngôi làng đẹp khác ở Cornwall, rất hay được các họa sĩ nghiệp dư lui tới. Người họa sĩ này có mớ tóc dày sẫm màu rối bù, và dáng người to ngang, vạm vỡ. Barney dừng lại và nhìn trộm qua vai ông ta. Nó chớp chớp mắt kinh ngạc. Trên giá vẽ là một bức tranh trừu tượng man rợ với những màu tươi nguyên sắc, trông chẳng có gì giống với cảnh bến cảng trước mặt họ; một bức tranh đáng ngạc nhiên, nếu đem ra so sánh với những bức vẽ màu nước nhạt nhợt, thô sơ mà mười chín trong số hai mươi họa sĩ ở bến cảng Trewissick thường cho ra đời. Người đàn ông nọ mài miệt vẽ như bị loạn óc. Ông ta nói, mà không ngừng tay hay quay lại, “Đi đi.”

Barney nấn ná lại một lát. Bức tranh quả thực là mạnh mẽ, một sức mạnh kỳ quái khiến nó bỗng dưng thấy sờ sợ.

“Đi đi,” người đàn ông kia nói to hơn.

“Cháu đi đây,” Barney nói, lui lại một bước “Nhưng sao ở chỗ góc trên kia lại là màu xanh lá cây? Sao không phải là xanh da trời? Hay là một sắc xanh lá cây đẹp hơn?”

Nó thấy khó chịu trước cái đường dích dắc khủng khiếp tạo ra bởi một sắc độ hết sức kinh khủng, một sắc xanh vàng ệch như mù tạt, hút hết sự chú ý của người xem khỏi phần còn lại của bức tranh. Người đàn ông bắt đầu càu nhàu như một con chó gầm gừ, và đôi vai rộng của ông ta cứng lại. Barney vội bỏ chạy. Nó tự nhủ một cách bướng bỉnh, “Nhưng cái màu đó chẳng hợp lý tẹo nào.”

Sang đến phía bên kia bến cảng, nó ngồi lên một bức tường thấp, phiến đá dốc đứng của mũi đất ở sau lưng. Ở đây không còn thấy ông họa sĩ cáu bẳn nữa, ông ta đã khuất sau hàng đồng thùng cá quen thuộc của cầu cảng. Barney chuốt nhọn chiếc bút chì bằng con dao gấp của mình và bắt đầu vẽ. Bức ký họa một chiếc thuyền đánh cá đơn độc không được như ý muốn, nhưng đường nét của toàn bộ bến cảng được phác thảo khá ổn, và Barney liền chuyển từ bút chì sang chiếc bút mực ngồi mềm kiểu cũ mà nó đặc biệt

ưa thích. Sau đó nó bắt đầu vẽ rất nhanh, hài lòng với bức tranh, mê mải với từng chi tiết nhỏ, nhận thức được... cái nhận thức hãy còn mới mẻ, mới có từ mùa xuân này... rằng một điều gì đó trong bản thân mình đang được truyền qua những ngón tay. Tựa như một phép màu. Ngẩng đầu lên lấy hơi, nó dừng lại, và giờ bức tranh ra xa ngấm ngấm.

Và, không một tiếng động, một bàn tay to tướng xỏ trong ống tay áo đen thò ra từ một bên và giật lấy tập giấy ký họa. Barney chưa kịp quay đầu lại thì đã nghe thấy tiếng giấy bị xé đánh xoạc một cái. Rồi tập giấy bị ném trở lại xuống dưới chân nó, lăn qua lăn lại trên mặt đất. Có tiếng chân chạy. Barney nhảy bật dậy, kêu lên phẫn nộ, và nhìn thấy một người đàn ông đang chạy dọc dải đất rìa bến cảng, bức tranh xé từ tập giấy trắng nổi bật trên bộ quần áo đen của hắn. Đó chính là gã họa sĩ tóc dài râu bần mà nó đã nhìn thấy lúc này.

“Này!” Barney giậm dừ hét lên “Quay lại đây”

Không hề liếc nhìn lại, gã đàn ông chạy vòng qua khúc quanh ở cuối bức tường cảng. Hắn đã chạy trước được một quãng xa, và đường ở bến cảng lại lên dốc. Barney lao đến chỉ vừa kịp nghe thấy tiếng một chiếc ô tô rồ máy phóng đi. Nó quay ngoắt lại phía con đường, và đâm sầm vào một người đang đi lên dốc.

“Hự!” người lạ mặt hức lên một tiếng khi bị xô phải. Rồi người đó lấy lại hơi. “Barney!”

Đó chính là Will Stanton.

“Một gã đàn ông” Barney thở hỗn hển, đưa mắt nhìn xung quanh. “Một gã mặc áo len đen.”

“Có một người đàn ông chạy lên khỏi bến cảng ngay trước em” Will nhú mồm nói. “Ông ta nhảy lên một chiếc xe và lái đi theo hướng đó.” Cậu chỉ về phía ngôi làng.

“Chính là hấn đấy,” Barney nói. Nó bực bội nhìn chăm chăm theo con đường trống trơn

Will cũng nhìn theo, tay vịn vịn cái khoá kéo ở áo khoác. Cậu nói với vẻ mạnh mẽ không ngờ “Mình ngu quá, ngu quá, mình biết là thế nào có chuyện...chỉ không tỉnh táo, đang mải nghĩ đến...” Cậu lắc đầu như muốn hất một cái gì ra. “Hấn đã làm gì?”

“Hấn như dở người ấy. Điên khùng.” Barney gần như không còn nói nổi nữa vì tức giận. “Em đang ngồi vẽ dưới kia, thì bỗng dưng hấn từ đâu xuất hiện, xé bức tranh ra khỏi tập giấy vẽ của em và bỏ chạy. Người bình thường thì ai làm thế làm gì?”

“Em có biết hấn không?”

“Không. Ờ, thật ra là em có nhìn thấy hấn, nhưng mới chỉ hôm nay thôi. Hấn ngồi vẽ dưới bên cạnh với một cái giá vẽ.”

Will toét miệng cười. Một nụ cười thật ngớ ngẩn, Barney nghĩ. “Nghe thì có vẻ như hấn cho là bức tranh của em đẹp hơn tranh của hấn.”

“Ồ, thôi đi,” Barney sốt ruột nói.

“Ờ, thế tranh của hấn trông ra sao?”

“Rất lạ. Trông kỳ quái lắm.”

“Đấy, thấy chưa.”

“Thấy cái quái gì. Nó rất kỳ lạ, nhưng cũng đẹp, đẹp theo kiểu bệnh hoạn ấy.”

“Trời ơi,” Will nói, mặt bỗng đỏ ra. Barney quắc mắt nhìn vào khuôn mặt tròn với mái tóc nâu dày của cậu, và càng thấy bực mình hơn bao giờ hết. Nó bắt đầu nghĩ cách chuồn đi.

“Hấn có một con chó trong xe,” Will lơ đãng nói.

“Một con chó ấy à?”

“Sủa như điên. Em không nghe thấy à? Nó nhảy loạn lên nữa. Suýt nữa thì nó đã nhảy ra khỏi xe khi hấn ta trèo lên. Mong là nó không nhai mất bức tranh của em.”

“Em nghĩ là nó sẽ nhai thôi,” Barney lạnh lùng nói.

“Một con chó rất đẹp,” Will nói tiếp, vẫn với cái giọng lơ đãng, mơ màng như vậy. “Giống chó săn lông xù của Ireland, lông đỏ rực. Người tử tế chẳng ai lại nhốt một con chó như thế trong xe cả.”

Barney đứng sững như trời trồng, nhìn cậu. Ở Trewissick chỉ có một con chó duy nhất như vậy. Đột nhiên nó nhận ra rằng ngay phía bên kia đường là ngôi nhà cao màu xám quen thuộc. Cùng lúc đó, cánh cổng bên ngách ngôi nhà bật mở, và một người đàn ông bước ra: một ông già to khỏe, có bộ râu xám ngắn, đang tựa vào một cây gậy. Ông đứng trên đường, thọc hai ngón tay vào miệng và huýt lên một tiếng hai nốt sắc gọn. Rồi ông gọi, “Rufus? Rufus?”

Barney vội vã chạy ngay về phía ông. “Thuyền Trưởng Toms? Ông là Thuyền Trưởng Toms phải không ạ? Ông ơi, cháu có biết Rufus, cháu đã giúp trông nó hè năm ngoái, và cháu nghĩ là có người đã bắt mất nó rồi. Một gã đàn ông đã nhốt nó trong xe ô tô và lái đi, một gã đàn ông tóc dài mặc đồ đen, hấn đáng sợ lắm.” Nó ngừng lại. “Tất nhiên, nếu đó là người quen của ông thì...”

Ông già có chòm râu xám chăm chú nhìn Barney. “Không” ông nói, chậm rãi, thận trọng. “Ta không quen người nào như thế. Nhưng có vẻ như cháu biết Rufus thật. Và căn cứ vào mái tóc cháu thì ta đoán cháu là cậu cháu út của Merriman. Một người thuê nhà của ta, hè năm ngoái, đúng không? Đám trẻ con tinh mắt ấy.”

“Đúng thế ạ.” Barney mỉm cười. “Cháu là Barnabas. Barney.” Nhưng có một điều gì trong thái độ của Thuyền Trưởng Toms khiến nó bối rối: dường như cùng lúc đó ông cũng đang trò chuyện với ai khác nữa. Ông già thậm chí còn không nhìn nó, ông như đang nhìn trân trân vào mặt nước, vô cảm,



chẳng nhìn cụ thể vào cái gì, chìm đắm trong những suy nghĩ của riêng mình.

Barney đột nhiên nhớ tới Will. Nó quay lại... và kinh ngạc khi thấy Will cũng đang đứng gần nó, đờ đẫn nhìn chẳng vào cái gì cả, mặt vô cảm, như đang lắng nghe. Mọi người làm sao thế nhỉ? “Đây là Will Stanton ạ” nó nói thật to với Thuyền Trưởng Toms.

Khuôn mặt có bộ râu xám không hề thay đổi thái độ. “Phải,” Thuyền Trưởng Toms khẽ nói. Rồi ông lắc đầu, có vẻ như vừa tỉnh dậy. “Cháu nói đó là một người mặc đồ đen à?”.

“Hắn ta là một họa sĩ ạ. Rất xấu tính, cháu chẳng biết hắn là ai nữa. Nhưng Will đã nhìn thấy hắn lái xe đi với một con chó có vẻ y hệt Rufus... và lại ngay trước cửa nhà ông...”

“Ta sẽ đi dò hỏi xem sao” Thuyền Trưởng Toms an ủi nó. “Nhưng vào đây, vào đây, cả hai cháu. Cháu hãy dẫn bạn đi xem Ngôi nhà Xám đi, Barnabas. Ta phải tìm chìa khoá... lúc này ta đang bận làm vườn...” Ông lần mò trong túi, vổ vổ một cách vô ích lên chiếc áo khoác bằng cánh tay không cầm gậy. Rồi họ đi đến cửa trước.

“Cửa mở rồi!” Will nói sắc gọn. Giọng cậu rất dứt khoát, khác hẳn với những lời lắp bắp không ra đầu đuôi gì của cậu ban nãy, và Barney chớp chớp mắt kinh ngạc.

Thuyền Trưởng Toms dùng cây gậy đẩy cánh cửa khép hờ ra, và khó nhọc bước vào. “Đây là cách tên đó đưa được Rufus ra ngoài. Mở cửa trước trong khi ta đang ở phía sau... Ta vẫn không tìm thấy chiếc chìa khoá đó.” Ông lại bắt đầu lần mò trong túi.

Đi theo ông, Barney thấy có cái gì sột soạt dưới chân, nó cúi xuống và nhặt lên một tờ giấy trắng “Ông quên không lấy...” Nó bỗng im bật. Trên mẫu giấy có mấy dòng ngắn ngủn, viết bằng chữ to. Chỉ liếc qua một cái là nó đã đọc được hết. Nó chìa tờ giấy ra cho ông thuyền trưởng, nhưng chính Will, cái cậu Will lanh lợi kỳ lạ này, lại cầm lấy và đứng nhìn chăm chăm vào tờ

giấy cùng với ông già, hai cái đầu gần sát nhau, một trẻ một già, một tóc nâu một tóc bạc.

Bức thư được ghép bằng chữ in to cắt từ báo và dán rất cẩn thận lên tờ giấy. Thư viết, “NẾU MUỐN CON CHÓ CỦA MI CÒN SỐNG QUAY VỀ, THÌ HÃY TRÁNH XA PHÙ THỦY XANH”

## CHƯƠNG BA

Dưới bầu trời buổi hoàng hôn, mặt biển phẳng lặng như gương. Từng đợt sóng dài chậm rãi kéo đến từ Đại Tây Dương, cuộn cuộn như những bắp cơ dưới da, dấu hiệu duy nhất chứng tỏ sức mạnh vĩ đại vô hình của đại dương đang ẩn giấu trong một đêm yên bình. Đoàn thuyền đánh cá lặng lẽ ra khơi, kéo theo sau những vệt sóng xòe rộng như đuôi cá; tiếng động cơ nổ đều đều xuyên qua bầu không khí tĩnh lặng. Jane đứng ở cuối Mũi Kemare, trên đỉnh một khối đá granít đổ xuống biển thành dốc đứng cao hơn sáu mươi mét, và ngắm những con thuyền ra xa dần. Từ chỗ này, nom chúng tựa mấy chiếc thuyền đồ chơi: một đoàn thuyền đánh cá bao nhiêu năm rông cứ hàng tuần, hàng tháng, hàng năm, lại ra khơi trước khi trời tối để tìm cá mồi, cá thu, và săn đuổi chúng cho đến tận lúc bình minh. Mỗi năm số thuyền một ít đi, nhưng mỗi năm đoàn thuyền vẫn đều đặn rời bến.

Mặt trời dần khuất sau đường chân trời, quả cầu lớn rực rỡ tỏa ánh sáng vàng khắp cả mặt biển êm ả, và con thuyền cuối cùng cũng đã rời khỏi bến cảng Trewissick, tiếng động cơ nổ như tiếng tim đập nghèn nghẹt trong tai Jane. Khi vệt sóng cuối cùng tỏa ra và đập vào tường cảng thì mặt trời cũng vội vã hạ xuống bên dưới đường chân trời, và ánh tà dương tháng Tư bắt đầu tắt dần chậm rãi. Một cơn gió nhẹ nổi lên. Jane rùng mình, và kéo chiếc áo khoác vào sát mình hơn; bầu không khí đang tối lại bỗng trở nên se lạnh.

Như để đáp lại cơn gió đó, một tia sáng đột ngột lóe lên ở phía bên kia Vịnh Trewissick, trên mũi đất đối diện với Mũi Kemare. Cùng lúc đó một hơi ẩm bất ngờ phả vào lưng Jane. Em quay ngoắt lại, và thấy mấy đám người tối sẫm nổi lên trên nền ngọn lửa bốc cao, nơi người ta vừa đốt một đồng củi rêu và cành khô chất cao đã nằm chờ đêm nay trở thành lửa mừng. Bà Penhallow đã bảo với em rằng hai đồng lửa hiệu này sẽ cháy cho đến khi đoàn thuyền đánh cá quay về, những ngọn lửa bốc lên suốt đêm đến khi trời rạng sáng.

Bà Penhallow: giờ lại có một bí ẩn nữa. Jane nhớ - lúc chiều hôm đó khi em đang ngồi một mình trong phòng khách, lật lật một quyển tạp chí, đợi Simon. Em đã nghe thấy tiếng hắng giọng lo lắng, và ở ngưỡng cửa bếp là bà Penhallow, tròn trịa, hồng ào, và có vẻ bồn chồn khác hẳn thường lệ.

“Lẽu cháu muốn đi xem nễ kết tối lay, cưng à, thì cứ việc,” bỗng nhiên bà nói.

Jane chớp mắt nhìn bà. “Lễ kết ấy ạ?”

“Nễ kết Phù Thủy Xanh.” Cái chất giọng Cornwall luyến láy của bà Penhallow dường như càng rõ hơn bình thường. “Phải mất cả đêm cơ, nghi nễ ấy dài năm, và thường thường thì người nà không được nại gần đâu. Nhưng nếu cháu thấy thích thì...dù sao thì cháu cũng nà cô bé duy nhất gần gũi với ông Giáo Sư...” Bà khẽ phẩy tay như để tìm từ “Các bà ấy đều đã bằng nòng rồi, và bác sẽ rất vui được đưa cháu đi.”

“Cảm ơn bác,” Jane nói, bối rối nhưng hài lòng. “À mà... bác Stanton đi cùng được không ạ?”

“Không” bà Penhallow đáp lại dứt khoát Bà nói thêm, giọng nhẹ nhàng hơn, khi thấy lông mày Jane nhướn lên, “Bà ấy nà người lược ngoài, cháu hiểu không. Dư thế không thích hợp.”

Đứng trên đỉnh mũi đất, mắt nhìn vào đồng lửa, Jane nhớ lại sự dứt khoát thẳng thừng trong những lời ấy. Em đã chấp nhận lời tuyên bố đó, và sau khi

ăn tối xong đã đi ra mũi đất với bà Penhallow mà thậm chí không giải thích gì với bà Fran Stanton.

Thế nhưng vẫn chẳng ai cho em biết chuyện gì sẽ xảy ra cả. Chẳng ai cho em biết cái vật gọi là Phù Thủy Xanh sẽ trông như thế nào, hay nó sẽ được kết nên ra sao, hay người ta sẽ làm gì với nó. Em chỉ biết rằng nghi lễ sẽ mất cả đêm, và kết thúc khi các ngư dân trở về nhà. Jane lại rùng mình. Đêm đang buông xuống, và em không ưa buổi đêm ở Cornwall chút nào; chúng chứa đựng quá nhiều điều bí ẩn.

Những bóng đen lướt qua các tầng đá xung quanh em, nhảy nhót và biến mất trong khi các ngọn lửa bập bùng cháy. Theo bản năng tìm kiếm bầu bạn, Jane đi đến gần quầng sáng xung quanh đồng lửa; thế nhưng chỗ này cũng chẳng kém phần đáng sợ; bởi vì giờ đây những hình thù lạ lại thò ra thụt vào ở rìa bóng tối, ngoài tầm mắt, và em đột nhiên cảm thấy thật yếu đuối. Em chần chừ đứng lại, sợ hãi vì sự căng thẳng trong bầu không khí.

“Nại đây, cháu” giọng nói dịu dàng của bà Penhallow vang lên bên cạnh em. “Nại đây.” Có một thoáng thúc bách trong giọng bà. Bà vội vã túm lấy cánh tay Jane và kéo em sang một bên. “Đến núc nằm nể kết rồi,” bà nói. “Cháu phải tránh xa ra đây nhớ.”

Và rồi bà lại biến đi, để lại Jane một mình gần một nhóm phụ nữ đang bận bịu với cái gì đó chưa thành hình. Jane tìm thấy một tảng đá và ngồi xuống; em ngắm nhìn họ trong hơi ấm của đồng lửa. Ở đó có rất nhiều phụ nữ, đủ mọi lứa tuổi: các cô gái trẻ mặc quần bò và áo len, những người khác thì mặc váy màu sẫm dài như áo măng tô, và đi những đôi ủng cao nặng nề. Jane có thể nhìn thấy một đồng đá lớn, mỗi tảng to bằng đầu người, và một đồng cành cây xanh còn cao hơn thế - em đoán là cành táo gai - còn nguyên lá nên chắc hẳn không phải dùng để đốt lửa. Nhưng em không hiểu hai thứ này dùng để làm gì.

Rồi một người phụ nữ cao lớn đứng lên phía trước những người còn lại, giơ cao một tay lên. Bà gọi tên một thứ gì đó mà Jane không hiểu nổi, và ngay lập tức những người phụ nữ kia bắt đầu vào việc, chia thành từng nhóm nhỏ,

trật tự một cách kỳ lạ. Một số người thì lấy một cành cây, bứt hết lá và nhánh con rồi bẻ thử xem có mềm dẻo không, một số người khác sau đó cầm lấy cành cây ấy, và bằng những động tác mau lẹ thuần thục, đan nó vào với các cành cây khác và dần dần tạo thành một thứ khung. ..

Một lát sau cái khung bắt đầu trở thành một cái ống khổng lồ. Họ bứt hết lá, uốn cong và đan đan kết kết một hồi lâu. Jane sốt ruột cựa quậy. Một số cành có lá khác với lá táo gai. Em không ngồi đủ gần để biết được chúng là loại lá gì, nhưng không có ý định chuyển chỗ. Em cảm thấy mình chỉ được an toàn khi ngồi đây, gần như vô hình trên tảng đá này, không bị ai nhận thấy, và ngắm nhìn từ một khoảng cách xa.

Đột nhiên em thấy đứng bên cạnh mình là người phụ nữ cao lớn có vẻ chỉ huy tất cả. Nhìn xuống em là cặp mắt sáng trên khuôn mặt gầy guộc, trùm trong chiếc khăn buộc lại dưới cằm. “Jane Drew phải không” người phụ nữ nói, với chất giọng Cornwall khó nghe lạ thường. “Một trong số mấy đứa trẻ đã tìm ra chiếc chén Thánh.”

Jane giật thót mình. Ý nghĩ về chiếc chén Thánh chưa bao giờ rời khỏi đầu em hẳn, nhưng em chưa từng liên hệ nó với cái nghi lễ kỳ lạ này. Nhưng người phụ nữ không nhắc đến nó nữa.

“Hãy để mắt đến Phù Thủy Xanh,” bà thân mật nói. Nghe như một lời chào vậy.

Bầu trời giờ đã gần như tối đen, chỉ còn lại một quầng sáng yếu ớt. Hai đồng lửa cháy sáng rực trên hai mũi đất. Jane vội vã hỏi, không muốn để mất một người bạn trong bóng tối đơn độc, “Họ đang làm gì với những cành cây kia thế ạ?” .

“Cành dẻo để làm khung” người phụ nữ giải thích. “Cành thanh lương trà để làm đầu. Rồi thân mình thì làm bằng cành táo gai, và hoa táo gai. Bên trong có bỏ đá cho dễ chìm. Và những ai gặp chuyện đau khổ, hay không có con, hoặc những ai muốn ước điều gì, thì phải chạm vào Phù Thủy Xanh trước khi nó được ném xuống vách đá.”

“Ồ” Jane nói.

“Hãy để mắt đến Phù Thủy Xanh,” người phụ nữ dịu dàng nhắc lại, rồi bỏ đi. Bà ngoái đầu lại nói,

“Cháu cũng có thể ước một điều, nếu cháu muốn. Ta sẽ gọi cháu, khi đến lúc.” .

Jane ngồi lại đó, băn khoăn và lo lắng. Những người phụ nữ giờ có vẻ bận rộn hơn, làm việc không ngừng, ngâm nga một giai điệu lạ lùng nào đó; cái ống giờ đã nhìn rõ hình, được đan kết chặt hơn, và họ đem những tảng đá bỏ vào bên trong. Cái đầu cũng đã thành hình: một cái đầu khổng lồ, dài, vuông, không có mặt mũi. Khi bộ khung đã được làm xong, họ liền kết vào đó những cành lá xanh điểm hoa trắng. Jane ngửi thấy mùi hoa táo gai thơm sực, ngọt lịm. Không hiểu sao nó lại làm em nhớ đến biển.

\*\*\*

Hàng giờ đồng hồ trôi qua. Tỉnh thoảng Jane ngủ gà gật, cuộn tròn lại bên tảng đá, lần nào thức dậy em cũng thấy cái khung dường như vẫn y hệt như trước. Việc đan kết như kéo dài vô tận. Hai lần bà Penhallow đem trà nóng đựng trong một cái phích đến cho em. Bà lo lắng bảo, “Lẽu cháu thấy đã xem đủ rồi thì cứ việc lóí, cứng à. Đưa cháu về nhà cũng dễ thôi mà.”

“Không ạ” Jane đáp, nhìn về phía cái hình thù đầy lá xanh với những người phụ nữ vây quanh đang miệt mài làm việc. Em không thích Phù Thủy Xanh; nó làm em thấy sợ. Có cái gì đó như đe dọa trong hình thù to ngang bè bè của nó. Nhưng nó cũng như thôi miên em, em không sao rời mắt khỏi nó. Nó. Em vẫn luôn nghĩ phù thủy phải là phụ nữ, nhưng em không cảm thấy ở Phù Thủy Xanh có cái gì thuộc về phái nữ cả. Không thể xếp nó vào giới nào, cũng như một hòn đá hay một cái cây vậy.

Đống lửa vẫn đang cháy và được cẩn thận tiếp thêm củi, hơi ấm của nó thật dễ chịu trong màn đêm se lạnh. Jane đứng lên co duỗi đôi chân cứng đờ, và khi nhìn về phía đất liền, em thấy bầu trời bắt đầu nhạt đi thành màu xám xám. Trời sắp sáng rồi. Một buổi sáng mù sương: những giọt sương nhỏ xíu

đã bắt đầu phá vào mặt em. Em có thể thấy nổi bật trên nền trời đang sáng dần là những cột đá dựng đứng của Trewissick, cả năm cột, tựa như những ngón tay cổ kính chỉ lên trời, nằm ở giữa Mũi Kemare. Em nghĩ thầm: Phù Thủy Xanh cũng giống thế. Nó làm mình nhớ đến những cột đá này.

Khi em lại quay về phía biển thì Phù Thủy Xanh đã được hoàn thành. Đám phụ nữ đã rời khỏi hình thù to lớn ấy; họ ngồi bên đống lửa, ăn bánh sandwich, cười nói và uống trà. Khi Jane ngắm cái hình thù khổng lồ mà họ đã kết nên bằng lá và cành cây, em không sao hiểu nổi vẻ vô tư lự của họ. Bởi vì em đột nhiên nhận ra, trong ánh bình minh lạnh lẽo, rằng không hiểu vì sao, cái hình thù câm lặng này lại chứa đựng trong nó nhiều quyền lực hơn bất kỳ sinh vật hay đồ vật nào mà em đã từng biết. Ở nó có cả sấm sét, bão tố và động đất, và mọi sức mạnh của mặt đất lẫn biển cả. Nó nằm ngoài Thời Gian, không hề bị ràng buộc, không có tuổi tác, ngoài mọi ranh giới giữa cái thiện và cái ác. Jane nhìn nó không chớp mắt, kinh hoàng, và từ cái đầu không có mắt của mình Phù Thủy Xanh nhìn lại em. Em biết là nó sẽ không chuyển động được, cũng không thể sống lại được. Nỗi kinh hoàng của em không phải do hoảng sợ, mà là do em bỗng nhiên cảm thấy ở hình thù ấy một nỗi cô đơn khủng khiếp, vô bờ bến. Quyền năng vô tận chỉ có được nhờ sự cô lập vô tận. Khi ngắm nhìn Phù Thủy Xanh, em cảm thấy kính sợ ghê gớm, và cả một thoáng thương hại nữa.

Nhưng nỗi kính sợ, nảy sinh từ sự kinh ngạc của em trước một quyền năng không thể tưởng tượng nổi như thế, vẫn mạnh mẽ hơn bất kỳ cái gì khác.

“Vậy là cháu đã cảm thấy nó rồi.” Người chỉ huy nhóm phụ nữ lại đang đứng cạnh em; những lời nặng nề, không hề lên cao ở cuối câu mà bà vừa thốt ra không phải là một câu hỏi. “Chỉ rất ít phụ nữ cảm thấy được nó. Hay là các cô gái cũng vậy. Rất ít. Chẳng có ai trong số đó cảm thấy gì, chẳng một ai cả.” Bà ra hiệu về phía nhóm phụ nữ vui vẻ đang ngồi đằng xa, vẻ coi thường. “Nhưng người đã từng cầm chiếc chén Thánh trong tay có thể cảm thấy được rất nhiều điều... Lại đây. Cháu hãy ước một điều đi.”

“Ôi không ạ.” Jane vội lùi lại ngay theo bản năng.

Cùng lúc đó một nhóm bốn cô gái rời khỏi đám đông và chạy tới bên cái hình người kết bằng lá to lớn, tối sẫm. Họ đang cười khúc khích đến rung cả người, cô nọ gọi cô kia; một cô, to cao hơn và ồn ào hơn ba cô còn lại, chạy tới ôm chặt lấy cái thân hình bằng cành táo gai vươn cao bên trên đầu cô ta.

“Hãy ban cho chúng tôi những người chồng giàu có, hỡi Phù Thủy Xanh, chúng tôi cầu xin người!” cô ta kêu lên.

“Nếu không thì ban cho chị ta anh chàng Jim Tregoney ấy!” một cô khác hét. Họ cùng cười rú lên và quay trở lại chỗ những người khác.

“Đó!” người phụ nữ nói. “Kẻ xuân ngọc còn không bị làm hại, mà phần lớn bọn họ đều như thế cả. Và vì thế người hiểu biết cũng chẳng sao đâu. Cháu lại đây đi.”

Bà bước đến bên cái hình thù to lớn lạng cam, đặt một tay lên nó và nói điều gì đó mà Jane không nghe thấy được.

Một cách sợ sệt, Jane đi theo bà. Khi lại gần Phù Thủy Xanh, em lại cảm thấy sức mạnh phi thường của nó, nhưng cũng cảm thấy cả nỗi cô đơn vô cùng nữa. Nỗi u uẩn dường như lơ lửng trên nó như một màn sương. Em đưa tay ra nắm lấy một cành táo gai, rồi ngưng lại. “Ôi,” em thốt lên, “tôi ước gì người được hạnh phúc.”

Vừa nói em vừa nghĩ: thật là trẻ con biết bao, khi mà mà có thể ước bất kỳ điều gì, thậm chí là ước lấy lại được chén Thánh, cho dù tất cả là vợ vẫn đi chẳng nữa thì ít ra mà cũng có thể thử... Nhưng người phụ nữ Cornwall có cặp nghiêm nghị lại đang nhìn em với một vẻ tán đồng pha lẫn ngạc nhiên kỳ dị.

“Một điều ước nguy hiểm!” bà nói. “Bởi vì trong khi người này có thể tìm thấy hạnh phúc trong những điều vô hại, kẻ khác lại chỉ thấy được niềm vui bằng cách gây tổn thương. Nhưng cũng có thể nó sẽ đem đến những điều tốt lành.”



Jane không nghĩ ra được câu gì để đáp lại cả. Bỗng nhiên em cảm thấy hết sức ngớ ngẩn.

Thế rồi em tưởng như vừa nghe thấy một tiếng ì ầm ở phía ngoài biển; em liền quay lại. Người phụ nữ cũng nhìn ra khơi, nơi một dải chân trời xám vừa mới hiện ra. Trên mặt biển tối sẫm lấp lánh ánh đèn, trắng, đỏ và xanh. Những ngư dân đầu tiên đang trở về nhà.

Sau này, Jane không nhớ mấy về quãng gian chờ đợi dài đằng đặc ấy. Trời rất lạnh. Chậm, thật chậm, những chiếc thuyền đánh cá tiến lại gần hơn trên mặt biển màu đá xám đang lấp lánh trong ánh bình minh lạnh lẽo. Thế rồi, khi cuối cùng chúng cũng đến gần cầu tàu thì ngôi làng mới như bừng tỉnh giấc. Đèn sáng lóe và những giọng nói vang lên trên đê chắn sóng, động cơ tàu nổ bình bịch; tiếng hò hét, tiếng cười và tiếng dỡ cá hồi hả làm náo động cả không gian. Trên trời tất cả lũ mòng biển chao liệng và rít lên, chúng cũng dậy sớm mong kiếm chác được chút gì đó, lượn vòng thành một đám mây lớn trắng xóa quanh đoàn thuyền, sẵn sàng lao xuống tìm những con cá bị vớt bỏ. Sau này, Jane chỉ nhớ rõ nhất là những con mòng biển.

Từ bến cảng đi lên, khi cá đã được dỡ khỏi thuyền, xe tải đã lên đường ra chợ và thùng được chuyển vào nhà máy đồ hộp nhỏ... khi ấy từ bến cảng đi lên là một đoàn ngư dân. Cũng có cả những người khác nữa, công nhân nhà máy, thợ cơ khí, chủ cửa hàng và nông dân, tất cả cánh đàn ông của Trewissick, nhưng dẫn đầu đoàn người dài ấy là những ngư dân mặc áo len màu sẫm mắt thâm quầng, cầm tua tua râu chưa cạo, những ngư dân mệt mỏi đầy mùi cá. Họ đi lên mũi đất, vui vẻ cất tiếng gọi đám phụ nữ. Không cuộc gặp gỡ nào có thể kém lãng mạn hơn thế, Jane nghĩ, trên đỉnh mũi đất này, trong cái lạnh sau cả đêm không ngủ, dưới ánh sáng xám xịt nhợt nhạt của buổi bình minh. Nhưng tất cả bọn họ đều hết sức thoải mái.

Đống lửa vẫn còn cháy, lớp củi cuối cùng vừa mới bắt lửa bùng lên. Đám đàn ông quay lại quanh đó, xoa tay vào nhau cho ấm, những giọng nói trầm trầm của họ vang lên trong tai Jane thật ồn ào và khó nghe so với tiếng trò chuyện nhẹ nhàng hơn của cánh phụ nữ mà em đã nghe suốt đêm qua.

Trên trời đám mòng biển bay con cao con thấp, bắn khoản, khắp khởi hy vọng. Giữa sự huyên náo ấy là Phù Thủy Xanh, to lớn và câm lặng, bị ánh sáng và tiếng ồn thu nhỏ lại một chút nhưng vẫn đầy đe dọa và đáng sợ. Bất chấp những lời bông đùa qua lại đám đàn ông và phụ nữ, tất cả đều tỏ ra kính trọng cái hình thù đầy lá kỳ quái ấy một cách lạ lùng: rõ ràng là không ai muốn coi thường Phù Thủy Xanh cả. Vì một lý do gì đó, điều này khiến Jane cảm thấy nhẹ nhõm hơn.

Em trông thấy dáng người cao lớn của ông Merriman ở rìa đám đông người Cornwall, nhưng không tìm cách lại gần ông. Đây là lúc để ngồi chờ xem chuyện gì sẽ xảy ra tiếp. Cánh đàn ông hình như đã gom lại thành một nhóm, và đám phụ nữ rời ra xa. Đột nhiên bà Penhallow lại ở bên cạnh Jane.

“Nại đây, cưng, để bác chỉ cho chỗ đứng. Lày nhé, khi mặt trời lên, đám đàn ông sẽ lém Phù Thủy Xanh qua vách đá xuống biển.” Bà mỉm cười với Jane, nửa nghiêm túc, nửa như ngượng ngùng muốn nói lời xin lỗi. “Để cho may mắn ý mà, và để cầu một vụ đánh bắt và một vụ mùa bội thu nữa. Người ta bảo vậy... Dừng bác cháu ta phải đứng cho xa ra, để tránh đường các ông ấy chạy.” Bà vẫy tay ra hiệu, và Jane đi theo bà rời khỏi Phù Thủy Xanh để đến đứng bên rìa mũi đất. Em chỉ láng máng hiểu chuyện này nghĩa là thế nào.

Đám đàn ông đã bắt đầu vây quanh Phù Thủy Xanh. Một vài người cố tình chạm vào nó cho người khác thấy, cười, và hét lên thật to điều ước của mình. Lần đầu tiên, dưới ánh ngày đang rạng, Jane mới nhận thấy cái hình thù to ngang kết bằng lá ấy đã được dựng trên một thứ bục, giống như một cái khay khổng lồ làm bằng những tấm ván, và rằng cái bục này có bánh xe ở bốn góc, được chèn cẩn thận bằng mấy hòn đá to. Vừa gọi nhau vừa hò reo, những người đàn ông lôi đá ra khỏi bánh xe, và Jane thấy cái hình nhân trên đó lao đảo khi chiếc bục chuyển động. Phù Thủy Xanh có lẽ cao gấp đôi người thường, nhưng to ngang so với chiều cao, và cái đầu vuông lớn tướng cũng to gần bằng thân người nó. Nó trông chẳng giống người chút nào. Jane nghĩ rằng trông nó giống mô hình một giống loài đáng sợ không ai biết, đến

từ một hành tinh khác, hay từ một khoảng xa xôi vô định nào đó trong quá khứ của chính loài người.

“Hò dô ta nào!” một người hô lên. Những người đàn ông đã buộc dây vào bốn bên chiếc bục; họ đi vòng quanh, ôm chỗ này, giữ chỗ kia, thận trọng đẩy cái hình thù đang chao đảo về phía cuối mũi đất. Phù Thủy Xanh nhào về phía trước. Jane có thể ngửi thấy mùi hoa táo gai sực nức. Những bông hoa dường như sáng rực lên, những cành cây trên thân người Phù Thủy Xanh gần như phát sáng, và em nhận ra rằng ở phía đất liền, bên trên những cánh đồng hoang phía ngoài Trewissick, mặt trời đã mọc. Ánh nắng vàng tỏa xuống đầu họ; đám đông reo vang, và cái bục với hình người kết bằng lá xanh trên đó được đẩy đến gần đám đá tảng ở mép vực.

Đột nhiên có một tiếng la the thé như tiếng thét, vang lên bên trên đám đông; Jane giật thót mình, quay lại thấy có mấy người đang xô lấn ở bên rìa đám đông. Một người đàn ông dường như đang cố chen vào; em thoáng thấy một mái tóc sẫm màu, một khuôn mặt cau có giận dữ, và rồi đám người lại khép lại.

“Chắc nài nà một phóng viên ảnh, bác đoán thế,” bà Penhallow nói, giọng nói dịu dàng của bà có một thoáng tự đắc. “Không được phép chụp ảnh Phù Thủy Xanh, đừng lăm lăm cũng có một hai người đến. Các chàng trai trẻ sẽ xử nì họ thôi.”

Jane nghĩ rằng các chàng trai trẻ hẳn đã xử lý ra trò kẻ xâm phạm năm nay, căn cứ vào việc cái thân hình quần quai của hẳn bị đẩy đi nhanh ra sao. Em lại nhìn quanh tìm ông Merriman, nhưng hình như ông đã biến mất. Và tiếng nói của đám đông bỗng thay đổi khiến cái nhìn của em bị hút trở lại đầu Mũi Kemare.

Lại có một giọng khác, lần này là những lời quen thuộc của tuổi thơ. “Một chuẩn bị... hai sẵn sàng... ba ném!” Jane thấy giờ người ta chỉ còn giữ những sợi dây ở hai bên và cuối chiếc xe đẩy, mỗi sợi khoảng một tá đàn ông. Khi mệnh lệnh cuối cùng vang lên đám đông liền rì rầm xáo động, những người đàn ông chạy tới trước và sang hai bên, Phù Thủy Xanh lao tới mỗi lúc một

nhanh trước mặt họ. Bằng một động tác nhanh, phức tạp, người ta đẩy chiếc bục về phía trước qua mép vực, rồi lập tức giật dây lại để giữ bục khỏi rơi theo.

Và cái hình thù to lớn kết bằng cành lá của Phù Thủy Xanh, không có dây giữ lại, bị ném lên không trung và rơi xuống dưới đầu Mũi Kemare. Trong một khoảnh khắc nó còn ở đó, hiển hiện, đang rơi, giữa màu xanh trời biển và cây lá, giữa bầu mòng biển đang lượn vòng kêu rít, rồi biến mất, lao thẳng xuống dưới bằng sức nặng của những hòn đá trong người. Một thoáng im lặng như thể toàn bộ Cornwall đều nín thở, và rồi họ nghe thấy nước bắn lên đánh “ùm.”

Tiếng hoan hô và hò reo vang vọng khắp mũi đất. Mọi người đổ xô đến bên mép vực, nơi những người giữ dây đang chậm rãi kéo chiếc xe đẩy lên khỏi đám đá. Sau khi liếc nhìn qua mép vực, họ vây lấy đám đàn ông đang thở hổn hển và hoan hô họ suốt dọc đường quay trở lại Mũi Kemare. Khi đám đông ở gần đám đá đã thưa dần, Jane mới trèo lên mép vực, thận trọng nhìn xuống.

Phía dưới, mặt biển đang chậm rãi thả từng đợt sóng lớn vào chân vách đá như thể chẳng có gì xảy ra. Chỉ có một vài nhánh tảo gai nổi lênh bênh trên vật nước, đập dềnh cùng sóng, trôi ra rồi lại trôi vào.

Bỗng thấy chóng mặt, Jane rời khỏi đám đá và đi đến gần đám đông người làng Trewissick đang hò reo vui vẻ. Giờ không còn mùi hoa tảo gai nữa, chỉ có mùi khói và cá pha trộn. Đống lửa đã tàn, mọi người đang bắt đầu quay trở về làng.

Jane nhìn thấy Will Stanton trước khi cậu ta nhìn thấy em. Bên cạnh em, một đám ngư dân đang rời đi, và Will đứng đó, nổi bật trên nền trời buổi sớm xám xịt, mớ tóc thẳng màu nâu rủ xuống lông mày, cái cằm chìa ra theo một kiểu mà trong một thoáng em thấy giống Merriman một cách kỳ lạ. Cậu bé người Buckinghamshire ấy đang đứng bất động nhìn ra biển, chìm đắm trong những suy nghĩ riêng tư dữ dội nào đó. Rồi cậu ta quay đầu lại và nhìn thẳng vào em.

Cái vẻ dữ dội đã biến thành một nụ cười lịch sự thân mật nhanh đến nỗi Jane cảm thấy nó không được tự nhiên. Em nghĩ: bọn mình đã tỏ ra lạnh lùng với nó như thế, nó không thể thấy vui đến vậy khi nhìn thấy mình được.

Will đi về phía em. “Chào,” cậu nói. “Cậu đã ở đây cả đêm à? Có hay không?”

“Nghỉ lẽ dài lắm,” Jane trả lời. “Phần hay gần như bị loãng ra. Và Phù Thủy Xanh thì...” Em ngừng lại.

“Thế nó kết như thế nào?”

“Ồ. Rất đẹp. Đáng sợ nữa. Tớ không biết.” Em biết em không bao giờ có thể miêu tả lại nó được, dưới ánh sáng ban ngày rõ ràng minh bạch như thế này. “Cậu có đi cùng với Simon và Barney không?”

“Không” Will nói. Cái nhìn của cậu ta lướt qua em. “Hai anh em... đang bận... ở đâu ấy. Chắc là họ đi cùng với bác cậu.”

“Tớ đoán là Simon và Barney đang tránh cậu đấy,” Jane nói, kinh ngạc vì sự thật thà của mình. “Họ không thể làm khác được, cậu hiểu không. Tớ nghĩ là chuyện này sẽ không kéo dài đâu, một khi họ đã quen với cậu. Có chuyện khác đang khiến hai anh em bận tâm, cậu thấy đấy, không liên quan gì đến cậu đâu...”

“Không sao,” Will nói. Trong một thoáng Jane thấy cậu toét miệng cười cho em yên lòng; rồi lại đưa mắt nhìn đi nơi khác. Em có một cảm giác ngượng ngùng rằng mình đang phí lời vô ích; rằng sự khiếm nhã của ba anh em nhà Drew không hề khiến Will Stanton bận tâm chút nào. Em vội nói huyên thuyên để giấu đi vẻ bối rối.

“Khi các ngư dân và mọi người khác từ bến cảng đi lên thì rất tuyệt. Và chỗ nào cũng thấy mòng biển... và tớ nhìn thấy cả ông Gumerry nữa, nhưng hình như ông lại bỏ đi rồi. Cậu có nhìn thấy ông không?”

Will lắc đầu, thọc tay sâu vào túi chiếc áo khoác da đã sờn của mình. “May là ông ấy đã cho bọn mình cơ hội được lên đây. Thường thường họ luôn tìm

đủ mọi cách để ngăn không cho khách du lịch lại gần mà.”

Jane chợt nhớ ra và nói: “Có một phóng viên nhiếp ảnh đã tìm cách đến gần Phù Thủy Xanh khi họ đang đẩy nó đến mép vực. Đám thanh niên đã lôi ông ta đi. Ông ta la hét như gì ấy.”

“Một người da ngăm đen phải không?”

“Ờ, phải, đúng thế. Ít ra là tớ nghĩ thế” Em nhìn cậu ta chăm chăm.

“À,” Will nói. Khuôn mặt tròn trịa dễ mến của cậu lại dờ ra. “Đó là trước hay sau khi cậu nhìn thấy Merriman?”

“Sau” Jane bối rối trả lời.

“À,” Will lại nói.

“Chị Jane!” Barney chạy tới, thở không ra hơi, đôi ủng quá cỡ đập lật phật vào chân, với Simon theo sát phía sau. “Thử đoán xem bọn em đã làm gì nào, bọn em đã gặp bác Penhallow trai và bác ấy cho bọn em lên thuyền Thạch Nam Trắng, và bọn em giúp các bác ấy dỡ cá...”

“Ui!” Jane vội lùi lại. “Chị thấy rồi!” Mũi nhăn lại trước hai cái áo len dính đầy vẩy cá của chúng, em quay về phía Will.

Nhưng Will không còn ở đó nữa. Đưa mắt nhìn quanh, em chẳng thấy bóng dáng cậu ta đâu cả.

“Cậu ấy biến đi đâu rồi?” em nói.

Simon hỏi, “Ai đã biến đi đâu cơ?”

“Will Stanton vừa ở đây xong. Nhưng cậu ta đã biến mất. Anh không nhìn thấy cậu ta à?”

“Chắc bọn anh làm nó sợ chạy mất rồi.”

“Này, anh biết không, bọn mình phải tử tế hơn với anh ấy chứ.” Barney nói.

“Được, được, được,” Simon bao dung nói. “Bọn mình sẽ giúp cho nó vui vẻ. Dẫn nó đi leo núi hay là gì đấy. Nào, Jane, kể cho bọn anh nghe về Phù Thủy Xanh đi.”

Nhưng Jane không để ý nghe nó nói. “Lạ thật,” em chậm rãi lên tiếng. “Em không định nói chuyện Will biến đi, mà là một điều cậu ta đã nói. Cậu ta mới biết ông Gumerry có ba ngày, và cậu ta vốn khá là lịch sự. Thế nhưng vừa rồi khi cậu ta nhắc đến ông mà không suy nghĩ gì, khi mà lời lẽ cứ tự nhiên buột ra lúc ta không để ý ấy... cậu ta lại không gọi ông Gumerry là ‘ông của các cậu hay là Giáo Sư Lyon như bình thường vẫn gọi. Cậu ta gọi ông là ‘Merriman’. Cứ như thể hai người bằng tuổi nhau ấy.”

## CHƯƠNG BỐN

Chính bầu trời đã mở màn cho chuỗi sự kiện kỳ lạ suốt phần còn lại của ngày hôm ấy. Khi ba đứa trẻ nhà Drew đi dọc Mũi Kemare quay về bến cảng thì mặt trời đã ở rất cao trên đầu chúng nhưng không tỏa ra một chút hơi ấm nào, vì trong khi mặt trời lên cao thì một màn sương mờ cũng bắt đầu kéo đến. Chỉ một lát sau màn sương đã bao phủ hết cả bầu trời, và mặt trời lơ lửng trên đó, vừa quen thuộc vừa lạ lùng, tựa như một quả cam phủ lông.

“Sương nóng đấy thôi,” Simon nói khi Jane chỉ cho nó thấy. “Hôm nay sẽ đẹp trời cho mà xem.”

“Em không biết,” Jane nghi ngại nói. “Em thấy nó cứ là lạ thế nào ấy, giống như điềm báo nguy hiểm thì đúng hơn...”

Đến khi chúng ăn xong một bữa sáng thịnh soạn ở nhà do bà Penhallow đang ngái ngủ chuẩn bị thì màn sương đã dày thêm lên.

“Nó sẽ tan đi thôi,” Simon nói. “Khi mặt trời lên cao hơn.”

“Em ước gì Ông Merry quay về,” Jane nói.

“Đừng lo nữa. Will Stanton cũng chưa về, chắc là hai người đang nói chuyện với bác Penhallow hay là ai đó. Mà sáng nay mà làm sao thế?”.

“Cần được ngủ một giấc,” Barney nói. “Tội nghiệp chị ấy. Cả đêm không ngủ.”

“Tội nghiệp cái quái gì chứ,” Jane nói, nhưng chưa kịp dứt lời thì đã ngáp một cái thật to.

“Chị thấy chưa?” Barney đắc thắng bảo.

“Chắc là em nói đúng.” Jane dẫu dịu nói, và em đi lên phòng, đặt đồng hồ báo thức để một tiếng nữa nó sẽ đánh thức em dậy.

Khi tiếng chuông báo thức chói tai reo vang trong đầu, em thức dậy mà chẳng hiểu ra làm sao cả. Mặc dù rèm cửa đang kéo ra, trong phòng vẫn lờ mờ tối. Trong một thoáng Jane ngỡ đang là đêm, và em đã dậy sớm, nhưng rồi trong đầu em hiện ra hình ảnh Phù Thủy Xanh đang rơi, rơi xuống mặt biển buổi sớm, và em hốt hoảng nhảy vội ra khỏi giường. Bầu trời bên ngoài chở nặng những đám mây đen; em chưa bao giờ thấy cái gì giống như thế. Ánh sáng lờ mờ đến nỗi như thể hôm đó mặt trời không hề mọc vậy.

Simon và Barney đang ngồi với nhau ở dưới nhà, lo lắng nhìn lên trời. Jane biết là sáng sớm hôm đó ông bà Stanton đã rời Trewissick để tham quan các mỏ đất sét trong hai ngày, và hai anh em báo rằng bà Penhallow đã đi ngủ. Còn Merriman và Will Stanton thì vẫn chẳng thấy đâu.

"Nhưng ông Gumerry đang làm gì mới được chứ? Hẳn đã xảy ra chuyện gì rồi!"

“Anh không biết bọn mình có thể làm gì nữa ngoài việc ngồi đợi.” Simon giờ cũng đâm ra ủ rũ “Ý anh là, bọn mình có thể đi tìm ông, nhưng bắt đầu từ đâu bây giờ?”

“Ngôi nhà Xám,” Barney đột nhiên nói.

“Ý kiến hay đấy. Đi nào, Jane.”



\*\*\*

“Có vẻ là hắn đã giả dạng một họa sĩ” Will nói với Merriman trong khi họ quay trở lại dọc theo Mũi Kemare, đằng sau những người dân làng hớn hờ cuối cùng còn nấn ná lại. “Một người ngăm ngăm đen, chiều cao trung bình, có mái tóc dài, và rõ ràng là có một tài năng thực sự nhưng cũng rất độc địa. Một thử thách hay đây.”

“Sự độc địa có lẽ là không chủ định” Merriman nghiêm nghị nói. “Ngay cả các chúa tể vĩ đại nhất của Bóng Tối cũng không thể ngăn bản chất thật của mình len lỏi vào cái vỏ nguy trang của chúng.”

“Ông nghĩ hắn là một trong những chúa tể vĩ đại sao?”

“Không. Không, gần như chắc chắn là không. Nhưng cậu kể tiếp đi.”

“Hắn đã tiếp xúc với bọn trẻ rồi. Với Barney. Và có cả một vật tổ nữa... hắn đã lấy cắp bức tranh bến cảng mà Barney vẽ.”

Ông Merriman khẽ rít lên qua hai hàm răng. “Ta biết hắn lấy bức tranh ấy làm gì rồi. Ông bạn của chúng ta đã vượt xa chúng ta hơn là ta dự kiến. Đừng bao giờ đánh giá thấp phe Bóng Tối, Will ạ. Lần này suýt nữa thì ta đã làm vậy đấy.”

“Hắn cũng đã bắt Rufus, Con chó của Thuyền Trưởng Toms,” Will nói tiếp. “Hắn để lại một mẫu thư cảnh cáo rằng con chó sẽ chết nếu ông thuyền trưởng lại gần Phù Thủy Xanh... và hắn cẩn thận để cho cả Barney nhìn thấy bức thư nữa. Một lá thư khùng bố rất đúng kiểu. Nếu sau đó Thuyền Trưởng Toms mà đi lên Mũi Kemare thì Barney sẽ nghĩ ông ấy đang tâm giết chết con chó của mình... Tất nhiên phe Bóng Tối biết rằng chúng chỉ có thể giữ không cho một Cổ Nhân đến gần nghi lễ, nhưng việc đó có thể đã giúp ích cho chúng rất nhiều... Rufus là một con chó tuyệt vời, phải không ạ?” Trong chốc lát, giọng của Will không phải là của một Cổ Nhân không có tuổi mà là của một cậu bé đầy nhiệt tình.

Vẻ lo lắng trên gương mặt dãi dầu mưa nắng, đầy nếp nhăn của Merriman giãn ra thành một nụ cười. “Rufus cũng đã góp phần vào việc tìm được chiếc chén Thánh hè năm ngoái. Nó có tài nói chuyện với người thường hơn phần lớn các con vật bốn chân khác.”

Ở cuối mũi đất đầy cỏ, đám dân làng quay xuống dốc để đi về bên rìa bến cảng và con đường chính của làng. Merriman dẫn Will đi thẳng tới trước, đến chỗ con đường cao nhìn xuống bến cảng. Sau khi dừng lại nhường đường cho mấy người phụ nữ mệt phờ sau một đêm đan kết Phù Thủy Xanh, họ băng qua đường để đến chỗ ngôi nhà hẹp quét vôi xám vờn cao hơn tất cả những căn nhà còn lại trong dãy. Merriman mở cửa trước, và họ bước vào.

Một cái hành lang dài trải ra trước mặt họ, lờ mờ trong ánh nắng ban mai. Từ ô cửa mở bên phải, Thuyền Trưởng Toms gọi vọng ra: “Ở trong này.”

Đó là một căn phòng rộng đầy những giá sách, ghế bành, tranh vẽ thuyền buồm; ông thuyền trưởng đang ngồi trong một chiếc ghế bọc da, chân phải duỗi dài. Bàn chân của ông, quần băng và xỏ dép đi trong nhà, gác lên một cái ghế đẩu thấp cũng bọc da. “Bệnh gút đấy,” Thuyền Trưởng Toms nói với Will như xin lỗi. “Chốc chốc nó lại tái phát. Người ta bảo đó là dấu hiệu của tuổi trẻ đã bị uổng phí. Nó làm ta tê liệt, hiệu quả không kém gì bất kỳ quý ông Bóng Tối nào...nếu ông bạn của chúng ta biết trước được tương lai thì hẳn đã chẳng phải bắt cóc Rufus tội nghiệp làm gì.”

“Tôi nghĩ đó là một khả năng mà hẳn không có” Merriman nằm duỗi ra trên chiếc sofa dài, khẽ thở phào. “Tôi không hiểu tại sao, bởi vì rõ ràng là hẳn có địa vị khá cao. Có lẽ đó là một điều hẳn không dám đem ra thực hành chẳng? Dù sao thì việc đánh cắp chiếc chén Thánh, việc hẳn chú tâm đến chuyện tiếp xúc với bọn trẻ, đặc biệt là Barney... tất cả đều dẫn đến cùng một hướng.”

Thuyền Trưởng Toms trầm ngâm đưa một ngón tay lên xoa xoa chòm râu xám tía ngắn. “Ông nghĩ là hẳn có ý định bắt thẳng bé nhìn vào chiếc chén,

để chỉ cho hăn thấy tương lai... một kiểu tiên tri cổ chăng?... Có thể thế lắm.”.

Will hỏi, “Nhưng liệu đó có phải là điều hăn muốn trước tiên không?”

“Cho dù có đúng thế hay không, thì chúng ta cũng cần để mắt trông nom Barney hết sức cẩn thận.”

“Cháu sẽ không rời nó một bước,” Will nói. “Nó sẽ bực mình lắm đây.” Cậu bồn chồn đi đi lại lại quanh phòng, nhìn chăm chăm vào những bức tranh nhưng tâm trí ở tận đâu đâu. “Nhưng phe Bóng Tối đang ở đâu? Hăn đang ở đâu? Cháu nghĩ là không ở xa lắm.”

“Ta cũng có cảm giác tương tự.” Thuyền Trưởng Toms khẽ nói từ chiếc ghế. “Hăn đang ở khá gần. Ngay sau lúc mặt trời mọc ta đã cảm thấy hăn đi qua ngôi nhà, rất nhanh, và từ đó đến giờ ta luôn thoáng thấy sự hiện diện của hăn quanh đây.”

“Đó là khi hăn cố tìm cách đến gần Phù Thủy Xanh, trước khi họ ném nó xuống biển,” Merriman nói. “May cho chúng ta là hăn đã không làm được, nếu không thì Phù Thủy Xanh biết đâu đã đáp lại rồi. Các ngư dân đã kéo hăn đi... họ rất công phần, và khá là mạnh tay... Tôi đã đi theo họ vào làng, cho đến khi họ thả hăn ra. Rồi sau đó hăn đã tự phủ một cái bóng lên mình, làm tôi bị mất dấu. Nhưng đúng vậy, hăn đang ở rất gần. Ta có thể có nhận được ác tâm của hăn.”

Will bất thần dừng phắt lại, người cứng đờ như con chó săn đánh hơi thấy mồi. Merriman vội vã nhắc đôi chân dài khỏi chiếc sofa và đứng lên. “Có chuyện gì vậy?”

“Ông có cảm thấy gì không? Có nghe thấy gì không?”.

“Hình như ta có cảm thấy cái gì đó. Cậu nói đúng.” Thuyền Trưởng Toms cà nhắc đi đến bên cánh cửa, tựa người vào cây gậy của mình. “Ra ngoài này, nhanh lên.”

Tiếng chó sủa vang lên trong khi họ băng qua tiền sảnh, và trong khi họ đứng trên bậc thềm của Ngôi nhà Xám thì tiếng sủa càng to hơn, gần hơn, điên cuồng điên cuồng quít như một con chó đòi được tự do. Bầu trời xám như chì, và ánh sáng ban ngày đã trở nên âm u, mờ đục. Dọc theo con đường chạy từ làng đến, từ dưới chân đồi nơi bến cảng và dải đê chắn sóng bắt đầu, một mớ lông đỏ đang lao vùn vụt về phía họ, hình dáng tối sẫm của một gã đàn ông chạy theo sau nó.

Will kêu lên, giọng thất thanh vì hốt hoảng, “Nhưng nhìn kìa... bọn trẻ!”

Họ nhìn thấy Simon, Jane và Barney vùng chạy bên rìa kè đá dọc theo mép con đường ở bến cảng, đầy phấn khích, chưa nhìn thấy Rufus nhưng hăm hở chạy theo tiếng sủa của nó. “Rufus!” Barney sung sướng reo lên. “Rufus!” .

Ba Cổ Nhân đứng không nhúc nhích, chờ đợi.

Trong khi Rufus mừng rỡ lao qua khúc quanh về phía bọn trẻ, họ thấy gã đàn ông đen đui nọ giơ một tay lên. Con chó bỗng đứng sững lại giữa không trung, bất động, và rơi xuống tựa một khúc gỗ ngay trên đường lũ trẻ đang chạy. Simon, bị mất thăng bằng do không kịp tránh sang bên, vấp phải nó và ngã mạnh xuống đất. Nó nằm im lìm. Jane và Barney đứng sững lại, kinh hoàng. Gã đàn ông có mái tóc sẫm màu lại gần chúng, dừng lại, giơ một tay lên chỉ vào Barney....

Chỉ có Simon là nhìn thấy. Nằm trên mặt đất, đối diện với ngọn đồi, dần tỉnh lại sau cú choáng lúc ngã xuống, nó chớp chớp mở cặp mắt đang còn nây dom đóm ra. Và nó nhìn thấy, hoặc ngỡ là mình nhìn thấy, ba dáng người sáng rực trong một quầng sáng trắng loá. Họ vút lên và phình to ra, ánh sáng rực rỡ từ họ làm mắt Simon chói lòa; dường như họ đang phình ra về phía nó, và nó nhắm nghiền mắt lại trước ánh sáng đang chích vào đau nhói. Đầu nó vẫn kêu ong ong, nó vẫn chưa tỉnh hẳn. Sau này nó đã tự nhủ rằng đó chỉ là do tưởng tượng, là sự choáng váng sau một cú va chạm mạnh. Nhưng nó không bao giờ quên được cái cảm giác kinh sợ mạnh mẽ bao trùm lên nó lúc ấy.

Còn Jane và Barney, đang đứng bất động, hoảng sợ nhìn chăm chăm gã đàn ông tóc đen đang tiến lại sát chúng, thì chỉ nhìn thấy vẻ mặt hấn thay đổi thật khủng khiếp khi hấn bất thành linh quay ngoắt lại, rời khỏi chúng, dưới tác động của một sức mạnh vô hình nào đó. Gầm gừ trong cơn thịnh nộ hiểm ác, hấn dường như đang vật lộn trong cuộc chiến đấu vô cùng kịch liệt với... chẳng với cái gì. Thân người hấn không hề chuyển động; cuộc chiến chỉ diễn ra trong mắt hấn và trên cái miệng mím chặt thành một đường kẻ lạnh lùng. Khoảnh khắc chờ đợi đằng đẵng kinh khủng trôi qua khi dáng người đen đũi ấy cứng đờ lại, vắn vẹo dữ dội bên dưới ánh sáng xám xịt của bầu trời tối sẫm. Rồi dường như có cái gì bên trong hấn gãy gục, và hấn quay ngoắt đi không kịp liếc nhìn lại chúng; lao đi và biến mất.

Rufus nhúc nhích, rên ư ử. Simon cũng cựa quậy và ngồi dậy. Nó bò đến bên con chó, lão đảo vổ vào đầu nó. Rufus liếm tay nó và loay hoay đứng dậy trên bốn cái chân run lẩy bẩy như một chú bê mới sinh.

“Tao cũng cảm thấy như mày thôi,” Simon nói. Hết sức cẩn thận, nó đứng dậy.

Jane run run đưa một ngón tay chọc chọc nó. “Anh có sao không?”

“Không hề hấn gì.”

“Chuyện gì đã xảy ra thế?”.

“Anh không biết. Có một ánh sáng chói lòa...” Giọng nó nhỏ dần đi và tắt hấn, khi nó cố nhớ lại.

“Tại anh bị đập đầu đầy thôi,” Barney nói. “Gã đàn ông kia, anh không nhìn thấy, hấn ở ngay trước mặt bọn em và rồi... em không biết nữa, cái gì đó đã chặn hấn lại. Kỳ lạ lắm.”

“Như thế hấn bị một cơn co giật ấy,” Jane nói. “Hấn vắn vẹo, mặt trông rất kinh khủng, rồi sau đó hấn bỏ chạy.”

“Hấn chính là tên họa sĩ đó. Cái tên đã lấy bức tranh của em ấy.”

“Thật thế à? Tất nhiên, hẳn cũng bắt cóc cả con Rufus nữa, đó là lý do...”.

Nhưng Barney không lắng nghe. Nó đứng nhìn lên con đường dốc cao bên cạnh bến cảng. “Nhìn kia,” nó nói, giọng không âm sắc nghe thật lạ.

Hai đứa kia nhìn theo, và thấy Merriman đang bước đến chỗ chúng từ phía Ngôi Nhà Xám. Chiếc áo khoác mở rộng, hai tay đút túi, mái tóc bạc bù xù phát phơ trong làn gió nhẹ đang nổi lên quanh họ. Khi đến bên chúng, ông nói. “Các cháu sẽ bị ướt thôi nếu cứ đứng đây đợi mưa đổ xuống.”

Jane vội ngược lên nhìn bầu trời đang tối lại

“Ông có nhìn thấy chuyện vừa xảy ra một phút trước không ạ?”

“Một chút,” Merriman đáp. “Cháu có bị đau không, Simon?”

“Cháu không sao ạ.”

Barney vẫn đang nhìn ông chăm chăm, mặt vẫn chưa hết sừng sốt. “Là ông, phải không ạ?” nó khe khẽ hỏi. “Ông đã chặn hẳn lại, bằng một cách nào đó. Hẳn là người của phe Bóng Tối.”

“Nào, nào, Barney,” Merriman nói nhanh. “Giả thuyết ấy của cháu vội vàng quá. Chúng ta hãy thôi phỏng đoán xem ông bạn khó chịu của các cháu đến từ đâu... mà hãy vui mừng vì hẳn đã đi rồi, và Rufus thì đã quay về an toàn.”

Chú chó lông đỏ liếm bàn tay ông, cái đuôi mướt mà vẫy loạn lên. Merriman vượt cặp tai mềm của nó. “Về nhà đi,” ông nói. Không liếc nhìn lại, Rufus liền chạy lên con dốc bên cạnh bến cảng, và mấy ông cháu im lặng đứng nhìn theo trong khi nó biến vào lối đi phụ của Ngôi nhà Xám.

Barney nói, “Thế cũng được thôi, nhưng cháu tưởng ông đưa chúng cháu đến đây là để giúp cơ mà?”

“Barney!” Jane quở.

“Các cháu đã đang giúp rồi đấy,” Merriman nhàn đáp. “Ông đã nói rồi, hãy kiên nhẫn.”

Simon lên tiếng, “Chúng cháu đi tìm ông. Chúng cháu sợ đã xảy ra chuyện gì.” .

“Ông chỉ ở trong Ngôi nhà Xám, chuyện gẫu với Thuyền Trưởng Toms thôi.”

“Will Stanton cũng chưa quay về kể từ sau lễ Phù Thủy Xanh.”

“Ông dám chắc là nó chỉ đi lang thang ngắm cảnh gì đó thôi. Ông nghĩ ta sẽ thấy nó ở nhà khi quay về.” Ông Merriman lại liếc nhìn lên những đám mây xám đang hạ xuống thấp. Một loạt những tiếng ì ầm kéo dài vang lên từ bầu trời trên biển. “Đi nào.” ông nói. “Về nhà. Trước khi bão kéo tới.”

Jane lơ đãng nói, trong khi bọn trẻ ngoan ngoãn chạy theo cho kịp dải chân dài của ông, “Tội nghiệp Phù Thủy Xanh, một mình ở ngoài biển kia. Mong là sóng biển không đánh tan nó thành từng mảnh.”

Bốn ông cháu vội vã chạy lên các bậc thềm hẹp dẫn lên căn nhà; họ vừa đến cửa thì một tia chớp trắng xé bầu trời làm đôi, và một tiếng sét nổ lớn vang vọng mãi khắp cả vịnh.

Merriman nói, giữa những tiếng sấm sét, “Ông không nghĩ sóng biển sẽ đánh tan nó đâu.”

\*\*\*

Jane lại đang đứng trên Mũi Kemare, nhưng bây giờ em chỉ có một mình, và cơn bão đang ở vào lúc mạnh nhất. Không biết đang là đêm hay là ngày. Cả bầu trời xám xịt, sa sầm, nặng trĩu mây đen; những tia chớp sắc lẹm rạch ngang trời, sấm nổ ầm ầm, vọng lại từ những cánh đồng hoang sâu trong nội địa. Mòng biển lượn vòng và rít lên trong gió. Bên dưới, biển ngầu bọt, nổi sóng dữ dội như muốn đập tan vách đá. Jane cảm thấy mình đang bị gió đẩy đi, đẩy tới bên mép vực... và em được nâng cao lên không trung, ra ngoài xa, rồi rơi xuống, xuyên qua làn gió, với những con mòng biển bay vun vút quanh mình trong khi em rơi.

Cảm giác khi rơi vừa kinh hoàng khủng khiếp vừa thích thú một cách man rợ. Những cơn sóng lớn dâng lên đón lấy em, và em lại rơi tiếp, chậm hơn, không hề bị choáng, không thấy nước bắn lên hay bất kỳ thứ gì khác, xuyên qua làn nước sâu xanh thăm nơi cơn bão điên cuồng bên trên không thể với tới được. Không có gì chuyển động ngoại trừ đám rong biển đang khe khẽ chao đảo do những cơn sóng nhồi (*sóng sau bão – ND*) từ dưới đáy biển sâu dâng lên. Và trước mặt mình, em nhìn thấy Phù Thủy Xanh.

Cái hình thù to lớn kết bằng cành lá ấy đang dựa vào một đám đá lờm chờm; chúng đã che chở cho nó. Phù Thủy Xanh đứng đó mà không hề bị hư hại gì, y như khi Jane nhìn thấy nó lúc trước, cái đầu vuông chẳng giống đầu người chút nào đặt trên thân mình to ngang khổng lồ. Những cành lá và hoa tảo gai trên thân nó xòa ra như rong biển trong làn nước, rập rờn, đu đưa. Từng đàn cá nhỏ lao vun vút quanh đầu nó. Toàn thể bộ khung thỉnh thoảng lại chao đảo đều đặn, khi các đợt sóng nhồi do bão dâng lên chạm tới nó.

Thế rồi, trong khi Jane ngắm nhìn, những đợt chao đảo trở nên mạnh hơn, như thể cơn bão đang xuyên suốt tới đáy biển. Chính em cũng cảm thấy sức đẩy của những cơn sóng; em di chuyển như một con cá, vừa để mình trôi theo sóng vừa cưỡng lại chúng. Phù Thủy Xanh bắt đầu xoay chuyển và lắc lư, nhanh hơn, xa hơn, bị giằng co khắp các hướng mạnh đến nỗi tưởng như toàn bộ hình thù ấy có thể đổ xuống và bị sóng cuốn đi. Jane cảm thấy một luồng sóng ớn lạnh đen tối trong làn nước, một sức mạnh vĩ đại đầy đe dọa, và em kinh sợ nhìn thấy chuyển động của Phù Thủy Xanh đang thay đổi. Những ống tay, ống chân tự cử động, cái đầu kết bằng lá rập rờn và động đậy như thể là một khuôn mặt thật. Thế rồi cái lạnh đột nhiên biến mất, biển lại xanh yên ả trở lại với đám rong biển và những con cá đu đưa theo sóng... nhưng giờ em biết Phù Thủy Xanh là một sinh vật sống. Nó không tốt, cũng không xấu, nó chỉ đơn giản là một vật sống, nhận thức được em cũng như em đã nhận thức được nó từ lâu.

Cái đầu khổng lồ kết bằng lá quay về phía em, và không cần một giọng nói nào, Phù Thủy Xanh lên tiếng, truyền tiếng nói vào đầu em.



“Ta có một bí mật,” Phù Thủy Xanh nói.

Jane lại cảm thấy nổi cô đơn mà em đã cảm nhận ở nó khi đứng trên mũi đất, ngay từ đầu: đau buồn và trống trải. Nhưng em cũng cảm thấy Phù Thủy Xanh đang bám lấy một cái gì đó làm nguồn an ủi, như một đứa bé nắm chặt một món đồ chơi... mặc dù đứa bé này đã hàng trăm tuổi, và suốt cả quãng đời luôn được hồi sinh vô tận của mình nó chưa bao giờ được an ủi như thế.

“Ta có một bí mật. Ta có một bí mật.”

“Người thật là may mắn,” Jane nói.

Cái khối cành lá sống ấy cúi xuống em, gần hơn. “Ta có một bí mật, nó là của ta. Của ta, của ta. Nhưng ta sẽ cho người thấy. Nếu người hứa sẽ không cho ai biết, không cho ai biết.”

“Tôi xin hứa,” Jane nói.

Phù Thủy Xanh nghiêng sang một bên, những ống tay kết bằng nhánh cây đầy lá rập rờn trong nước, và khi nó rời khỏi cái hốc tối giữa đám đá vừa dựa vào, Jane thấy có cái gì đó trong bóng tối. Đó là một vật nhỏ sáng rực, nằm giữa các khe đá, trên nền cát trắng; nom tựa như một cái que nhỏ phát sáng. Trông nó chẳng có gì là đặc biệt, ngoại trừ việc nó tỏa ra cái ánh sáng kỳ lạ ấy.

Như nói với một đứa bé vừa khoe món đồ chơi của mình, em bảo Phù Thủy Xanh, “Đẹp quá.”

“Bí mật của ta,” Phù Thủy Xanh nói. “Ta canh giữ nó. Không ai được phép đụng vào nó. Ta sẽ canh giữ nó hết sức cẩn thận, mãi mãi.”

Bất thành hình, bóng tối và cái lạnh lại xuyên qua làn nước, truyền đi khắp thế giới đại dương. Trong chớp mắt, Phù Thủy Xanh đã hoàn toàn thay đổi. Nó trở nên thù địch, giận dữ, đầy đe dọa. Nó vươn cao bên trên Jane.

“Người sẽ tiết lộ! Người sẽ tiết lộ!” .

Cái đầu kết bằng cành lá tách ra làm đôi thành khuôn mặt méo xệch khủng khiếp, một khuôn mặt gằm gù thịnh nộ; thân mình nó dường như đang xòe ra, mở rộng, vươn tới hông nuốt chửng em trong khi Phù Thủy Xanh chao đảo lao về phía trước. Jane kinh hoàng lùi lại, co rúm người. Làn nước bỗng nhiên nóng rực, dữ dội, ngọt ngào, đầy những tiếng gằm rú.

“Tôi sẽ không cho ai biết! Tôi hứa! Tôi hứa! Tôi hứa mà...”

\*\*\*

Hơi lạnh đang phủ lên mặt em. “Jane! Tỉnh dậy đi! Nào, Jane, dậy đi cháu, qua rồi, không phải chuyện thật đâu... Jane, dậy đi...” Giọng nói trầm trầm của Merriman vang lên nhẹ nhàng nhưng thúc bách, đôi tay mạnh mẽ đẩy an ủi đặt lên vai em. Jane ngồi bật dậy trong căn phòng nhỏ xíu, nhìn vào mặt ông, dựa vàng trán ướt đầm vào vòng tay ông và òa khóc.

“Kể cho ông nghe đi,” Merriman dịu dàng nói.

“Cháu không thể! Cháu đã hứa rồi!” Nước mắt em đang tràn ra, giàn giụa.

“Xem này,” Merriman nói khi em đã bình tĩnh hơn. “Cháu đã gặp một cơn ác mộng khủng khiếp, nhưng giờ thì nó qua rồi. Ông nghe thấy có tiếng kêu rất nhỏ như bị bịt lại ở trong này, và khi ông bước vào thì cháu đang trùm chăn kín đầu, chắc là phải nóng như trong lò ấy. Thảo nào mà cháu chẳng nằm mơ. Giờ thì kể cho ông nghe xem nào.”

“Ôi trời ời” Jane rầu rĩ nói. Em kể cho ông nghe.

“Hừm” Merriman nói, khi em kể xong. Khuôn mặt dầu mưa dãi nắng, xương xương của ông khuất trong bóng tối; em không thể thấy được vẻ mặt ông ra sao.

“Thật là kinh khủng,” Jane nói. “Nhất là đoạn cuối ấy.”

“Ông chắc là vậy. Ông e rằng trí tưởng tượng của cháu đã được cho ăn hơi nhiều sau chuyện tối qua hơn là nó chứa nổi.”

Jane cố nặn ra được một nụ cười yếu ớt. “Lúc tối nhà mình ăn tối với bánh táo và pho mát. Chắc là do cả hai cái đấy nữa ạ.”

Merriman bật cười và đứng dậy, thân hình cao lớn gần chạm cái trần nhà thấp. “Cháu ổn rồi chứ?”

“Ổn rồi ạ. Cháu cảm ơn ông.” Khi ông đi ra, em nói, “Ông Gumerry ơ?”

“Gì thế cháu?”

“Cháu vẫn cảm thấy thương Phù Thủy Xanh, thật đấy ạ.”

“Ông mong là cháu luôn giữ được tình cảm ấy,” ông Merriman đáp lại một cách khó hiểu. “Giờ thì cháu ngủ đi.”

Jane nằm yên, lắng nghe tiếng mưa đập vào cửa sổ và những tiếng sấm cuối cùng của cơn bão đang yếu đi. Ngay trước lúc thiếp đi em bất thần chợt nhớ rằng mình đã nhận ra cái vật nhỏ sáng rực, bí mật của Phù Thủy Xanh trong giấc mơ của em. Nhưng chưa kịp nắm bắt được ký ức ấy thì em đã ngủ thiếp đi rồi.

## CHƯƠNG NĂM

Simon rúc sâu hơn vào cái hốc ấm cúng toàn gối và ga trải giường. “Hừmmmmmmmm. Không. Đi đi.”

“Ôi, dậy đi anh Simon.” Barney túm lấy tấm ga trải giường kéo thật lực. “Dậy đi nào. Sáng nay trời siêu đẹp, anh dậy mà xem. Mọi thứ đều bóng loáng sau trận mưa đêm qua, bọn mình có thể đi xuống bến cảng trước bữa sáng. Chỉ đi dạo thôi. Chưa ai dậy cả. Đi nào.”

Miệng càu nhàu, Simon hé một mắt ra và hấp háy nhìn về phía cửa sổ. Trên bầu trời xanh thẫm một con mòng biển đổi hướng bay và biếng nhác chao

liêng, cứ giữ nguyên đôi cánh chẳng hề đập lấy một nhịp ấy mà lượn thành vòng tròn. “Ôi trời,” nó nói. “Thôi được rồi.”

Trên bến cảng, không có gì chuyển động cả. Thuyền đậu im lìm ở chỗ thả neo, những cột buồm in bóng trên làn nước phẳng lì. Những tấm lưới tấm creosote (*Một loại hóa chất dùng để bảo quản lưới đánh cá, dây câu, vv...* ) bốc mùi biển cả đắp thành đồng trên tường cảng chờ được vá lại. Không có gì phá vỡ sự tĩnh lặng ngoài tiếng lanh canh của một chiếc xe đưa sữa xa xa đâu đó phía trên làng vắng lại. Hai anh em chạy xuống những bậc thềm còn ướt nước mưa và xuyên qua những ngõ hẹp để đi xuống biển. Ánh nắng đậu trên mặt chúng đã ấm lên rồi.

Trong khi chúng đứng ngắm mấy con thuyền đậu gần nhất thì một con chó lai ở trong làng lon ton chạy tới, thân thiện hít hít chân chúng, rồi lại đi tiếp.

“Rufus có thể cũng đã ra ngoài rồi, Barney nói. “Mình đi xem sao đi.”

“Được thôi.” Simon thong thả bước theo nó, thoải mái và thư giãn trong sự tĩnh lặng, dưới ánh nắng và tiếng sóng biển rì rào.

“Nó kia rồi!” Chú chó lông đỏ chân dài đang lao qua kè đá về phía chúng. Nó nhảy cẫng lên quanh hai đứa, đuôi ve vẩy, hàm răng trắng nhếch ra như đang cười, cái lưới hồng dài thè lè ra ngoài.

“Con chó ngốc nghếch,” Simon âu yếm nói khi cái lưới ướt át liếm liếm tay nó.

Barney ngồi xổm xuống và nghiêm trang nhìn vào cặp mắt nâu của Rufus. “Em ước gì nó biết nói. Nếu thế thì mày sẽ nói gì với bọn tao hả, chó ngoan? Mày sẽ kể về tên họa sĩ của phe Bóng Tối, và nơi hăn đã đưa mày đến chứ? Chỗ đó ở đâu hả Rufus? Hăn đã nhốt mày ở đâu?”

Chú chó lông xù đứng im một lát, nhìn Barney; rồi nó nghiêng cái đầu dài sang một bên và bật ra một tiếng kêu kỳ lạ nửa như tiếng sữa, nửa như tiếng rên, nghe giống một câu hỏi. Nó quay ngoắt đi, chậm rãi bước vài bước dọc

kè đá, rồi dừng lại và quay đầu nhìn chúng. Barney từ từ đứng dậy. Rufus đi thêm vài bước nữa, rồi lại quay nhìn lại, chờ đợi chúng.

“Cái quái gì thế?” Simon vừa nhìn vừa hỏi.

“Nó muốn chỉ cho bọn mình thấy đấy!” Barney hồi hộp nhảy cẫng lên. “Đi nào anh Simon, nhanh lên! Em cá là nó sẽ chỉ cho bọn mình biết chỗ gã họa sĩ đó đang trốn, và bọn mình sẽ có thể cho ông Gumerry biết!”

Rufus rên ư ử vẻ dò hỏi.

“Anh không biết nữa.” Simon nói. “Bọn mình nên đi về thôi. Chẳng ai biết bọn mình đang ở đâu cả.”

“Ôi, đi nào, nhanh lên, trước khi nó thay đổi ý định.” Barney túm lấy tay Simon và kéo thẳng anh chạy theo con chó lông đỏ mình dài, giờ đã tự tin chạy trước băng qua cầu cảng.

Rufus dẫn chúng đi thẳng qua bến cảng vào con đường từ Ngôi nhà Xám và biến dẫn về đất liền; con đường mới đầu còn quen thuộc, dẫn chúng trở lại qua phần hẹp nhất của ngôi làng, qua những qua những căn nhà nhỏ lặng lẽ ngủ yên đằng sau những ô cửa sổ che rèm đăng-ten, và thỉnh thoảng lại gặp một ngôi nhà khiêm tốn trưng biển KHÁCH SẠN TƯ NHÂN. Rồi chúng đi qua Trewissick, tới những cánh đồng có hàng rào bao quanh nằm viền theo những chòm đồi trắng và ao xanh của vùng đất cao lạnh, cho đến khi, tít sâu trong đất liền, cánh đồng bị vùng đất hoang chặn lại.

Simon nói, “Bọn mình không thể đi xa hơn được nữa. Barney ạ. Chúng ta còn phải quay về nữa chứ.”

“Chỉ đi thêm một đoạn nữa thôi mà.”

Chúng lại đi tiếp, men theo những con đường yên tĩnh sáng rực lên màu xanh non của các thân cây mới nảy lộc. Simon nhìn quanh mình, một thoáng lo ngại bắt đầu hiện ra trong óc nó. Nhưng chẳng có gì không ổn cả: mặt trời sưởi ấm chúng, hoa bồ công anh vàng tươi lấm tấm như sao trên cỏ; có thể xảy ra chuyện gì được chứ? Rồi đột nhiên Rufus rẽ khỏi con đường chính

vào một lối mòn hẹp rậm rạp; một tấm biển ở góc đường có đề TRANG TRẠI PENTREATH. Hai bên lối mòn, cành cây vươn cao đan vào nhau thành một vòm lá; ngay cả dưới ánh nắng ban ngày lối mòn vẫn đầy bóng râm, mát lạnh, chỉ loáng thoáng mấy vệt nắng rọi qua. Bất thành linh một linh tính đáng sợ tràn ngập khắp người Simon. Nó đứng sững lại như hóa đá.

Barney liếc nhìn lại qua vai. “Sao thế?”

“Anh cũng không biết nữa.”

“Anh nghe thấy gì à?”

“Không. Anh chỉ thấy... như thế trước kia anh đã đến đây rồi vậy...” Simon rùng mình. “Cảm giác kỳ quái thật.”

Barney lo ngại nhìn nó. “Hay có lẽ bọn mình nên quay về thật?”

Simon không trả lời; nó đang nhìn về phía trước, lông mày nhíu lại. Rufus, vừa biến mất sau khúc quanh trên lối mòn một phút trước, đang lao trở lại, cuống quýt một cách khó hiểu.

“Chui vào bụi cây, mau!” Simon túm lấy tay Barney, và với con chó theo sát sau gót chúng vội chuồn vào đám cây và bụi rậm mọc dày kịt ở bên đường. Trong đó, cẩn thận dò từng bước một từ cây này tới cây kia để tránh tiếng chân lạo xạo, chúng nhích dần tới trước cho tới khi nhìn thấy một phần lối mòn nằm trước mặt, phía sau khúc quanh. Chúng không nói hay thì thầm gì; gần như không dám thở nữa, và dưới chân chúng Rufus cũng phủ phục im lìm như chết.

Ở đó, phía trước mặt chúng, cây đã thưa bớt, lối mòn không còn là một đường hầm dưới vòm lá nữa. Thay vào đó chúng nhìn thấy một cánh đồng rộng rải rác những thân cây to đơn độc và các bụi rậm. Ngang qua cánh đồng, con đường mòn chỉ còn là một lối đi cỏ mọc um tùm, hai vết xe lún uốn lượn kéo dài đến chỗ cây mọc dày trở lại. Có vẻ như chẳng có mấy ai đi đến Trang trại Pentreath cả. Và chẳng thấy bóng dáng một trang trại nào hết.

Rõ mồn một trước mắt chúng trên cánh đồng ngập nắng, chỉ là một căn nhà lưu động.

Nó đứng đó, cao lớn, lộng lẫy và tuyệt đẹp: một căn nhà lưu động đúng kiểu di gan cổ, loại nhà mà chúng chưa bao giờ nhìn thấy ngoại trừ trong tranh ảnh. Bên trên các bánh xe cao có nan hoa gỗ, những bức tường gỗ trắng vươn cao, hơi nghiêng ra ngoài một chút, lên đến mái gỗ uốn cong với ống khói có cái chụp hình nón. Trong mái hiên chìa ra ở mỗi góc giữa tường và mái nhà là những diềm gỗ trang trí hình cuộn sáng màu. Trên các bức tường phía bên là những ô cửa sổ vuông, che rèm cẩn thận; bên dưới, tựa vào trước căn nhà là những cang xe dành cho con ngựa đang lặng lẽ đứng gặm cỏ gần đó. Ở phía sau, một cái thang sáu bậc chắc chắn dẫn lên một cánh cửa có vẽ hình trang trí tinh xảo để hợp với những diềm cuộn bên trên: một cánh cửa có hai phần, giống như cửa chuồng ngựa, nửa trên mở ra còn nửa dưới thì cài then kín.

Trong khi hai anh em lom khom nấp đằng sau đám cây, nín thở quan sát, thì một người hiện ra ở khung cửa, mở phần cánh cửa phía dưới ra và bắt đầu bước xuống cầu thang căn nhà lưu động. Barney bấu chặt lấy cánh tay Simon. Không thể lẫn vào đâu được mái tóc dài rối bù và đôi mày cau có kia; gã họa sĩ thậm chí vẫn ăn mặc y hệt như hai lần trước, giống một ngư dân, áo len và quần màu xanh lính thủy.

Barney nuốt nước miếng vì lo sợ khi thấy gã đàn ông ở quá gần, cứ như thể bao quanh nó là một đám mây hiểm ác vậy. Nó bỗng thấy mừng là hai anh em đang ở sâu trong cụm cây, nằm ngoài mọi tầm mắt thường. Nó cố đứng thật im, cầu mong là Rufus sẽ không ra tiếng động gì.

Nhưng mặc dù quả thực không có tiếng động gì trong khoảng đồng trống, ngoại trừ tiếng chim hót buổi sớm trên cây, gã đàn ông đen đuôi nọ vẫn bất thần đứng lại trên bậc thang cuối của căn nhà lưu động. Hẳn ngẩng đầu lên và quay một vòng, tựa một con chó săn đánh hơi tìm hươu; Barney thấy hai mắt hắn nhắm nghiền. Rồi gã đàn ông quay hẳn về phía chúng, cặp mắt lạnh

lẽo mở ra bên dưới hai hàng lông mày nhíu lại, và hắn nói rõ ràng, “Barnabas Drew. Simon Drew. Ra đây.”

Trong óc hai đứa không hề nảy ra ý định bỏ chạy hay bất kỳ điều gì khác ngoài sự phục tùng không chút kháng cự. Barney bước ra khỏi đám cây như cái máy, và cảm thấy Simon đi theo nó cũng với bước chân không hề ngập ngừng y hệt. Ngay cả Rufus cũng ngoan ngoãn lon ton bên cạnh chúng

Chúng đứng cạnh nhau trên cánh đồng đầy nắng gần căn nhà lưu động, đối mặt với gã đàn ông da ngăm đen trong bộ quần áo sẫm màu, và bất chấp ánh mặt trời ấm áp trên da, chúng vẫn thấy không khí bỗng trở nên lạnh ngắt. Gã đàn ông nhìn chúng, không hề mỉm cười, mặt vô cảm. “Bọn mày muốn gì?” hắn hỏi.

Đâu đó trong đầu Barney, chẳng khác nào một tia lửa bập bùng gặp được bụi nhùi và bùng cháy, ngọn lửa giận dữ nhỏ bé bất ngờ bùng lên thành cơn thịnh nộ và thiêu rụi cả nỗi sợ của nó. Nó mạnh bạo nói, “Trước hết là tôi muốn ông trả lại bức tranh của tôi.”

Bên cạnh mình, nó thoáng thấy Simon hơi lắc lắc đầu, như vừa tỉnh ngủ, và nó biết rằng anh trai mình cũng đã thoát khỏi bùa mê. Nó nói to hơn, “Ông đã đánh cắp bức tranh của tôi ở dưới bến cảng, có trời mới biết tại sao. Tôi thích bức vẽ ấy, và tôi muốn lấy lại nó.”

Cặp mắt tối sẫm lạnh lùng quan sát nó; không thể đọc được bất kỳ cảm xúc nào trong chúng. “So với tuổi của cậu thì đó là một bức vẽ có khá nhiều triển vọng đấy.”

“Rõ ràng là ông không cần nó mà,” Barney nói; trong thoáng chốc nó nói với vẻ gần như kính nể, khi nhớ lại sức mạnh thực sự trong bức tranh của gã đàn ông kia.

“Không,” gã đàn ông đáp, với một nụ cười nửa miệng lạ kỳ, nham hiểm. “Giờ thì không.” Hắn lại bước lên các bậc thang và qua cánh cửa đôi; rồi ngoái đầu lại nói, “Thôi được rồi. Vào đây.”



Rufus, từ đầu đến giờ vẫn đứng như trời trồng, bắt đầu gặm gừ trong họng. Simon đưa tay ra hiệu cho nó im lặng, và bảo, “Làm thế không được khôn ngoan cho lắm đâu, Barney.”

Nhưng Barney nói về thoải mái, “Ồ, không đâu, em nghĩ sẽ ổn cả thôi,” và nó bước về phía các bậc thang của căn nhà lưu động. Simon không chọn nào khác ngoài đi theo nó. “Ở lại đây, Rufus” nó nói. Con chó lông xù gập những cẳng chân dài lại và nằm xuống ở chân bậc thang, nhưng nó vẫn tiếp tục gặm gừ không ngừng một cách quái lạ, hai anh em có thể nghe thấy tiếng gặm gừ khe khẽ ấy ở phía sau như nhắc chúng nhớ đến một lời cảnh báo.

Gã đàn ông đen đui đang quay lưng lại phía chúng. “Hãy ngắm nhìn căn nhà romany này cho kỹ vào,” hăn nói, không quay lại. “Giờ không còn nhiều nhà lưu động như thế này để mà ngắm nghía nữa đâu.”

“Romany ấy à?” Simon hỏi. “Ông là người di gan à?”

“Nửa phần romany,” gã đàn ông đáp, “và nửa phần gorgio (*Người di gan dùng từ “romany” để gọi chính mình và “gorgio” để gọi những người còn lại.*)” Hăn quay lại và đứng khoanh hai tay trước ngực, quan sát chúng. “Ta có một phần là người digan, đúng thế. Ngày nay thì chỉ thấy được người lai di gan thôi đã là tốt lắm rồi, ít ra là trong số những người sống lang thang nay đây mai đó. Ngay cả căn nhà này cũng chỉ có một phần là di gan mà thôi.”

Hăn ra hiệu về phía trần căn nhà lưu động, và khi ngẩng lên, chúng thấy trần nhà cũng được viền bằng cùng loại diềm cuộn trang trí sáng màu như ở ngoài, và trên một bức tường treo kín đủ loại dụng cụ nhỏ, có một cây vĩ cầm cổ và một tấm thảm len kẻ sọc rất lạ. Nhưng đồ đạc trong nhà thì thuộc loại rẻ tiền và hiện đại, và ống khói thì không phải là ống khói thật, mà chỉ là một cái lỗ thông hơi để hút khí nóng lên khỏi cái bếp lò điện.

Thế rồi đột nhiên chúng nhận ra rằng trần nhà là một bức vẽ. Từ đầu này đến đầu kia, bên trên đầu chúng, bên trên những đường xoắn cổ truyền sáng màu của diềm cuộn, một bức tranh trừu tượng dữ dội trải ra. Không thể nhận ra được những mảng màu và hình thù trên tranh là cái gì, nhưng đó là một cảnh tượng đáng sợ, khủng khiếp, đầy những vòng xoáy kỳ lạ, những mảng tối và những đường rạch xanh nhợt như cửa vào mọi giác quan. Barney lại cảm thấy sức mạnh và sự khó chịu đã xâm chiếm nó khi nhìn vào bức tranh của gã đàn ông lúc ở dưới bến cảng; ở trên trần này nó cũng nhìn thấy cái sắc xanh cực kỳ kinh khủng mà lúc đó đã khiến nó hết sức khó chịu. Đột nhiên nó bảo Simon, “Mình về thôi.”

“Đừng vội,” gã đàn ông ngăm đen nói. Hắn nói nhẹ nhàng, không hề cử động, và Barney lạnh người khi nhận thấy rằng Bóng Tối đang vươn ra hòng điều khiển nó... cho đến khi một tiếng rít khe khẽ từ nãy đến giờ vẫn khiến nó bắn khoản bất thành linh ré lên thành tiếng ấm nước đang sôi, và tiếng còi the thé vang khắp căn phòng, khiến cho cảm giác về cái ác bỗng trở nên lỗ bịch.

Nhưng Simon cũng đã cảm thấy. Nó nhìn gã đàn ông da ngăm đen và thầm nghĩ: người cứ ngăn không cho bọn ta hoảng sợ, trì hoãn điều đó. Tại sao người lại muốn bọn ta ở lại đây?

Gã đàn ông bận bịu với cái công việc tầm thường là xúc cà phê uống liền vào ca và rót nước sôi trong ấm vào đó. “Có ai trong hai cậu uống cà phê không?” hắn hỏi với qua vai.

Simon vội nói, “Không cảm ơn ông.”

Barney nói, “Tôi sẽ không phản đối một cốc nước đâu.” Nhìn thấy cái lườm của Simon, nó rầu rĩ nói thêm, “Đi bộ từ nãy đến giờ em khát lắm rồi. Uống một cốc nước là không được hay sao?”

“Ở cái tủ bên chân phải cậu” gã họa sĩ nói, “cậu sẽ thấy mấy lon sô đa cam đấy.” Hắn đi đến bên cái bàn nhỏ ở cuối căn nhà, tay khuấy cà phê. “Chưa

hề bật nắp” hẳn nói thêm, cố ý nhìn vào Simon với vẻ châm biếm. “Nước có ga. Vô hại. Đến thẳng từ nhà máy.”

“Cảm ơn” Barney nói ngay, cúi xuống bên cánh cửa tủ.

Gã đàn ông nói, “Trong đó có cả một chiếc hộp các tông nữa, cậu hãy đem nó ra luôn thế”

“Được thôi.” Sau một hồi lục đục sục sạo, Barney lôi ra một cái hộp màu nâu nom hết sức bình thường, đặt nó lên bàn và bỏ hai lon nước kẹp ở khuỷu tay ra. Không nói một lời, Simon cầm lấy một lon, bật nắp, và lon nước xì lên một tiếng khiến nó yên tâm hơn, nhưng sự thận trọng bướng bỉnh vẫn khiến nó ngần ngại không muốn uống, và nó chỉ giả vờ tợp một hớp. Barney thì uống lấy uống để, với những tiếng ừm ực khoái trá.

“Khá hơn rồi. Cảm ơn. Bây giờ cho tôi xin lại bức tranh được không?”

“Mở cái hộp ra,” gã đàn ông nói, mớ tóc dài xõa xuống mặt trong khi gã uống một ngụm cà phê trong ca.

“Nó ở trong đó à?”

“Mở cái hộp ra,” gã đàn ông nhắc lại, với một thoáng thúc giục trong giọng nói. Simon thầm nghĩ: hẳn căng thẳng như dây đàn vậy. Tại sao nhỉ?

Đặt lon nước xuống bàn, Barney mở nắp cái hộp các tông màu nâu ra. Nó lấy ra một tờ giấy, và thận trọng giơ lên ngắm nghía. “Đúng rồi, đây chính là bức tranh của tôi.”

Nó liếc nhìn lại vào trong hộp, rồi đột nhiên mắt nó sáng ngời lên, một ánh sáng rực rỡ chói lòa như rọi thẳng vào đầu nó, và nó trở mắt kính ngạc kêu lên như lạc giọng.

“Anh Simon! Chiếc chén Thánh này!”

Đúng lúc đó khung cảnh xung quanh chúng bỗng thay đổi; ô cửa nhỏ của căn nhà lưu động đóng lại đánh sầm một tiếng, màn màn buông xuống chặn hết mọi ánh sáng ban ngày. Căn phòng tối đen lại trong thoáng chốc,

nhưng rồi gần như ngay lập tức Barney lại thấy mình chớp chớp mắt vì một sáng lờ mờ. Nó nhìn khắp nơi tìm xem ánh sáng đó đến từ đâu, và rồi với một cảm giác choáng váng sợ hãi, nó nhận ra rằng quãng sáng nhờ nhờ đó, thật ghê rợn, không tỏa ra từ một cây đèn nào mà là chính từ bức tranh trên trần nhà. Trên đó, những xoáy tròn màu xanh quái gở đã khiến nó vô cùng bất an lúc trước đang phát ra một ánh sáng lạnh lẽo, mờ đục. Giờ nó mới thấy là những xoáy tròn đó cũng có hình dạng; những hình góc cạnh sắp xếp thành từng nhóm, tựa như một thứ chữ viết kỳ lạ nào đó. Dưới ánh sáng xanh xanh lạnh lẽo ấy nó nhìn xuống, sợ sệt, không tin nổi vào mắt mình, và vẫn thấy vật quen thuộc tuyệt vời nó nhìn thấy lúc trước đang lấp lánh bên trong cái hộp các tông. Barney nhẹ nhàng nhắc nó lên, quên bẵng hết thấy mọi thứ quanh mình, và đặt nó lên bàn.

Simon thì thảo bên cạnh nó, “Đúng là nó rồi!”

Trên cái bàn trước mặt chúng, chiếc chén Thánh xứ Cornwall sáng rực lên: cái chén nhỏ bằng vàng mà chúng đã thấy lần đầu tiên, sau một cuộc tìm kiếm vô cùng khó khăn, sâu tít trong một chiếc hang bên dưới các vách đá của Mũi Kemare, chiếc chén mà chúng đã bảo vệ được khỏi bọn tay chân và quyền năng của thế lực Bóng Tối, trong một thời gian ngắn.

Chúng không hiểu nó là cái gì, hay nó có thể làm được gì; chúng chỉ biết rằng với ông Merriman và với phe Ánh Sáng nó là một trong những Pháp Vật vĩ đại, một thứ vô giá, và rằng một ngày kia giá trị của nó sẽ được chứng tỏ khi người ta hiểu được những dấu hiệu và ký tự Rune cổ chạm khắc trên mặt ngoài. Barney nhìn không chớp mắt vào những bức tranh, đường nét và dấu hiệu không sao hiểu nổi trên các cạnh vàng của chiếc chén, cũng như nó đã nhìn hàng ngàn lần trước đây. Giá mà... giá mà... nhưng bản viết cổ nằm trong cái hộp chì mà chúng tìm thấy cùng với chiếc chén, trong cái hang sâu thẳm thẳm không ai biết đến ấy, giờ đã nằm dưới đáy biển, do chính Barney ném từ cuối Mũi Kemare xuống trong cố gắng tuyệt vọng cuối cùng để giữ cho chiếc chén và bản viết khỏi rơi vào tay phe Bóng Tối đang cận kề. Mặc dù chiếc chén đã được bảo vệ an toàn, bản viết

cổ đã rơi xuống biển, và chỉ trong bản viết cổ ấy mới có điều bí mật giải mã được những dòng chữ quan trọng sống còn viết trên chiếc chén kia...

Ánh sáng lờ mờ trong căn nhà lưu động không thể át được vầng sáng tỏa ra từ chiếc chén Thánh, nó vàng rực lên như lửa trước mặt chúng, ấm áp, lấp lánh. Simon khẽ nói, “Nó không sao cả. Khi một vết xây xước.”

Một giọng lạnh lẽo từ trong bóng tối vang lên “Nó đã được giữ gìn rất cẩn thận.”

Chúng đột ngột bị kéo ra khỏi sự mê mải với chiếc chén Thánh và quay trở lại cảnh tranh tối tranh sáng đáng sợ với gã họa sĩ đến từ Bóng Tối. Cặp mắt nhỏ, đen và sáng quắc của gã đàn ông long lanh nhìn chúng từ bên kia chiếc bàn; hăn chỉ còn là một mảng màu đen trắng không thực, mắt đen, mặt trắng, tóc đen. Và trong giọng hăn giờ đã có một vẻ tự tin và mạnh mẽ hơn hăn, một thoáng đắc thắng.

“Ta cho phép các cậu nhìn thấy chiếc chén” hăn nói, “để thỏa thuận một điều với các cậu.”

“Ông mà đòi thỏa thuận với chúng tôi ấy à?” Simon hỏi, giọng cất lên cao và to hơn là nó muốn. “Ông chỉ biết đi đánh cắp mà thôi. Bức tranh của Barney, con chó của Thuyền Trưởng Toms. Và chiếc chén... hăn là chính ông đã đánh cắp nó từ viện Bảo Tàng, hoặc là bạn bè của ông...”

“Ta chẳng có bạn bè nào hết.” gã đàn ông bất ngờ đáp nhanh; dường như đó là một phản ứng cay đắng mà hăn không kịp ngăn lại, và trong một thoáng cái nhìn lạnh lùng của hăn hơi chao đảo, hăn cũng biết vậy. Ngay tức thì hăn lấy lại vẻ bình tĩnh, và nhìn xuống hai anh em một cách hoàn toàn tự chủ.

“Trộm cắp cũng có thể là một cách để đạt được điều mình muốn, hai anh bạn trẻ ạ. Điều ta muốn hết sức đơn giản, và nó chẳng đem lại hậu họa gì. Ta chỉ yêu cầu các cậu dành cho ta năm phút thôi. Hay đúng hơn là yêu cầu em trai của cậu, và yêu cầu cả một tài năng...đặc biệt... mà cậu bé có được nữa.”

“Tôi sẽ không rời nó ra một phút nào đâu.” Simon nói.

“Ta có bắt cậu phải làm vậy đâu.”

“Nếu không thì ông định bắt tôi làm gì nào?”

Barney không nói gì mà chỉ thận trọng quan sát. Lần này thì nó không hề thấy bức bối khi để cho Simon nắm quyền chỉ huy. Một cái gì ở đâu đó trong thâm tâm nó đang bắt đầu thấy mỗi lúc một sợ gã đàn ông mặt trắng bệch căng thẳng này hơn, có lẽ bởi vì rõ ràng là hắn có một tài năng hết sức khủng khiếp. Sẽ dễ dàng hơn nhiều nếu nó phải đối mặt với một con quái vật trì độn đơn giản.

Gã họa sĩ nhìn Barney. Hắn nói, “Rất đơn giản thôi, Barnabas Drew ạ. Ta sẽ lấy cái cốc mà các cậu cứ gọi là chiếc chén Thánh ấy, đổ vào đó một ít nước và một ít dầu. Rồi ta sẽ yêu cầu cậu hãy ngồi thoải mái, và nhìn vào trong cốc, và cho ta biết cậu nhìn thấy gì.”

Barney kinh ngạc nhìn hắn. Một ý nghĩ kỳ lạ như màn sương trên biển len lỏi vào đầu nó: phải chăng gã đàn ông này hoàn toàn không hề xấu xa, mà chỉ hơi dở người, hơi khủng một chút? Nó bỗng nhận ra rằng nếu vậy thì mọi hành động kỳ quặc của gã họa sĩ sẽ được giải thích rõ ràng; dù sao thì ngay cả những nghệ sĩ tài năng nhất đôi khi cũng làm những điều kỳ cục và xử sự một cách lạ lùng; cứ nghĩ đến ông Van Gogh điên rồ ấy mà xem....

Nó thận trọng nói, “Nhìn vào nước và dầu, và cho ông biết tôi nhìn thấy gì ư? Dầu sẽ tạo thành những đường nét khá đẹp trên nước, và những mảng màu nữa... nghe có vẻ vô hại thật. Phải không anh Simon?”

“Anh nghĩ vậy,” Simon nói. Nó đang nhìn chăm chăm vào gã đàn ông da ngăm đen, vào cặp mắt man rợ và khuôn mặt tái nhợt căng thẳng của hắn, và cái ý nghĩ như thôi miên ấy cũng đang len vào đầu óc nó. Nó cũng nghĩ rằng rất có thể người mà chúng ngỡ là kẻ địch này chẳng có gì liên quan đến phe Bóng Tối hết, bất kể Ông Merry có nghĩ gì đi chăng nữa, mà đơn giản chỉ là một người lập dị, một ông họa sĩ hâm hâm chẳng làm hại đến ai. Nếu đúng vậy thì cứ làm theo lời ông ta là an toàn hơn cả.

“Đúng thế,” nó quả quyết nói. “Tại sao lại không chứ?”

Simon nghĩ: khi những chuyện điên khùng này kết thúc, bọn mình có thể vơ lấy chiếc chén Thánh và bỏ chạy. Tìm cách nào đó để cắt đuôi hăn, gọi Rufus vào, đem chiến chén về cho ông Gumerry... Nó nhìn Barney chăm chú, cố tìm cách đánh tín hiệu cho nó, len lén huých vào người nó và nháy mắt về phía chiếc chén. Barney gật đầu. Nó biết anh trai mình đang tìm cách nói điều gì; chính ý nghĩ đó cũng đang hiện ra rõ mồn một trong đầu nó.

Gã đàn ông da ngăm đen vắn một ít nước ở vòi và đổ vào chiếc chén. Rồi hăn lấy một cái lọ nhỏ màu nâu ở trên giá gần bàn và nhỏ vào đó một hai giọt dầu gì đó. Hăn hau háu nhìn Barney. Sự căng thẳng của hăn lộ ra rõ ràng, tựa hồ có thể phát ra tiếng kêu như sợi dây đàn được gảy vạy.

“Nào,” hăn nói. “Ngồi xuống đây, và nhìn cho kỹ. Nhìn thật kỹ, thật lâu vào. Và cho ta biết cậu nhìn thấy gì.”

Barney ngồi xuống chiếc ghế đặt trước bàn, và chậm rãi ôm lấy chiếc chén vàng bằng cả hai tay. Mặc dù lớp vàng được chạm khắc bên ngoài chén vẫn sáng rực như trước, bề mặt bên trong lại có màu đen xỉn. Barney nhìn xuống chỗ chất lỏng trong lòng chén. Dưới ánh sáng xanh lạnh lẽo tỏa ra một cách khó hiểu từ những mảng màu và đường nét của bức tranh trên trần nhà bên trên đầu nó, nó ngăm nhìn lớp dầu mỏng tang trên mặt nước cuộn xoáy và uốn lượn vào với nhau, rời ra rồi lại nhập vào, tạo thành những hòn đảo trôi ra xa và rồi biến mất, hòa vào với những giọt dầu khác. Và nó thấy... nó thấy...

Bóng tối tràn vào đầu nó tựa như một giấc ngủ đột ngột kéo tới, và nó không còn biết gì nữa.

## CHƯƠNG SÁU

Jane gần như phát khóc lên. “Nhưng hai anh em không thể tự dừng biển mất được! Chắc hẳn đã xảy ra chuyện gì kinh khủng lắm rồi!”

“Vớ vẩn,” Merriman nói. “Chỉ một lát nữa thôi là chúng sẽ ào về đòi ăn sáng cho mà xem.”

“Nhưng bữa sáng đã qua hơn một tiếng rồi mà.”

Jane lo lắng nhìn chăm chăm ra bến cảng đông đúc ồn ào dưới ánh nắng. Máy ông cháu đứng trên lối đi lát gạch bên ngoài hai căn nhà, bên trên cái mạng lưới toàn những bậc thang và ngõ nhỏ ngoằn ngoèo dẫn xuống phía bên bến cảng.

Will nói, “Tớ chắc là hai anh em không sao đâu Jane ạ. Chắc cả hai đã dậy sớm và lang thang đi dạo, rồi đi xa hơn là dự kiến thôi. Đừng lo.”

“Tớ mong là cậu nói đúng. Tớ dám chắc là vậy. Chỉ có điều là trong đầu tớ cứ hiện ra cái hình ảnh kinh khủng là hai anh em đã dẫn nhau lên Mũi Kemare như chúng tớ vẫn thường làm năm ngoái, và một trong hai người bị mắc kẹt trên vách đá hay là sao đó... Ôi trời ơi, tớ biết là tớ đang nghĩ lung tung rồi. Cháu xin lỗi, ông Gumerry.” Jane sốt ruột lắc mái tóc dài về phía sau. “Cháu đoán tất cả là tại cháu xem người ta ném Phù Thủy Xanh xuống biển. Cháu sẽ không nói gì nữa.”

“Tớ bảo này,” Will nói. “Sao bọn mình không đi lên Mũi Kemare kiểm tra xem sao? Cậu sẽ thấy khá hơn nhiều đấy.”

Mặt tươi hẳn lên, em nhìn từ người này sang người kia. “Được không ạ?”

“Tất nhiên là được chứ.” Merriman đáp. “Trong lúc đó thì bà Penhallow sẽ cho hai tên đào ngũ kia ăn sáng nếu chúng quay về. Hai cháu đi trước đi... ông sẽ nhắn lại với bà ấy một câu, và bắt kịp với hai đứa sau.”

Jane mỉm cười. “Ôi, tốt hơn rồi. Cứ ngồi đợi thì thật là kinh khủng. Cảm ơn cậu, Will.”



“Không có gì” Will vui vẻ nói. “Sáng nay trời đẹp thế này đi dạo cũng thích lắm.”

Cậu lo ngại thầm nói với Merriman bằng ý nghĩ, “Cháu nghĩ là phe Bóng Tối đã bắt được hai anh em rồi. Ông có cảm thấy thế không?”

“Không nguy hại gì đâu,” câu trả lời bình tĩnh truyền vào óc cậu. “Và có lẽ còn có lợi cho chúng ta là đằng khác”.

\*\*\*

Barney đứng ở cửa căn nhà lưu động, chớp chớp mắt dưới ánh mặt trời. “Thế nào,” nó hỏi “thế bọn mình có đi lấy chúng không đây?”.

“Lấy cái gì?” Simon nói.

“Mấy lon nước chứ còn gì nữa.”

“Lon nước nào?”

“Anh làm sao thế? Mấy lon nước hử vừa mời bọn mình ấy. Hử bảo, có mấy lon nước trong tủ, các cậu cứ tự nhiên lấy mà uống. Và còn nhắc đến cả một cái hộp các tông nào đó nữa.” Nó vừa quay vào vừa cười và liếc nhìn anh trai mình. Rồi nó dừng phắt lại.

“Anh Simon, anh làm sao thế?”

Mặt Simon trắng bệch và căng thẳng, mọi đường nét trữu xuống thành một vẻ mặt lo lắng sợ hãi rất người lớn và kỳ lạ. Nó nhìn chăm chăm vào Barney một lát, rồi dường như nó cố hết sức để bắt mình cũng nói chuyện bình thường như thế. “Em đi lấy đi” nó nói. “Mấy lon nước ấy. Em đi lấy đi. Rồi đem ra ngoài này. Ngoài này có nắng thích hơn.”

Đằng sau chúng, trong căn nhà lưu động có tiếng gì đó, và Barney thấy Simon nhảy dựng lên như vừa bị ai đâm cho một nhát; rồi sau đó nó lại thấy anh mình có cái vẻ găng sức lấy lại bình tĩnh như trước. Simon tựa người vào tường căn nhà, ngửa mặt lên phía mặt trời. “Đi đi,” nó nói.

Bối rồi, Barney đi vào căn nhà lưu động, bên trong sáng rực ánh nắng đang tràn qua những ô cửa. Gã họa sĩ đen đũi đang tựa vào bàn, nhâm nhi một cốc cà phê.

“Cái tủ này à?” Barney đưa chân chỉ một cái tủ nhỏ dưới bồn rửa bát.

“Đúng thế,” gã đàn ông đáp.

Barney quỳ xuống và lấy ra hai lon sô đa cam, rồi nhìn quanh cái tủ nhỏ tối om. “Ông nói còn có cả một cái hộp các tông nữa, nhưng tôi chẳng thấy hộp nào cả.”

“Không quan trọng nữa,” tên họa sĩ đáp.

“Nhưng có cái gì đây..” Barney thò tay vào và lôi ra một tờ giấy. Sau khi liếc qua một cái, nó ngồi xồm lên trên gót chân và ngẩng lên nhìn gã đàn ông, mặt vô cảm. “Là bức tranh của tôi. Bức tranh ông đã lấy cắp.”

“Ờ” gã đàn ông nói. “Đó là cái mày đến đòi, phải không nào?” Cặp mắt tối sầm của hắn long lên nhìn Barney một cách lạnh lùng bên dưới hai hàng lông mày cau lại. “Lấy nó ra, uống nước, rồi đi đi.”

Barney nói, “Tôi vẫn muốn biết tại sao ông lại cầm bức tranh bỏ chạy.”

“Mày đã làm ta tức giận,” gã đàn ông nói cộc lốc. Hắn đặt cốc cà phê xuống và ra hiệu cho Barney đi ra cửa. “Không thằng nhãi nào được chê bai tác phẩm của ta cả. Đừng có lại bắt đầu đấy” giọng hắn cao lên đầy đe dọa khi Barney lại mở miệng. “Đi ngay đi.”

Từ ngưỡng cửa, Simon hỏi, “Có chuyện gì thế?”

“Không có gì,” Barney nói. Cuộn bức tranh lại, nó nhặt hai lon nước lên và đi ra cửa.

“Anh không khát,” Simon nói.

“Em thì có.” Barney uống một hơi dài.

Tên họa sĩ đứng nhìn chúng, mặt cau có, chặn đường không cho chúng quay trở vào trong căn nhà. Bên ngoài, dưới ánh nắng, con ngựa to lớn của hãn bình thân bước tới một bước, miệng vẫn đều đều gặm cỏ.

Simon nói, “Chúng tôi đi được chưa?”

Gã đàn ông nheo mắt lại, hãn nói nhanh, “Ta không hề giữ chân bọn mày. Hỏi ta làm gì?”

Simon nhún vai. “Thì vừa rồi Barney bảo, đi về thôi, và ông bảo, đừng vội. Có thể thôi.”

Một vẻ gì đó giống như sự nhẹ nhõm thoáng hiện trên khuôn mặt ngăm đen của gã kia. “Em trai mày đã nhận được bức tranh quý báu của nó rồi, vì thế hãy đi đi, đi đi. Đi lên phía trái trang trại,” hãn đưa tay chỉ lối mòn cỏ mọc um tùm lượn vòng qua khúc quanh, “bọn mày sẽ thấy một lối tắt dẫn về làng. Lối ấy hơi um tùm, nhưng nó sẽ dẫn bọn mày đến Mũi Kemare.”

“Cảm ơn ông,” Simon nói.

“Tạm biệt,” Barney nói.

Hai đứa băng qua cánh đồng, không hề nhìn lại. Chúng cảm thấy như vừa bước ra khỏi một màn sương u ám vậy.

“Anh có nghĩ đó là một cái bẫy không?” Barney thì thào. “Có thể có ai đó đang phục sẵn ở trang trại đợi bọn mình đến.”

“Sao phải rắc rối như thế?” Simon nói. “Hãn chẳng cần giăng bẫy gì hết.”

“Được thôi.” Lon ton chạy cạnh anh, Barney tò mò nhìn chăm chăm vào mặt nó. “Anh Simon, quả thực trông anh sợ lắm. Anh chắc là anh không sao đấy chứ?”

“Im đi, đừng nhắc đến nữa,” Simon nói, giọng trầm nhưng hung dữ. “Tao không sao hết. Đi nhanh lên.”

“Nhìn kìa!” Barney kêu lên khi chúng đi vòng qua khúc quanh. “Nó trống trơn!”

Căn nhà dài xây bằng đá xám của trang trại hiện ra trước mặt chúng, rõ ràng là đã bị bỏ hoang: khắp nơi không có gì động đậy, những thứ nông cụ cũ rỉ sét nằm trên sân, mấy ô cửa sổ đen sì trống hoác, kính vỡ lờm chờm. Cái mái tranh của gian nhà phụ đã võng xuống nom thật sợ; những bụi mâm xôi gai vươn dài những cánh tay xanh hoang dại từ rừng đang lén lút tiến tới xâm chiếm ngôi nhà.

“Thảo nào mà hãn chẳng ở trong một căn nhà lưu động. Anh có nghĩ hãn là người lai di gan thật không?”

“Chắc là không đâu,” Simon nói. “Chỉ là để giải thích tại sao trông hãn lại khác như thế thôi. Và để giải thích căn nhà lưu động nữa. Anh không biết tại sao nhưng ông Gumerry chắc sẽ biết. Lối mòn kia rồi.” Nó đi về khoảng trống nơi những bụi cây rậm rạp gần ngôi nhà cũ mở ra, và chúng mò mẫm men theo một con đường hẹp mọc đầy mâm xôi.

“Em đói meo rồi,” Barney nói. “Hy vọng là bác Penhallow sẽ tráng trứng và làm thịt hun khói.”

Simon nhìn nó, mặt vẫn căng thẳng. “Anh phải nói chuyện với ông Gumerry. Cả hai bọn mình. Anh không giải thích bây giờ được, nhưng việc gấp lắm.”

Barney trở mắt nhìn. “Ờ thì kiểu gì ông cũng ở nhà mà, phải không?”

“Có thể. Nhưng mọi người đã ăn sáng từ lâu rồi, có thể họ sẽ đi tìm bọn mình cũng nên.”

“Ở đâu?”

“Anh không biết. Trước tiên mình thử đến Ngôi nhà Xám xem sao.”

“OK” Barney vui vẻ nói. “Hắn con đường này sẽ dẫn đến khá gần đấy. Và bọn mình có thể...” Nó bỗng đứng sững lại, nhìn Simon. “Rufus! Bọn mình không dẫn nó về! Anh Simon, kinh khủng quá, em quên băng mắt nó! Nó đi đâu mất rồi?”

“Nó bỏ chạy rồi. Đó là một trong những điều anh phải giải thích.” Simon mệt mỏi đi tiếp. “Tất cả đều dẫn đến cùng một chuyện. Và bọn mình phải tìm thấy Ông Merry càng sớm càng tốt, nếu không thì sẽ hỏng bét.”

\*\*\*

“Trên này chẳng thấy bóng dáng hai anh em đâu cả.” Will loay hoay trèo xuống những tảng đá ở đầu Mũi Kemare.

“Không thấy,” Merriman nói. Ông đứng yên, làn gió biển thổi tung mớ tóc bạc của ông như thể nó là một lá cờ.

“Có thể hai anh em đã trèo xuống cái vịnh bên cạnh, ở chỗ mấy tảng đá dưới chân vực.” Jane nói. “Mình đi xem sao.”

“Được thôi.”

“Đợi đã,” Merriman nói. Khi chúng ngạc nhiên quay lại thì ông giơ một tay lên và chỉ về phía đất liền, dọc theo mũi đất về phía những cột đá xám dựng đứng nhìn xuống Vịnh Trewissick. Mới đầu thì Jane không thấy gì cả. Rồi em trông thấy một mảng màu nâu đỏ lao rất nhanh đến chỗ họ, và lát sau mảng màu ấy hiện ra thành hình một chú chó đang tuyệt vọng chạy như điên.

“Rufus?”

Con chó lông xù màu đỏ dừng lại trước mặt họ, thở hồng hộc, cố sửa nhưng chỉ phát ra được mấy tiếng thở hừng hực hỗn hển.

“Nó lúc nào cũng phóng từ đâu đó ra và cố nói cho mọi người biết chuyện gì đó,” Jane nói vẻ bất lực, quỳ xuống xoa xoa đầu chú chó. “Giá mà nó biết nói nhỉ. Có muốn đi cùng với bọn tao không, Rufus? Muốn đi giúp bọn tao tìm Simon và Barney không?”

Nhưng chẳng mấy chốc họ đã nhận ra rằng Rufus rõ ràng không muốn gì khác ngoài thuyết phục họ quay trở lại con đường họ đã đi đến, dọc theo mũi đất. Nó nhảy lên, rên ư ử và sửa, thế là mấy ông cháu đành đi theo nó. Khi đến gần đám cột đá, những cột granít nguyên khối dựng đứng thành nhóm chơ vơ trên mảng cỏ đầy gió, thì họ thấy từ phía làng đi tới là Simon, Barney và Thuyền Trường Toms. Họ đi rất chậm, ông già vẫn phải tập tễnh chống gậy; Jane có thể thấy sự sốt ruột kìm nén trong bước chân thong thả của hai anh em.

Ông Merriman đứng cạnh mấy cột đá khi họ tiến lại. Ông chỉ nhìn có mỗi Simon, và hỏi, “Thế nào?”

“Hắn nhỏ mấy giọt dầu gì đó vào trong chiến chén,” Simon nói, “để cho dầu nổi lên trên mặt nước và bắt Barney ngồi xuống rồi nhìn vào đó.”

“Ngồi xuống ấy à?” Barney hỏi. “Ở đâu cơ?”

“Ở cái bàn. Trong căn nhà lưu động. Tất cả đều tối đen, ngoại trừ một ánh sáng xanh kỳ quái tỏa từ trên trần xuống.”

“Em chẳng nhớ có ánh sáng xanh nào hết. Mà trời ạ, anh Simon, nếu có nhìn thấy chiếc chén Thánh dù chỉ một giây thôi thì em cũng phải nhớ chứ... và em biết là em không hề nhớ là đã nhìn thấy nó.”

“Barney” Simon nói, giọng run lên vì căng thẳng, và nó dựa người vào cái cột đá gần nhất. “Im đi nào. Mà đã bị phù phép kiểu gì đó, nên mà không nhớ gì hết.”

“Có, em nhớ chứ, em nhớ tất cả những gì bọn mình đã làm ở đó, nhưng hầu như mình chẳng làm gì cả. Ý em là mình chỉ ở đó có một, hai phút thôi, để lấy bức tranh của em. Và em không hề ngồi xuống trong...”

“Barnabas,” Merriman nói. Giọng ông rất khẽ, nhưng trong đó có một vẻ dữ dội lạnh lùng đến nỗi Barney phải ngồi im như tượng; nó thì thào, “Cháu xin lỗi.”

Simon không để ý đến nó. Mắt nó đờ ra, như thể nó đang nhìn thấy một cái gì không có ở đó. “Barney nhìn vào chiếc chén hồi lâu, và rồi trong căn nhà bỗng trở nên rất lạnh và thật khủng khiếp. Nó bắt đầu nói, nhưng,” Simon nuốt nước miếng, “cái giọng phát ra.. không phải là của nó, mà là một giọng nói khác, và cái cách nó nói cũng khác, cách dùng từ... Nó nói rất nhiều điều cháu không hiểu, về một ai đó tên là Anubis, và việc chuẩn bị đón những chúa tể vĩ đại. Rồi nó nói, Họ đã tới, nhưng không nói đó là ai. Và gã họa sĩ, cái tên thuộc phe Bóng Tối, hẳn bắt đầu hỏi rất nhiều câu, và Barney thì trả lời, nhưng vẫn bằng cái giọng trầm trầm quái gở đó, không giống giọng nó chút nào, cứ như giọng ai khác vậy.”

Simon bồn chồn cựa quậy; tất cả bọn họ đều ngồi quây quanh nó giữa đám cột đá khổng lồ, lắng nghe chăm chú, không nói một lời. Gió khẽ thổi vi vu qua đám cỏ và quanh những cột đá cao vút. “Hẳn hỏi, ‘Ai có nó? Và Barney đáp, *Phù Thủy Xanh*. Hẳn lại hỏi ‘Ở đâu? và Barney nói, ‘*Ở đáy nước sâu xanh thẫm, trong lãnh địa của Tethys (Nữ thần biển trong thần thoại Hy Lạp), nằm ngoài tầm với*. Gã họa sĩ nói, *Không ngoài tầm với của ta*. Một hồi lâu Barney không nói gì, và rồi nó chuyển sang nói bằng giọng của mình, chắc chắn là nó đang miêu tả một cái gì đó nó nhìn thấy. Nghe giọng

nó có vẻ rất phẫn khích, nó nói, *‘Có một sinh vật rất kỳ quái, toàn màu xanh, bóng tối bao phủ nó hoàn toàn, ngoại trừ một chỗ phát ra một ánh sáng rực rỡ, quá chói lọi không thể nhìn vào được... và nó không thích tôi, hay ông, hay bất kỳ ai khác, nó không cho phép ai lại gần... Gã họa sĩ tỏ ra hết sức kích động, bứt rứt đến nỗi hầu như không ngồi yên nổi, hăn hỏi, ‘Lời thần chú nào sẽ điều khiển được nó? Và đột nhiên nó lại không còn là Barney nữa, mặt nó lại trở nên đờ đẫn, và cái giọng nói trầm trầm khủng khiếp kia lại phát ra, và giọng nói đó trả lời, ‘Lời thần chú của Mana, lời thần chú của Reck và lời thần chú của Lir, nhưng không lời nào trong số này sẽ hiệu nghiệm nếu Tethys muốn ngăn người lại. Bởi vì với tất cả sức mạnh của mọi sự sống dưới biển khơi kia, chẳng mấy chốc nữa Phù Thủy Xanh sẽ trở thành một sinh vật do Tethys cai trị.’*”

“À,” Thuyền Trưởng Toms thốt lên.

Will sảng giọng hỏi, “Lời thần chú của Mana, lời thần chú của Reck và lời thần chú của Lir. Cậu có chắc là nó đã nói như vậy không?”

Mệt mỏi và giận dữ, Simon ngẩng đầu lên nhìn cậu với vẻ chán ghét. “Tất nhiên là chắc. Nếu cậu nghe thấy một giọng nói như thế phát ra từ miệng em mình, cậu sẽ nhớ rõ từng lời nó nói cho đến hết đời.”

Will khẽ gật đầu, mặt không chút biểu cảm. Merriman giục giã, “Kể tiếp đi, kể tiếp đi.”

“Sau đó gã họa sĩ đến rất gần Barney và thì thào,” Simon nói tiếp. “Cháu gần như không nghe được hăn. Hăn hỏi, *‘Hãy cho ta biết ta có đang bị theo dõi không’*. Cháu cứ ngỡ Barney sắp ngắt xiu. Nó nhìn chăm chăm vào chiếc chén, và mặt nó méo xệch đi, mắt trợn ngược lên nhìn rõ cả lòng trắng, nhưng rồi nó lại bình thường trở lại và giọng nói đó trả lời, *‘Người sẽ được an toàn nếu người không dùng lời Hàn Chú.’* Và gã đàn ông gật đầu, khẽ rít lên một tiếng có vẻ rất mãn nguyện. Hăn ngồi dựa lưng vào ghế và cháu tưởng hăn đã hỏi tất cả những gì hăn muốn biết, và hăn sẽ thôi. Nhưng rồi bất thành linh Barney ngồi phắt dậy, thẳng đơ, và cái giọng kinh khủng đó nói rất to như là gầm lên, *‘Nếu người không tìm ra được bí mật của Pháp*



*Vật vào giữa mùa xuân này, chiếc chén Thánh sẽ phải trở về với Ánh Sáng. Người phải nhanh lên, trước khi Phù Thủy Xanh lui vào đáy nước sâu thẳm, người phải nhanh lên.* Rồi nó ngừng lại, còn Barney gục xuống trong ghế, và,” giọng Simon hơi run run, nó khịt mũi một cái thật mạnh, rồi đột ngột ngẩng đầu lên, “và cháu tóm lấy nó xem nó có sao không, thì gã họa sĩ nổi điên lên và quát cháu. Cháu đoán hẳn nghĩ cháu đã phá vỡ bùa phép hay là đại loại thế. Thế là cháu cũng nổi điên lên, quát lại rằng hẳn sẽ chẳng làm được gì đâu nếu chúng cháu kể lại với ông. Và thế là hẳn chỉ ngồi xuống, cười khẩy một cách đáng sợ, và nói rằng chỉ cần búng ngón tay một cái là chúng cháu sẽ quên hết tất cả những gì đã xảy ra cho tới đoạn nào hẳn muốn.”

“Và Barney đã quên,” Jane run rẩy nói. “Nhưng anh thì không.”

Simon nói tiếp, “Sau đó bọn cháu nghe thấy Rufus sửa ở bên ngoài cửa, thế là cháu và Barney cùng đứng lên để chạy ra với nó, thì gã đàn ông đen đũi đó nhảy dựng dậy búng ngón tay đánh tách một cái, ngay trước mặt bọn cháu. Cháu thấy mắt Barney mờ đi, và nó đi tới trước rất chậm rồi mở cửa ra như là đang bị mộng du vậy. Thế là cháu bắt chước theo nó, bởi vì rõ ràng là phải rất cẩn thận không để cho gã họa sĩ nghi ngờ là cháu nhớ được những gì vừa xảy ra. Rufus đã biến mất. Bỏ chạy. Barney chớp chớp mắt một lát, rồi lắc đầu, và gần như ngay lập tức nó nói chuyện cứ như là chúng cháu mới chỉ vừa đến đó cách đây một hai phút. Cứ như là du hành ngược thời gian vậy. Thế là cháu cũng cố làm theo.”

“Anh giả vờ không giỏi lắm.” Barney nói. “Trông anh sợ ơ là sợ, em cứ tưởng anh sắp nôn đến nơi.”

“Thế chiếc chén Thánh thì sao?”

“Anh đoán hẳn vẫn giữ nó.”

“Em không biết,” Barney nói. “Em không nhớ là đã trông thấy nó mà. Em chỉ nhớ là hẳn đã trả lại bức tranh cho em thôi. Đây này.” Nó chìa bức tranh

ra cho Merriman, ông đón lấy nó và lơ đãng xoay xoay giữa mấy ngón tay trong khi nhìn Simon.

“Anh Simon,” Jane nói. “Tại sao bùa phép mê lú hiệu nghiệm với Barney nhưng lại không hiệu nghiệm với anh?”

“Đó là do mấy lon nước,” Simon nói. “Nghe thì ngớ ngẩn, nhưng chắc chắn là như vậy. Chúng cháu đã uống một ít sô đa cam, và chắc trong đó phải có một thứ biệt dược gì đó.”

“Vụng về quá,” Merriman nói. “Cố lỗi sĩ. Nhưng đáng quan tâm đấy.” Ông đưa mắt nhìn Will. Will nhìn lại, và mắt họ mờ đi.

“Nhưng nước cam được đóng kín trong lon kia mà,” Barney ngờ vực nói. “Đó là lý do duy nhất tại sao chúng cháu lại uống, bởi vì hẳn không thể cho cái gì vào đó được. Mà anh thậm chí có mở lon nước của anh ra đâu.”

“Lời thần chú của Mana,” Will Stanton nói, rất khẽ, với Merriman. “Và lời thần chú của Reck.”

“Và lời thần chú của Lir.”

“Không, Barney,” Simon nói. “Em đã đi lấy mấy lon nước ấy hai lần kia, chỉ có điều em đã quên mất lần đầu tiên đấy thôi. Và đúng là lần thứ hai thì anh không uống, nhưng lần đầu anh có giả vờ uống một ít. Vì thế hẳn mới tưởng bùa phép có hiệu nghiệm với cả hai anh em mình.”

Will nói với ông Merriman, “Không còn thời gian nữa. Chúng ta phải đi ngay bây giờ, ngay lập tức.”

Simon, Jane và Barney trở mắt nhìn cậu. Trong giọng nói của cậu có một vẻ kiên quyết mạnh mẽ và dứt khoát, không hề trẻ con chút nào. Ông Merriman gật đầu, khuôn mặt điều hâu của ông căng thẳng và nghiêm nghị; ông nói với Thuyền Trưởng Toms một cách khó hiểu, “Hãy lo liệu cho chúng.” Rồi ông quay gương mặt lạnh lùng nghiêm nghị về phía Simon và hỏi “Cháu có chắc rằng lúc cuối, giọng nói phát ra từ Barney đã bảo, ‘Trước khi Phù Thủy Xanh lui vào đáy nước sâu thăm’ không?”

“Chắc ạ,” Simon lo sợ đáp.

“Thế thì nó vẫn còn ở đó,” Will nói, và trước sự kinh ngạc của lũ trẻ, cậu cùng với ông Merriman xoay người vụt chạy, chạy đến cuối mũi đất, về phía mặt biển ở đằng xa.

Họ chạy với sự nhanh nhẹn dẻo dai của loài vật, ông già cao gầy và cậu bé chắc khỏe, những bước chạy dài cấp bách khiến họ như không còn tuổi và mọi nét quen thuộc ở vẻ bề ngoài của họ biến mất, nhanh hơn, nhanh hơn, nhanh hơn. Và khi đến đám đá ở cuối mũi đất họ không dừng lại, mà chạy tiếp. Will nhẹ nhàng nhảy lên đỉnh Mũi Kemare và lao mình vào không trung, vào bầu trời trống trải, hai tay dang rộng, nằm trên gió như chim và theo sau cậu là Merriman, mớ tóc bạc trắng của ông bay phất phơ chẳng khác gì mào chim diệc. Trong một khoảnh khắc hai dáng người xoải dài tối sẫm như lơ lửng trong không trung, rồi một cách chậm rãi như thể thời gian cũng đang ngừng thở, họ lao xuống, và biến mất.

Jane thét lên.

Simon nói, giọng nghẹn lại vì kinh hoàng. “Họ sẽ chết mất! Họ sẽ chết mất!”

Thuyền Trưởng Toms quay về phía chúng, khuôn mặt hồng hào của ông nghiêm lại. Ông không tựa vào cây gậy của mình nữa; người ông như vươn lên cao hơn trước. Ông chìa một tay ra chỉ thẳng vào chúng, năm ngón tay xòe rộng. “Hãy quên đi,” ông nói. “Hãy quên đi.”

Chúng đứng sững trong một thoáng, không nhận thức được gì, và ông thương hại ngăm nhìn vẻ kinh hoàng từ từ rời khỏi mặt chúng, để lại ba khuôn mặt vô hồn, vô cảm.

Ông nhẹ nhàng nói, “Nhiệm vụ của tất cả chúng ta là giữ cho kẻ thuộc phe Bóng Tối nọ không đến gần Phù Thủy Xanh. Will và ông của các cháu đã đi đến chỗ đám ngư dân, đó là một hướng... còn bốn ông cháu ta phải canh chừng một hướng khác, từ nhà nghỉ của các cháu và Ngôi nhà Xám. Hãy biết điều này. Đừng hoảng sợ.”

Ông chậm rãi hạ tay xuống, và tựa như những con rôi, lũ trẻ hoạt bát trở lại.

"Bọn mình nên đi ngay thôi," Simon nói. "Đi nào, Jane."

"Cháu đi với ông, phải không, Thuyền Trưởng?" Barney hỏi.

"Ta cho cháu ăn sáng đã," Thuyền trưởng Toms đáp, mắt lấp lánh nhìn nó, tựa người vào cây gậy. "Đã quá giờ rồi."

## CHƯƠNG BẢY

Tựa như những con chim lặn họ lao xuống nước, không để lại chút gợn sóng nào trên mặt biển Đại Tây Dương mênh mông. Lao xuống qua những con sóng xanh, qua làn ánh sáng xanh mờ mờ, họ thở trong nước như cá, nhưng họ lao vút qua nước như hai luồng sáng, với một tốc độ mà không con cá nào có thể theo kịp.

Họ lao đi hàng dặm, qua hàng hải nước sâu, lao tiếp, lao tiếp, về phía đáy nước sâu thẳm. Biển ngập tràn tiếng động, tiếng rít, tiếng rên rỉ, tiếng lách cách, với hàng tràng những tiếng ầm ầm như súng đại bác nổ khi từng đàn cá lớn hoảng hốt dạt ra nhường đường cho họ. Nước trở nên ấm hơn, chuyển sang xanh ngọc bích trong mờ.

Liếc nhìn xuống, Will thấy những mảnh cuối cùng còn lại của một xác thuyền đắm cũ kỹ nằm tít sâu bên dưới. Các cột buồm và boong tàu được nâng cao giờ chỉ còn mấy mẫu gỗ, phần còn lại đã bị hà ăn hết. Từ đồng cát rung rinh trên thân tàu một khẩu thần công cổ kính chìa ra, san hô bám thành từng mảng, và hai cái đầu lâu trắng hếu nhe răng cười với Will. Có lẽ là bị cướp biển giết, cậu nghĩ thầm: bị tiêu diệt, như bao nhiêu người khác, không phải bởi Bóng Tối hay Ánh Sáng mà là do chính giống loài của họ...

Cá heo nô giỡn bên trên đầu họ; những con cá mập xám khổng lồ lượn qua lượn lại, tò mò nhìn xuống khi hai Cổ Nhân lao vút qua. Họ lặn xuống sâu

hơn, sâu hơn nữa, vào vùng tranh tối tranh sáng, vùng nước lờ mờ nơi chỉ có một chút ánh sáng ban ngày rọi xuống được, nơi mọi loài cá... những con cá dài thượt miệng rộng ngoác, những con cá phẳng dẹt kỳ lạ mắt lồi như kính viễn vọng... đều tỏa ra một ánh sáng lạnh lẽo của riêng chúng.

Và rồi họ đã xuống đến đáy biển sâu, phần bao phủ bề mặt trái đất nhiều hơn bất kỳ khoảng đất đai hay cây cỏ, núi non hay sa mạc nào khác; trong bóng tối lạnh ngắt không người thường nào có thể nhìn thấy hay sống sót nổi. Đây là nơi sự sợ hãi và bội phản ngự trị, nơi loài cá ăn thịt lẫn nhau, nơi sự sống chỉ được bảo toàn bởi những cuộc tấn công hung dữ và những cuộc trốn chạy tuyệt vọng kinh hoàng. Will nhìn thấy những con cá khổng lồ trông như cóc với sợi dây câu uốn cong từ trên lưng xuống, lấp lánh sáng, lơ lửng độc ác đầy mời gọi bên trên cái miệng luôn há sẵn lờm chớm đầy răng. Cậu nhìn thấy một sinh vật khủng khiếp toàn miệng là miệng, cái miệng khổng lồ như một cái phễu có nắp, và thân hình gầy nhẳng thon lại thành một cái đuôi hình chiếc roi. Bên cạnh nó, nột thân hình khác lại đang phồng lên đáng sợ trong khi con cá to giãy giụa rồi mất hút trong cái mồm như chiếc bẫy sập. Will rùng mình.

“Không có ánh sáng” cậu nói với Merriman, trong khi họ tiếp tục tiến tới. “Không có niềm vui do bất kỳ điều gì. Không có gì khác ngoài sự sợ hãi.”

“Đây không phải là thế giới của con người.” Merriman đáp. “Đây là thế giới của Tethys.”

Ngay cả trong vùng nước biển tối tăm nhất, họ vẫn biết rằng mình đang bị quan sát và canh chừng bởi những thần dân của Tethys, vô hình ngay cả với cặp mắt của một Cổ Nhân. Vị Nữ Thần Đại Dương luôn biết được mọi tin tức từ lâu, rất lâu trước khi có kẻ kịp đến gần. Nữ Thần có cách riêng của mình. Lâu đời hơn mọi vùng đất, lâu đời hơn cả các Cổ Nhân, lâu đời hơn cả loài người, Nữ Thần cai trị vương quốc của những con sóng như vẫn thế từ thuở khai thiên lập địa: một mình, chuyên chế.

Họ đến bên một khe nứt lớn giữa lòng biển, một vực thẳm sâu hơn bất kỳ đáy biển nào. Một lớp bùn đỏ mịn bao phủ khắp đáy biển. Mặc dù họ đã bỏ

lại mọi dấu vết của ánh sáng ban ngày hàng dặm bên trên, trong làn nước đen tối ở đây vẫn có một thứ ánh sáng khác, nhờ vào đó họ có thể nhìn rõ không kém gì các sinh vật khác của vùng nước sâu thẳm này. Những cặp mắt quan sát họ từ trong bóng tối, từ những kẽ nứt và khe hở của núi đá. Họ đang tiến tới đích đến của mình.

Trong khi Will và Merriman dần dần bơi chậm lại, trong lãnh địa dưới biển cả nơi không ai biết đến ấy, họ cảm thấy được tất cả những sinh vật đang theo dõi quanh mình, nhưng chỉ cảm thấy một cách lờ mờ, chậm chạp, tựa như trong giấc mơ. Và khi cuối cùng biển đưa họ tới chỗ Tethys, họ không thể nhìn thấy Nữ Thần. Chỉ có sự hiện diện của Nữ Thần quanh họ, người chính là biển khơi, và họ dùng Cổ Ngữ để nói với người một cách tôn kính.

“Xin đón chào” Tethys nói với họ từ trong bóng tối nơi đáy biển của người.  
“Xin đón chào các người, những Cổ Nhân của mặt đất. Đã khá lâu rồi ta chưa được gặp lại những người như các người, có lẽ đã khoảng mười lăm thế kỷ nay rồi.”

“Và khi đó người ấy là tôi,” Merriman mỉm cười nói.

“Và khi đó người ấy chính là người, con điều hâu ạ” Nữ Thần đáp lại. “Và một người khác, to lớn hơn, đi cùng người, nhưng ta nghĩ đây không phải là người đó.”

“Tôi là kẻ mới trên mặt đất, thưa Nữ Thần, nhưng tôi xin dâng lên người lòng tôn kính vô cùng” Will nói.

“À” Tethys nói. “Àààà...” Và tiếng thở dài của người chính là tiếng thở dài của cả lòng biển.

“Điều hâu” rồi người lên tiếng. “Tại sao người lại làm một cuộc hành trình gian nan như vậy để quay trở lại đây?”

“Để cầu xin một ân huệ, thưa Nữ Thần” Merriman nói.

“Tất nhiên rồi.” Nữ Thần nói. “Lúc nào mà chẳng thế.”

“Và để dâng lên một món quà nữa,” ông nói thêm.

“A?” Trong bóng tối dưới đáy biển có cái gì khẽ chuyển động, như thể biển vừa khẽ khàng nổi sóng.

Will ngạc nhiên quay đầu nhìn Merriman; cậu không biết về một món quà nào hết, mặc dù bây giờ cậu mới nhận ra rằng như vậy thì thật là đúng đắn biết bao. Merriman lôi từ trong ống tay áo ra một cuộn giấy trông như cái ống sáng lấp lánh trong bóng tối lờ mờ. Ông mở nó ra, và Will thấy đó chính là bức tranh vẽ Trewissick của Barney. Cậu tò mò ngắm kỹ hơn, và thấy đó là một bức phác thảo bằng mực và bút sắt, thô sơ nhưng sống động. Nền bức tranh là bến cảng và những ngôi nhà chỉ được phác mấy nét ngoài. Barney đã dồn hết tâm trí vào chi tiết ở tiền cảnh là hình một con thuyền đánh cá đơn độc và mảng biển gợn sóng lăn tăn. Thằng bé thậm chí đã viết cả tên con thuyền lên phần dưới: nó có tên là *Nữ Thần Trắng*.

Merriman giơ bức tranh ra xa và buông cho nó trôi theo luồng nước, ngay lập tức nó biến vào trong bóng tối. Im lặng một lát, rồi Tethys khẽ cất lên một tiếng cười. Nữ Thần có vẻ rất hài lòng.

“Vậy là các ngư dân đã không quên,” người nói. “Ngay cả sau bao nhiêu năm ròng, vẫn còn có người ghi nhớ.”

“Quyền năng của biển cả sẽ không bao giờ thay đổi,” Will khẽ nói. “Ngay cả con người cũng biết được điều đó. Và đây lại là những người dân đảo.”

“Và đây lại là những người dân đảo,” Tethys nhắc lại những từ ấy. “Và họ là thần dân của ta, nếu ta vẫn còn thần dân.”

“Họ vẫn sống như họ đã từng sống trước kia” Merriman nói. “Mỗi khi mặt trời lặn họ lại ra biển đánh cá, và khi bình minh ló rạng họ lại quay trở về. Mỗi năm một lần, khi mùa xuân đang độ chín và mùa hè sắp đến, họ lại kết cho người, cho Nữ Thần Trắng, một hình người bằng cành lá, và ném nó xuống biển như một món quà.”

“Phù Thủy Xanh” Tethys nói. “Năm nay nó đã được hồi sinh. Nó sắp tới đây rồi.” Giọng nói phát ra từ trong bóng tối trở nên lạnh lùng. “Người định cầu xin ân huệ gì ở ta đây, hỡi con điều hâu? Phù Thủy Xanh là của ta.”

“Phù Thủy Xanh luôn thuộc về người, và sẽ mãi mãi là như vậy. Nhưng bởi vì sự hiểu biết của nó không được lớn lao như của người, nên nó đã nhầm lẫn và chiếm lấy một thứ vốn thuộc về Ánh Sáng”.

“Chuyện đó không liên quan gì đến ta” Tethys nói.

Từ trong bóng tối xanh đen đang che phủ Nữ Thần, dường như có một ánh sáng yếu ớt lóe lên, và khắp xung quanh họ những tia sáng bắt đầu tỏa ra lấp lánh từ những con cá và các sinh vật biển đang nằm đó chờ đợi, quan sát. Will nhìn thấy những ngôi sao mờ lúng lẳng bên trên những cái miệng há hốc; hàng chuỗi những quầng sáng tròn như ô cửa mạn ở thân tàu chạy dọc theo mình một con cá dài mảnh kỳ lạ. Ở phía xa cậu nhìn thấy một cụm sáng nhiều màu lạ lùng, hình như phát ra từ một sinh vật to lớn hơn đang nấp trong bóng tối. Cậu rùng mình, thấy sợ cái nơi xa lạ này, nơi mà họ chỉ có thể bơi và thở được trong một thời gian ngắn nhờ vào bùa phép.

“Pháp Thuật Hoang Sơ không có đồng minh cũng như kẻ thù,” Merriman lạnh lùng nói. “Điều này người biết rõ. Nếu người không chịu giúp chúng tôi, thì người cũng không được phép ngăn cản chúng tôi, bởi vì làm vậy nghĩa là người đã giúp đỡ phe Bóng Tối. Và nếu Phù Thủy Xanh nhất quyết đòi giữ lại vật nó đã tìm thấy thì phe Bóng Tối sẽ mạnh lên rất nhiều.”

“Một lý luận chẳng lấy gì làm mạnh mẽ.” Tethys nói. “Người chỉ định nói rằng khi đó Ánh Sáng sẽ không thể giành được lợi thế. Nhưng ta không được phép giúp phe Ánh Sáng hay Bóng Tối dành được chút lợi thế nào hết... Người chỉ nói quanh thôi, ông bạn của ta ạ.”

“Nữ Thần Trắng luôn thấu tỏ mọi điều.” Merriman đáp, với một thoáng nhún nhường buồn bã trong giọng nói khiến Will giật mình, cho đến khi cậu nhận ra rằng đó chỉ là một lời nhắc nhở tế nhị để Nữ Thần nhớ tới món quà của họ.



“Ha.” Có một chút vui thích trong giọng nói phát ra từ bóng tối. “Chúng ta sẽ thỏa thuận, hai Cổ Nhân ạ,” Tethys nói. “Các người được phép nhân danh ta thuyết phục Phù Thủy Xanh từ bỏ cái... vật gì đó... mà đối với các người là rất quan trọng. Trước khi nó lui xuống đáy biển, đây là chuyện giữa nó và các người. Ta sẽ không can thiệp, và Bóng Tối cũng không được phép can thiệp, trong lãnh địa của ta.”

“Xin cảm ơn người, thưa Nữ Thần!” Will vội sung sướng kêu lên.

Nhưng giọng nói lại tiếp tục, không hề ngừng “Nhưng các người chỉ có thời gian cho đến khi Phù Thủy Xanh thay đổi để đi vào vùng nước sâu. Như hàng năm nó vẫn thường làm, trở về ngôi nhà thật sự của nó, trở về với ta... và sau lúc đó thì, các Cổ Nhân ạ, bất kỳ vật gì nó chiếm giữ sẽ vĩnh viễn không bao giờ được trả lại cho các người. Các người sẽ không được phép đi theo. Không ai được phép đi theo cả. Lúc đó thì các người cũng không được phép quay trở lại đây nữa, ngay cả nhờ lời thần chú đã đưa các người đến đây ngày hôm nay. Nếu Phù Thủy Xanh muốn đem theo bí mật của các người xuống biển thăm, thì nó sẽ mãi mãi nằm lại dưới biển thăm.”

Merriman có vẻ định lên tiếng, nhưng giọng nói từ trong bóng tối phát ra trở nên lạnh lùng. “Có vậy thôi. Giờ hãy đi đi.”

“Thưa Nữ Thần...” Merriman nói.

“Đi đi!” Giọng nói của Tethys bỗng tràn ngập thịnh nộ. Từ dưới đáy biển một tiếng gầm lớn vang lên, cùng với tia sáng chói lòa khắp xung quanh họ; những luồng chảy mạnh mẽ nổi lên, lôi kéo chân tay họ, cá và lươn điên cuồng lao vun vút đi khắp hướng quanh mình họ, và từ trong bóng tối phía xa một hình thù khổng lồ xuất hiện. Đó chính là cái vật tối sẫm mang trong mình ánh sáng rực rỡ mà Will đã nhìn thấy, chúng tiến đến gần hơn, gần hơn nữa, hiện ra to lớn hơn, to lớn hơn nữa, màu trắng, màu xanh, màu tím, sáng chói trên một khối đen khổng lồ, cao bằng cả một ngôi nhà. Will lạnh cứng người, kinh hoàng nhận ra rằng vật đó là một con bạch tuộc khổng lồ, một trong những quái vật đáng sợ nhất của đáy biển, đồ sộ và khủng khiếp. Mỗi cái xúc tu đang ve vẩy của nó đều dài hơn người cậu gấp nhiều lần; cậu biết

nó có thể di chuyển nhanh như chớp, và cú đớp từ cái miệng dẫu ra như mỏ kia của nó có thể giết chết một trong hai người bọn họ chỉ trong chớp mắt. Hoảng hốt, cậu cuống cuống tìm một lời thần chú để tiêu diệt nó.

“Không!” Merriman vội dùng ý nghĩ ngăn cậu lại. “Ở đây không có gì làm hại ta đâu, dù trông có vẻ nguy hiểm thế nào. Ta nghĩ Nữ Thần Đại Dương chỉ đang... khuyến khích... cho chúng ta rời khỏi đây thôi.”

Ông cúi người chào thật thấp hơn mức cần thiết về phía bóng tối dưới đáy biển. “Xin đón nhận lời cảm tạ và lòng tôn kính của chúng tôi, thưa Nữ Thần,” ông gọi to bằng một giọng rõ ràng, mạnh mẽ, và rời với Will ở bên cạnh, ông lướt lên và lao đi, rời xa khỏi cái hình thù lờng lững đen sì của con bạch tuộc, lao tới vùng biển khơi xanh thẳm thoáng đãng, quay trở lại đường đã đưa họ đến đây.

“Chúng ta phải đi tìm Phù Thủy Xanh ngay” ông bảo Will. “Không còn thời gian mà lãng phí nữa đâu.”

“Nếu có hai người chúng ta,” Will hét lên hỏi ông trong khi họ lao đi, “và chúng ta dùng lời thần chú của Mana, lời thần chú của Reck và lời thần chú của Lir để điều khiển nó, thì liệu nó có chịu trả bản viết cổ lại cho chúng ta không?”

“Cái đó để sau,” Merriman đáp lại. “Nhưng những lời thần chú ấy sẽ bắt nó phải lắng nghe chúng ta, bởi vì chỉ có chúng mới điều khiển được bùa phép đã tạo nên Phù Thủy Xanh”

Họ lại lao qua làn nước như hai luồng sáng, rời vùng nước sâu lạnh buốt, lên đến khoảng nước nhiệt đới ấm áp, rồi lại trở về với làn nước lạnh của Cornwall. Nhưng khi họ đến được cái nơi bên dưới những ngọn sóng đang vỗ vào Mũi Kemare, thì Phù Thủy Xanh không còn ở đó nữa. Chẳng thấy dấu vết gì của nó cả. Nó đã biến mất.

## CHƯƠNG TÁM

Khi Simon và Jane quay trở về căn nhà nghỉ, chúng thấy bà Fran Stanton đang xếp đĩa lên bàn ăn. “Chào các cháu,” bà nói. “Muốn ăn trưa rồi chứ? Bà Penhallow phải đi rồi, nhưng bà ấy đã làm bánh nhân thịt đặc sản Cornwall trông ngon lắm.”

“Cháu đã ngửi thấy mùi bánh rồi,” Simon thèm thụt nói.

“Tuyệt quá,” Jane nói. “Những nơi hai bác đi thăm có hay không ạ?”

“Hai bác không đi xa lắm,” bà Stanton đáp. “Chỉ quanh quanh St Austell thôi. Các mỏ cao lanh, nhà máy và đại loại thế.” Khuôn mặt dễ mến của bà nhăn lại. “Dù sao thì Bill đến đây cũng chỉ là vì việc đó thôi mà. Và những cái tháp đất sét trắng cao vút ấy nom thật là kỳ diệu, cả những cái ao dưới đáy không một gợn sóng nữa. Nước thì xanh ngắt ngắt ấy... Còn các cháu, có thấy vui không? Mọi người đang làm gì nào?”

“Will và Ông Merry đang đi dạo. Còn Barney thì ở Ngôi nhà Xám với Thuyền Trưởng Toms ạ. Chiều nay bọn cháu cũng sẽ đến đó, ông thuyền trưởng muốn chúng cháu ở lại ăn tối,” Jane đánh bạo, bịa ra một câu trả lời. “Nếu bác không thấy phiền.”

“Tuyệt vời,” bà Fran Stanton nói. “Đằng nào thì Bác Bill và bác cũng sẽ không ăn tối ở nhà... bác đã để bác ấy lại St Austell gặp mấy người, và tối nay bác sẽ quay lại đón bác ấy. Còn chiều nay bác quay về đây chỉ để lười nhác một lát thôi. Chúng ta đi ăn nào... và cháu hãy kể cho bác nghe mọi chuyện về cái vụ Phù Thủy Xanh mà bác không được xem, Jane nhé.”

Vậy là Jane, với một chút khó khăn, miêu tả lại lễ kết Phù Thủy Xanh như là một buổi liên hoan đêm nhộn nhịp, một dịp để các cô gái trong làng được vui chơi, trong khi Simon ăn ngấu nghiến món bánh nhân thịt và cố không nhìn vào mắt em. Bà Stanton thích thú lắng nghe, lắc lắc mái tóc vàng vẻ thán phục.

“Những tục lệ cổ được giữ gìn như vậy thật là tuyệt,” bà nói. “Và bác thấy rất hay là họ không cho phép người nước ngoài đến xem. Ở Mỹ rất nhiều bộ

tộc da đỏ cho phép người da trắng đến xem những điệu nhảy thổ dân của họ, và chẳng mấy chốc tất cả đều biến thành cái bầy du khách hết.”

“Cháu rất mừng là bác không thấy phật ý,” Jane nói. “Chúng cháu cứ sợ là...”

“Ồ không không không,” bà Stanton nói. “Bác đã có đủ tư liệu để viết một bài báo hay tuyệt cho câu lạc bộ du lịch của bác ở nhà rồi ấy chứ. Bác là thành viên của một câu lạc bộ, cháu biết không, mỗi tháng họp mặt một lần và ở mỗi dịp họp mặt một người lại thuyết trình một chút, có cả máy chiếu, về một nơi mà mình đã tới. Đây là lần đầu tiên,” bà nói thêm hơi có vẻ nuối tiếc, “bác có một nơi thật sự khác thường để kể lại đấy... ngoại trừ Jamaica, mà nơi đó thì mọi người đều đến rồi.”

Sau đó Jane bảo với Simon, trong khi hai đứa đi xuống bến cảng, “Bác ấy dễ mến đấy chứ. Em vui là bác ấy có thể kể với câu lạc bộ của bác ấy về bọn mình.”

“Đám dân địa phương với những phong tục kỳ lạ của họ,” Simon nói.

“Thôi đi, anh thậm chí chẳng phải là dân địa phương nữa. Anh chỉ là một trong đám người nước ngoài từ London đến thôi.”

“Nhưng tao không năm ngoài tất cả như bác ấy. Dù sao thì cũng chẳng phải tại bác ấy. Bác ấy chỉ đến từ xa quá, nên chẳng biết gì hết. Cũng như những người đến viện bảo tàng và ngắm chiếc chén Thánh rồi kêu lên, ôi, hay quá, mà chẳng hề biết nó thật sự là cái gì.”

“Ý anh là những người đã từng đến ngắm nó, khi nó còn ở đó.”

“Ôi Chúa ơi. Đúng thế.”

“Dù sao thì,” Jane nói, “bọn mình cũng sẽ xử sự như bác Stanton thôi nếu bọn mình đến Mỹ.”

“Tất nhiên là thế rồi, nhưng vấn đề không phải là ở đấy...”

Chúng vui vẻ đôi co qua lại trong khi vượt qua kè đá và đi lên con dốc dẫn đến Ngôi nhà Xám. Lúc dừng lại lấy hơi, Jane quay nhìn lại con đường dẫn chúng đến đây. Bất thành tình em đưa tay bám lấy bức tường bên cạnh và đứng sững ở đó, mắt nhìn không chớp.

“Anh Simon!”

“Cái gì thế?”

“Nhìn kia!”

Dưới bên cảng, ngay chính giữa kè đá, là tên họa sĩ, người của phe Bóng Tối. Hẳn ngồi trên một cái ghế đẩu gấp trước một cái giá vẽ, với một cái balô mở ra trên mặt đất bên cạnh, và hẳn đang vẽ. Động tác của hẳn không chút hấp tấp; hẳn ngồi đó bình thản và thông thả, chấm phá những nét màu lên tấm vải. Hai người khách du lịch dừng lại sau lưng hẳn để ngắm, hẳn không hề để ý đến họ mà chỉ chăm tĩnh tiếp tục vẽ.

“Hẳn chỉ ngồi đó thôi à!” Simon kinh ngạc nói.

“Đó là một cái bẫy đấy. Chắc là thế rồi. Có lẽ hẳn có một tên đồng đảng đang đi làm mọi việc cho hẳn trong lúc hẳn đánh lạc hướng bọn mình.”

Simon chậm rãi nói, “Nhưng trong căn nhà lưu động đó không thấy bóng dáng ai hết. Và cái trang trại thì có vẻ đã bị bỏ hoang nhiều năm nay rồi.”

“Bọn mình đi báo với ông thuyền trưởng thôi.”

Nhưng chúng không cần phải báo. Ở Ngôi nhà Xám, chúng thấy Barney đang ngồi trong một căn phòng trên cao nhìn xuống bến cảng, quan sát gã họa sĩ bằng cái kính viễn vọng to nhất của Thuyền Trưởng Toms. Còn ông già thì sau khi mở cửa cho chúng vào, đã ở lại dưới nhà. “Cái chân này của ta.” ông rầu rầu nói, “không còn trèo lên trèo xuống cầu thang được nữa rồi.”

“Nhưng em dám cá là ông ấy có nhắm mắt lại cũng nhìn thấy rõ không kém gì em khi nhìn qua cái kính này,” Barney nói, một mắt nhắm nghiền, mặt

nheo lại nhìn qua cái kính viễn vọng. “Ông ấy rất đặc biệt. Anh chị hiểu không? Giống như ông Gumerry ấy. Họ là loại người giống nhau.”

“Nhưng đó là loại người gì mới được chứ?” Jane trầm ngâm nói.

“Ai mà biết được?” Barney vươn vai đứng lên. “Một loại người kỳ lạ. Siêu phàm. Loại người thuộc về Ánh Sáng”

“Sao cũng được.”

“Ừ. Sao cũng được.”

“Ê Jane, xem này!” Simon nói khi đang cúi xuống thị kính của chiếc kính viễn vọng. “Thật là tuyệt, cứ như là mình đang ở ngay trên đầu hấn ấy. Có thể đếm được từng sợi lông mi của hấn.”

“Em đã nhìn vào cái mặt ấy lâu quá đến nỗi em có thể vẽ lại được nó theo trí nhớ ấy chứ.” Barney bảo.

Simon dính chặt vào ống kính, như bị mê hoặc. “Thế này cũng tuyệt không kém nghe được những gì hấn ói. Thậm chí ta có thể nhìn miệng hấn mà đoán ra được. Có thể nhìn thấy từng thay đổi nhỏ trên nét mặt hấn.”

“Đúng thế,” Barney nói. Nó bình thản nhìn ra ngoài cửa sổ, hà hơi lên tấm kính; vẽ một cái mặt lên mảng kính mờ, và rồi lại xóa đi. “Mặt hấn thì nhìn được rõ mồn một. Rắc rối duy nhất là, không làm sao nhìn được bức tranh hấn đang vẽ.”

Bây giờ đến lượt Jane nhìn vào cái kính viễn vọng. Em lo lắng nhìn vào khuôn mặt ở đằng xa được chiếc kính lớn thu tóm: khuôn mặt với hàng lông mày rậm rạp, dữ tợn đầy vẻ tập trung, bao quanh là mớ tóc dài rối bù. “Đúng thế, từ hướng này thì tất nhiên là chỉ thấy được đằng sau cái giá vẽ và nhìn xuống mặt hấn qua đầu tấm vải thôi. Nhưng bức tranh đâu có quan trọng, phải không?”

“Nếu mày là một nghệ sĩ như Barney thì có đấy,” Simon nói. Nó đưa tay lên ôm đầu, làm điệu bộ cường điệu của một họa sĩ.

"Ha ha," Barney cười rất nhẵn nại. "Không chỉ vì thế đâu. Em nghĩ bức tranh có thể sẽ quan trọng."

"Tại sao?"

"Em không biết. Nhưng Thuyền Trưởng Tom có hỏi em là hẳn đang vẽ cái gì."

"Thế ông ấy nói sao khi em bảo là em không nhìn thấy?"

"Ông ấy chẳng nói gì cả."

"Đấy thấy chưa."

"Gã họa sĩ của em không thay đổi nét mặt chút nào thì phải." Jane đang nhìn vào ống kính. "Chỉ ngồi đó trừng mắt nhìn tấm vải. Lạ thật."

"Có gì mà lạ," Simon nói. "Hẳn lúc nào chẳng trừng mắt nhìn."

"Không, ý em lạ là hẳn không nhìn đi đâu khác. Khi ngắm Mẹ vẽ một bức tranh phong cảnh, ta có thể thấy mắt bà liên tục đưa lên đưa xuống. Di chuyển không ngừng. Từ cái bà đang vẽ xuống bức tranh rồi lại nhìn lên. Đẳng này hẳn lại chẳng nhìn đi đâu cả."

"Để em xem lại nào." Barney huých cô chị sang bên và hăm hờ nhìn vào ống kính, tay vén một món tóc vàng rủ trước trán ra khỏi mắt. "Chị nói đúng đấy. Sao em không để ý nhỉ?" Nó nắm tay thụi một cú vào đầu gối mình.

"Tao vẫn chẳng thấy có gì mà phải loạn lên cả," Simon bình thản bảo.

"Ờ, có lẽ là chẳng có gì thật. Nhưng bọn mình cứ đi báo với Thuyền Trưởng Toms xem sao."

Chúng lao xuống ba tầng thang gác và vào gian phòng khách chất đầy sách khắp bốn bức tường ở phía đầu nhà. Rufus đứng dậy và vẫy đuôi đón chúng. Thuyền Trưởng Toms đang đứng cạnh giá sách, cắm mắt vào một cuốn sách nhỏ mở ra trên tay. Ông ngược nhìn lên khi chúng chạy ào đến, và gập quyển sách lại.

“Có tin tức gì sao, các công dân?” ông hỏi.

Barney nói, “Hắn vẫn đang ngồi vẽ ạ. Nhưng chị Jane vừa nhận thấy một điều, hắn không vẽ cảnh trước mặt. Ý cháu là hắn chỉ nhìn vào tấm vải thôi, thậm chí còn chẳng thèm liếc nhìn bất kỳ cái gì khác.”

“Có nghĩa là hắn có thể ngồi vẽ trong căn nhà lưu động cũng được,” Simon nói, đầu óc nó bây giờ mới bắt đầu vào guồng. “Tức là hắn không ra ngồi đây chỉ để vẽ, hắn đến vì một lý do gì khác”

“Rất có thể như vậy,” Thuyền Trưởng Toms nói. Ông tách mấy cuốn sách trên cái giá bên cạnh ra, hết sức cẩn thận, và đặt quyển sách trên tay mình vào đó. “Và cũng có thể là không phải.”

“Ý ông là sao ạ?” .

“Bức tranh và cái lý do khác nó có thể chỉ là một mà thôi. Vấn đề là,” Thuyền Trưởng Toms nhìn chăm chăm vào những cuốn sách của mình như đòi chúng lên tiếng, “suốt đời ta cũng không thể tìm hiểu được điều đó có nghĩa là gì?”

\*\*\*

Chúng thay phiên nhau theo dõi hàng giờ, hàng giờ liền. Cuối cùng, sau bữa ăn khuya sớm mà có thể gọi là bữa tối muộn cũng được, Jane và Simon lại ngồi với Thuyền Trưởng Toms trong căn phòng khách chất đầy sách. Ông đang bập bập một tẩu thuốc tỏa khói thơm thơm, mảng tóc bạc quanh đỉnh đầu hói của ông như kiểu tóc của một vị thầy tu già thông thái nào đó vậy.

“Trời sắp tối rồi.” Jane nói, đưa mắt nhìn bầu trời màu đỏ cam. “Khi đó thì hắn sẽ phải ngừng vẽ.”

“Ờ, nhưng hắn vẫn đang ngồi đó,” Simon nói, “nếu không thì Barney đã từ trên đài quan sát xuống rồi.” Nó tha thẩn đi quanh phòng, ngắm những bức tranh treo giữa các giá sách. “Cháu vẫn nhớ rõ những con tàu này từ năm ngoái. Tàu Hươu Vàng này... tàu Mary và Ellen này... tàu Xổ Số nữa... tàu thủy mà lại đặt tên như thế, buồn cười thật.”



“Đúng vậy,” Thuyền Trưởng Toms nói. “Nhưng cũng rất thích hợp. Chơi xổ số cũng gần giống như đánh bạc vậy... và con tàu này gần như là thuộc về đám dân cờ bạc. Nó là một con tàu buôn lậu rất nổi tiếng.”

“Buôn lậu!” Mắt Simon ngồi lên.

“Hai trăm năm trước đây ở Cornwall đó là một nghề rất phổ biến. Buôn lậu... ngày đó họ thậm chí còn không gọi nó như vậy, họ gọi nó là buôn bán công bằng. Họ có những con thuyền nhỏ rất nhanh, các đội thủy thủ dày dặn kinh nghiệm. Rất nhiều thuyền buôn đã được đóng ngay tại Trewissick này.” Ông già lơ đãng nhìn xuống chiếc tẩu, xoay xoay nó trong tay, mắt ông trở nên mơ màng xa xăm. “Nhưng câu chuyện của tàu Xổ Số là một câu chuyện kinh khủng, về một vị tổ tiên của ta mà đôi khi ta ước là mình có thể quên đi được. Mặc dù ghi nhớ thì vẫn tốt hơn. Tàu Xổ Số đến từ Polperro (*Một thành phố cảng nhỏ nằm ở phía Đông Nam Cornwall.*), một con tàu tuyệt đẹp khi lướt sóng. Đội thủy thủ tàu đã có nhiều năm kinh nghiệm trên đường buôn, chưa bao giờ bị tóm, cho đến một ngày kia, ở phía đông vùng này, một con tàu Hải Quan đuổi kịp nó, cả hai bên nổ súng vào nhau, và một thủy thủ trên tàu Hải Quan bị giết. Giết người là chuyện khác hẳn so với buôn lậu. Vậy là toàn bộ thủy thủ đoàn của tàu Xổ Số trở thành những kẻ bị truy nã. Để chạy thoát ở Cornwall không phải là khó, và họ đã được an toàn trong một thời gian. Và họ đã có thể được an toàn lâu hơn, nhưng một người trong đám thủy thủ, Roger Toms, đã tự nộp mình cho Hải quan và tố cáo bọn đồng đảng của mình, nói rằng một thủy thủ trên tàu tên là Tom Potter đã nổ phát súng thảm khốc đó.”

“Và Roger Toms chính là ông tổ của ông,” Jane nói.

“Đúng thế, kẻ làm lạc khốn khổ đó. Người dân Polperro bắt cụ bỏ lên một con thuyền đi vùng Đảo biển Măng sơ, để cụ không thể làm chứng chống lại Tom Potter trước tòa được. Nhưng Hải Quan đã đưa cụ quay lại, còn Tom Potter bị bắt, và đưa ra xử ở tòa Đại Hình ở London, rồi bị treo cổ.”

“Thế Potter có tội thật không ạ?” Simon hỏi.

“Cho tới ngày nay vẫn không ai biết cả. Người dân Polperro khẳng khẳng cho là y vô tội... có người còn nói chính Roger Toms đã bắn phát súng đó. Nhưng có thể họ chỉ bảo vệ người của họ mà thôi, vì Tom Potter sinh ra ở Polperro, còn Roger Toms lại là người Trewissick.”

Simon nghiêm nghị nói, “Nhưng cụ không nên tố cáo bạn của mình như thế, ngay cả nếu Potter có tội thật đi chăng nữa. Như thế chẳng khác gì sát nhân cả.”

“Đúng vậy.” Thuyền Trưởng Toms nhẹ nhàng nói. “Đúng vậy. Và Roger Toms không còn dám bên mảng đến Cornwall nữa, kể từ ngày đó cho đến khi chết. Nhưng không ai biết được động cơ thật sự của cụ. Một số người Trewissick bảo rằng Potter có tội, và rằng Toms tố cáo y vì cụ nghĩ đến những người vợ và đám con nhỏ, vì cụ chắc rằng trừ phi kẻ có tội bị tố cáo, nếu không thì sớm muộn gì toàn bộ thủy thủ trên tàu Xổ Số sẽ bị bắt và treo cổ hết. Nhưng phần lớn đều nghĩ xấu về cụ. Cụ là nỗi nhục của cả làng, thậm chí đến giờ người ta vẫn chưa quên.” Ông thuyền trưởng nhìn ra bầu trời đang tối dần bên ngoài cửa sổ, và cặp mắt xanh trên khuôn mặt tròn hiền hậu của ông bỗng đanh lại. “Những người ưu tú nhất và những kẻ hèn hạ nhất đều xuất thân từ Cornwall. Và cả ở nơi khác kéo đến nơi đây nữa.”

Jane và Simon trở mắt nhìn ông, không hiểu. Chúng chưa kịp nói gì thì Barney bước vào phòng.

“Đến lượt anh rồi đấy, anh Simon. Thuyền trưởng, cháu đi lấy thêm mấy miếng bánh ngon tuyệt ấy được không ạ?”

“Việc theo dõi khiến người ta mau đói,” Thuyền Trưởng Toms nghiêm trang nói. “Tất nhiên là được rồi.”

“Cảm ơn ông ạ.” Barney dừng lại ở cửa một lát, liếc nhìn quanh phòng. “Cẩn thận mắt này,” nó nói, với tay về phía công tắc và bật đèn lên.

“Trời ơi!” Jane kêu lên, chớp chớp mắt trong ánh sáng chói lòa bất ngờ. “Trời tối thật rồi. Bọn chị mãi nói chuyện nên không để ý.”

“Và hẳn vẫn còn ngồi đó,” Barney nói.

“Vẫn còn cơ à? Trong bóng tối ư? Làm sao mà hẳn vẽ trong bóng tối được?”

“Hẳn vẫn đang vẽ đấy thôi. Có thể hẳn không vẽ cảnh trước mặt, nhưng hẳn vẫn đang quét màu vẽ lên tấm vải, mặt lạnh như tiền. Trăng lên rồi, chỉ là trăng lười liềm thôi nhưng cũng đủ sáng để nhìn thấy hẳn qua ống kính. Em bảo thật, hẳn đúng là điên hết chỗ nói rồi.”

Simon nói, “Tại mày không nhớ căn nhà lưu động đấy thôi. Hẳn không điên đâu. Hẳn thuộc phe Bóng Tối đấy.”

Nó ra khỏi phòng và lên gác. Barney nhún vai rồi đi vào bếp để kiểm bánh.

Jane hỏi, “Thuyền Trưởng Toms, khi nào thì ông Gumerly sẽ quay về ạ?”.

“Khi ông ấy tìm được cái mà ông ấy muốn tìm. Cháu đừng lo. Họ sẽ đến thẳng chỗ chúng ta thôi.”

Thuyền Trưởng Toms khó nhọc đứng dậy, với tay lấy cây gậy. “Ta nghĩ có lẽ ta cũng nên nhìn qua cái kính viễn vọng ấy xem sao, xin phép cháu một phút nhé, Jane.”

“Ông có tự đi được không ạ?”

“Ồ có chứ, cảm ơn cháu. Ta chỉ đi chậm là ổn thôi.” Ông tập tễnh đi ra, và Jane đến quỳ lên ghế ngồi cửa sổ, nhìn ra bến cảng. Một cơn gió đang nổi lên ngoài đó, em có thể nghe thấy tiếng gió bắt đầu khe khẽ rít lên qua khung cửa. Em thầm nghĩ: chẳng mấy chốc hẳn sẽ bị lạnh thôi, cái tên họa sĩ đến từ Bóng Tối đó. Tại sao hẳn cứ ngồi mãi ở đó? Hẳn đang làm gì vậy?

Gió thổi mạnh hơn. Mặt trăng biến mất sau những đám mây. Bầu trời tối đen, và Jane không còn nhìn thấy những đám mây lúc trước vẫn còn lơ lửng. Đột nhiên em nhận ra rằng mình có thể nghe thấy tiếng biển. Thường thì tiếng rì rào khe khẽ của những con sóng vỗ vào tường cảng luôn tạo nên một giai điệu trầm lắng không ngừng, thứ giai điệu đã hóa thành một phần của cuộc sống nơi đây, vì lúc nào cũng nghe thấy nó nên chẳng ai để ý tới.

Nhưng giờ thì tiếng từng cơn sóng nổi lên rất rõ ràng, em có thể nghe được từng tiếng ầm ào. Biển, cũng như cơn gió, đang mạnh lên.

Simon và Thuyền Trưởng Toms đã trở lại trong phòng. Jane nhìn thấy bóng họ mờ mờ trên cửa kính, và quay lại.

“Không thể nhìn thấy hẵn được nữa,” Simon nói. “Không có đủ ánh sáng. Nhưng anh nghĩ hẵn vẫn còn ở đó.”

Jane nhìn Thuyền Trưởng Toms. “Chúng ta làm gì bây giờ ạ?”

Khuôn mặt của người thủy thủ già đầy vẻ lo lắng, hẵn lên những nếp nhăn do suy nghĩ. Ông nghiêng đầu lắng nghe tiếng gió. “Ta sẽ đợi một lát xem thời tiết ra sao, có nhiều lý do để làm vậy hơn là các cháu tưởng đấy. Sau đó... sau đó thì chúng ta sẽ tính tiếp.”

Barney hiện ra ở khung cửa, nhấm nháp một miếng bánh to tướng màu vàng ruộm.

“Trời ạ,” Jane kêu lên, để bắt mình thôi không lắng nghe tiếng biển nữa, “chắc em phải ăn hết cả đĩa bánh rồi đấy.”

“Hừmmmm.” Barney nói. Nó nuốt đánh ực một cái. “Mọi người có biết là hẵn vẫn còn đó không?”

“Cái gì?” Tất cả nhìn nó chăm chăm.

“Em không chỉ ở rịt trong bếp đâu. Em vọt ra cửa sau và băng qua con đường trước nhà để nhìn từ trên tường cảng xuống... sợ là hẵn sẽ nhìn thấy ánh đèn nếu em mở cửa trước. Và hẵn vẫn còn ở đó! Ở nguyên chỗ cũ. Chắc chắn là hẵn bị điên rồi, anh Simon ạ. Có thuộc phe Bóng Tối hay không thì cũng vậy. Ý em là hẵn ngồi đó trong bóng tối với cái giá vẽ, và vẫn tiếp tục vẽ. Tiếp tục vẽ trong bóng tối như hũ nút! Hẵn có một cái đèn gì đó thì phải, chỉ nhờ vào quầng sáng tỏa ra thì mới thấy được là hẵn vẫn còn ngồi đó. Nhưng cũng vậy cả thôi, thiệt tình...”

Thuyền Trưởng Toms đột nhiên ngồi phịch xuống một chiếc ghế tựa. Ông nói, nửa như thì thầm với chính mình, “Ta không thích chuyện này chút nào. Thật là vô lý. Ta cố nhìn xem, nhưng chỉ thấy bóng tối...”

“Gió đang nổi lên to hơn rồi,” Jane nói. Em rùng mình.

“Ở ngoài kia, có thể nghe rõ tiếng sóng đập ầm ầm vào mũi đất ấy,” Barney vui vẻ nói. Nó nhét nốt

chỗ bánh vào miệng.

Simon hỏi, “Sẽ không có bão chứ ạ, thuyền trưởng?”

Ông già không trả lời. Ông ngồi thu lu trong chiếc ghế, nhìn trân trân vào lò sưởi trống trơn. Rufus, từ nãy đến giờ vẫn nằm yên trên tấm thảm trải trước lò, đứng dậy và liếm tay ông, rên lên ư ử. Một đợt gió mạnh bỗng rít lên trong ống khói và làm cánh cửa trước rung lên càn cạch. Jane giật thót mình.

“Ôi trời ơi,” em nói. “Em mong là ông Gumerly không sao. Giá mà chúng mình đã chuẩn bị trước một cái gì đó làm hiệu để gọi ông về khi cần. Giống như người da đỏ và dấu hiệu bằng khói ấy.”

“Giờ tối thế này thì mình chỉ cần một đồng lửa thôi,” Barney nói. “Một đồng lửa hiệu.”

“Ở vùng này,” Thuyền Trưởng Toms lơ đãng nói, “lửa hiệu cũng lâu đời như con người nơi đây vậy, họ đã nhóm lửa hiệu từ buổi ban sơ. Một lời cảnh báo, từ thuở thời gian bắt đầu..” Ông cúi người về phía trước, hai tay ôm chặt lấy đầu cây gậy chống có chạm trổ, và bần thần nhìn vào khoảng không trước mặt như thể đang dõi mắt ngược lại hàng bao nhiêu thế kỷ trước, hoàn toàn lãng quên căn phòng và lũ trẻ đang ở đó. Khi ông lên tiếng trở lại, giọng ông nghe trẻ hơn, rõ ràng hơn, mạnh mẽ hơn, đến nỗi chúng kinh ngạc đứng im sững tại chỗ.

“Lần trước khi Bóng Tối trời dậy ở vùng đất này,” Thuyền Trưởng Toms nói, “nó đến từ biển cả và người dân Cornwall đã đốt lửa hiệu khắp nơi nơi

để cảnh báo rằng nó sắp tiến tới. Từ Estols đến Trecobben đến Carn Brea những đồng lửa cảnh báo bùng lên, từ St Agnes đến Belovely và vùng Đồi St Bellarmine, trải dài ra đến tận Cadbarrow, Đồi Trọc và Brown Willy. Đồng lửa cuối cùng là ở Vellan Druchar, và ở đó Ánh Sáng đã khai chiến với Bóng Tối. Thế lực Bóng Tối đã bị đánh bật trở lại biển, và lẽ ra đã có thể trốn thoát bằng đường đó, hòng lại nổi lên tấn công lần nữa. Nhưng Nữ Thần đã gửi đến một ngọn gió Tây, thổi khô mọi hy vọng chạy thoát của chúng ngay khi còn ở trên bờ, và vậy là lần đó, mọi thế lực Bóng Tối đã bị đánh bại. Thế nhưng Cổ Nhân đầu tiên đã tiên tri rằng từ vùng biển ấy, từ bãi biển ấy, một ngày nào đó Bóng Tối sẽ lại một lần nữa trỗi lên.”

Ông đột ngột ngừng bật, và bọn trẻ đứng sững đó, nhìn ông không dứt. Cuối cùng Simon cất tiếng khàn khàn hỏi, “Có phải... có phải Bóng Tối đang nổi dậy không ạ?”

“Ta không biết.” Thuyền Trưởng Toms đáp gọn, bằng giọng nói bình thường của ông. “Ta không cho là vậy, Simon ạ. Chúng chưa thể nổi dậy được. Nhưng nếu thế thì đang có một điều gì khác xảy ra mà ta không thể hiểu nổi.” Ông đứng dậy, tựa người, tay vịn của chiếc ghế. “Ta nghĩ đã đến lúc ta ra ngoài đó, xem ta có thể hiểu được gì nào.”

“Chúng cháu sẽ đi với ông,” Simon nói ngay.

“Các cháu có chắc không?”

“Thú thật là,” Jane nói, “cho dù chuyện gì đang xảy ra ngoài đó đi chăng nữa thì cháu nghĩ là chúng cháu vẫn thà đi với ông còn hơn là ở lại một mình.”

“Đúng thế ạ,” Barney hòa theo.

Thuyền Trưởng Toms mỉm cười. “Thế thì các cháu đi lấy áo khoác đi. Rufus, mày ở lại đây. Ở lại.”

Để lại chú chó lông đỏ bực bội trên tấm thảm trước lò sưởi, mấy đứa nhóc rời khỏi Ngôi nhà Xám và chậm rãi đi theo bước chân khó nhọc của ông

thuyền trưởng xuống đồi. Ở chân dốc, nơi con đường dẫn từ trên đồi xuống gặp kè đá, ông già khẽ kéo chúng nấp vào cái bóng của một nhà kho ở phía sau bến cảng. Khi đứng túm tụm lại với nhau ở đó, bị cơn gió ào ào từ biển thốc vào, chúng có thể nhìn thấy tên họa sĩ phe Bóng Tối cách chúng chưa đầy hai mươi thước, ở ngay bên mép biển, ánh sáng tỏa quanh khiến hắn trông rõ mồn một. .

Vì là lần đầu tiên Jane tận mắt nhìn thấy hắn, em hức lên một tiếng, nhưng em cũng nghe thấy cùng một âm thanh nghèn nghẹn bản năng ấy từ những người khác. Bởi vì tên họa sĩ không hề có một chiếc đèn nào để tạo ra cái quầng sáng bao quanh hắn. Ánh sáng đó tỏa ra từ chính bức tranh. Trong bóng tối nó tỏa ra đủ màu xanh, lục, vàng, theo những đường nét uốn éo xoáy tròn tựa như ổ răn. Giờ mới nhìn thấy bức tranh lần đầu tiên, ngay lập tức Jane cảm thấy một nỗi khiếp sợ kinh hồn trước từng đường nét, màu sắc và cách thể hiện, thế nhưng em cũng không thể rời mắt khỏi nó.

Hắn vẫn tiếp tục vẽ, đến tận giờ. Làn gió thốc vào bộ quần áo của hắn, xô chiếc giá vẽ về phía hắn khiến hắn phải dùng một tay giữ nó, nhưng hắn vẫn tiếp tục điên cuồng quét lên bức tranh bằng một cây bút đầy những màu kỳ quái khủng khiếp, và trước cặp mắt kính ngạc của Jane dường như những màu sắc ấy tự hiện ra từ cây bút mà tên họa sĩ không hề phải dừng lại để chấm thêm màu.

“Khủng khiếp quá!” Barney kinh hoàng nói. Nó nói rất to, không suy nghĩ gì, nhưng cơn gió thổi bạt những lời ấy khỏi miệng nó ngay khi nó vừa dứt lời. Tên họa sĩ, đang ngồi xuôi chiều gió, không thể

nghe thấy cho dù nó có lấy hết hơi gào tướng lên đi chăng nữa.

“Giờ thì ta hiểu rồi!” Thuyền Trưởng Toms đột nhiên thúc mạnh cây gậy xuống đất, mắt không rời khỏi bức tranh. “Đúng thế! Giờ thì ta đã hiểu! Hắn đang vẽ những lời thần chú! Mana, Reck và Lir... mọi quyền phép của chúng đều nằm trong bức tranh! Ta đã quên mất là có thể làm như vậy. Giờ ta đã hiểu, giờ ta đã hiểu... nhưng quá muộn. Quá muộn mất rồi.”

Jane sợ hãi nói trong tiếng gió, “Quá muộn ấy ạ?”

Và cơn gió nổi lên gào hú trong tai họ, quất vào mặt họ, ném những bọt nước biển mặn vào mắt họ. Không có mưa, không có sấm hay chớp, họ chỉ nghe thấy tiếng gió và tiếng sóng biển ào ào. Họ loạng choạng lùi lại dựa vào bức tường, bị cơn gió mạnh ép chặt vào đó. Ngoài kia trên cầu cảng, tên họa sĩ khom đôi vai rộng về phía trước, tựa vào cơn gió để đứng thẳng. Hắn ném cây bút vẽ đi, những tuýp màu và giấy bị gió thổi bay tứ tán. Hắn chỉ ôm chặt bức tranh phát sáng quái lạ đó. Hắn giơ nó lên cao quá đầu, và gào lên mấy lời bằng một thứ tiếng mà bọn trẻ không hiểu.

Và đột nhiên họ nghe thấy một âm thanh không giống với bất kỳ âm thanh nào họ đã nghe thấy phát ra từ biển khơi: một tiếng hút, rít mạnh, vang vọng khắp mọi phía cái bến cảng nhỏ bé. Gió dần lịm đi. Mùi biển bỗng bốc lên mạnh, rất mạnh: không phải mùi thối rữa mà là mùi bọt biển, mùi sóng, mùi cá, rong biển, thủy thủ, cát ướt và vỏ sò.

Trong khoảnh khắc mặt trăng hiện ra từ sau một mảng mây tả tơi, và họ nhìn thấy một ngọn sóng lớn không thể tưởng tượng nổi tràn đến bên bến cảng. Từ trong làn nước hiện ra một hình thù tối sẫm, cao bằng hai người thường, phủ bóng lờng lờng lên họa sĩ, đem theo mùi biển càng mạnh mẽ hơn.

Tên họa sĩ vung hai cánh tay giơ bức tranh lên, đẩy nó về phía hình thù khổng lồ đen sì ấy, và gào lên bằng một giọng khàn đặc vì căng thẳng, “Đứng lại! Đứng lại, ta ra lệnh cho ngươi!”.

Thuyền Trưởng Toms khẽ lên tiếng, bản khoăn, nửa như thì thầm với chính mình.

“Hãy để mắt đến Phù Thủy Xanh,” ông nói.

## CHƯƠNG CHÍN



Họ đứng túm tụm lại trên lối vào tối thẫm của căn nhà kho, ngấm nhìn. Giờ không còn ngọn gió nào thổi nữa, và sự im lìm đột ngột thật đáng sợ, chỉ bị phá vỡ bởi tiếng sóng âm âm. Chốc chốc lại có tiếng ô tô rồ máy phóng qua con đường chính trong làng, nhưng lũ trẻ không để ý gì tới. Không còn gì khác hiển hiện trên thế giới nữa ngoài cái vật đang đứng lừng lững trước mặt chúng, mỗi lúc một vươn cao hơn từ làn sóng biển cuộn trào.

Không thể nhìn thấy rõ vật ấy. Nó không có đường nét, không có dáng, không ra hình thù gì. Bọn trẻ chỉ thấy nó là một khối khổng lồ đen như mực, chặn hết mọi ánh sáng và mọi vì sao, vươn lên bên trên cái mảng sáng kỳ lạ của gã đàn ông thuộc thế lực Bóng Tối. Jane đột nhiên nghĩ nó lớn hơn rất nhiều so với cái hình thù kết băng cành lá mà em đã thấy bị ném xuống biển từ trên đỉnh Mũi Kemare. Thế nhưng, em lại nghĩ thầm, trong bóng tối đêm đó, Phù Thủy Xanh trông cũng thật khổng lồ, vươn cao, chờ đợi, bao trùm bởi đồng lửa hiệu bập bùng...

Gã họa sĩ hét lên một tiếng to, rõ ràng, “Phù Thủy Xanh!”

Simon thấy Barney run lên không sao dừng lại được, và nó nhích đến gần em trai hơn. Một bàn tay thoáng nắm chặt lấy cánh tay nó về biết ơn.

“Phù Thủy Xanh! Phù Thủy Xanh!”

Một giọng nói âm vang phát ra từ cái khối đen đồ sộ vươn cao. Giọng nói ấy dường như tràn ngập khắp cả màn đêm; một giọng nói tựa như biển cả, đầy những giai điệu liên tục biến đổi. Nó nói, “Tại sao người lại gọi ta đến?”

Gã họa sĩ hạ bực tranh đáng sợ xuống. Ánh sáng của nó đang bắt đầu mờ dần đi. “Ta cần đến người.”

“Ta là Phù Thủy Xanh” giọng nói nọ mệt mỏi đáp lại. “Ta được tạo nên cho biển khơi, ta thuộc về biển khơi. Ta không thể làm gì cho người được.”

“Ta chỉ muốn xin người một ân huệ nhỏ mà thôi,” tên họa sĩ nói, giọng hẳn ngọt như đường để tranh thủ cảm tình, nhưng lại căng thẳng đến độ tưởng chừng nó sắp vỡ ra thành hàng ngàn mảnh.

Giọng nói kia đáp, “Người thuộc về Bóng Tối. Ta có thể cảm thấy được. Ta không được phép làm bất kỳ điều gì cho Bóng Tối cũng như Ánh Sáng. Đó là Luật.”

Tên họa sĩ vội nói, “Nhưng người đã lấy một thứ mà Luật không cho phép người lấy. Người biết rõ điều đó. Người đang có trong tay một phần của một Pháp Vật cổ, một thứ mà người không nên giữ, một thứ mà không sinh vật thuộc Pháp Thuật Hoang Sơ nào nên giữ. Phù Thủy Xanh, người phải trao nó cho ta.”

Giọng nói đại dương từ khối đen kêu lên đau đớn. “Không! Nó là của ta! Nó là bí mật của ta! Bí mật của ta!” Và Jane giật mình, bởi vì đột nhiên nó đã biến thành giọng nói trong giấc mơ của em: ảo não, nước nở, như tiếng mè nheo của một đứa bé.

Tên họa sĩ hung dữ nói, “Nó không phải là của người.”

“Nó là bí mật của ta!” Phù Thủy Xanh nói lớn, và cái khối đen tối dường như vươn cao lên, to lớn hơn. “Ta canh giữ nó, không ai được phép đụng vào nó cả. Nó là của ta, mãi mãi là của ta!”

Ngay lập tức tên họa sĩ dịu giọng xuống, nhẹ nhàng dỗ dành. “Phù Thủy Xanh, Phù Thủy Xanh ơi, hỡi đứa con của Tethys, con của Poseidon, con của Neptune... ở dưới đáy biển thăm thẳm kia thì người cần gì phải có bí mật chứ?”

“Ta cũng cần nó như người vậy.” Phù Thủy Xanh trả lời.

“Ngôi nhà của người là ở dưới đáy biển.” Tên họa sĩ vẫn nói dịu dàng đầy thuyết phục. “Ở đó người chẳng cần có bí mật mà làm gì. Đó không phải là nơi để cất giữ một vật như vậy, một vật được tạo nên bởi những bùa phép mà người không hiểu rõ.”

Tiếng nói âm vang của cái khối đen bướng bỉnh nói, gần như có vẻ dằn dỗi, “Nó là của ta. Ta đã tìm thấy nó.”

Giọng nói của tên họa sĩ, run rẩy, vút lên cao hơn. “Đồ ngu! Đồ man rợ ngu ngốc! Sao người dám đùa giỡn với những vật thuộc về Pháp Thuật Tối Cao!”

Ánh sáng tỏa ra từ bức tranh của hắn đang mờ đi mỗi lúc một nhanh, bọn trẻ không còn nhìn thấy gì quanh nó nữa ngoài cái khối đen của Phù Thủy Xanh in bóng lên cái nền xám lơ mờ của trời và biển. Chúng chỉ nghe thấy hai giọng nói ấy vang vọng khắp bến cảng trống trải.

“Người chỉ là một sinh vật do con người tạo ra, người phải làm theo lời ta!” Giọng nói của gã đàn ông trở nên gay gắt, ngạo mạn hơn, nghe như một mệnh lệnh. “Hãy trao vật đó cho ta ngay lập tức, trước khi Bóng Tối thổi bay người khỏi thế giới này”

Lũ trẻ cảm thấy Thuyền Trưởng Toms nhẹ nhàng nhưng hối hả kéo chúng lại sát bức tường, vào một góc gần như tách hẳn khỏi chỗ hai hình dáng đang đối mặt nhau trên kè đá nọ. Căng thẳng, chúng vội chuyển chỗ theo ông.

Từ cái khối đen của Phù Thủy Xanh phát ra một âm thanh dựng tóc gáy: một tiếng rên trầm trầm kéo dài, tựa như lời than khóc, lên bổng xuống trầm thành những tiếng rên rĩ. Rồi nó ngừng lại, và sinh vật ấy bắt đầu lăm bẫm một mình những câu rời rạc mà chúng không nghe rõ. Rồi im lặng một lát, và bất thình lình nó cất tiếng rõ ràng, “Người không có được trọn vẹn quyền năng của Bóng Tối.”

“Ngay bây giờ! Ta ra lệnh cho người!” Giọng tên họa sĩ trở nên the thé.

“Người không có được trọn vẹn quyền năng của Bóng Tối,” Phù Thủy Xanh nhắc lại, với vẻ tự tin tăng lên đáng kinh ngạc. “Khi Bóng Tối trỗi dậy, nó không chỉ là một người, mà là một bóng đen khủng khiếp bao trùm cả bầu trời và mặt đất. Ta đã nhìn thấy nó, mẹ ta đã chỉ cho ta thấy. Nhưng người chỉ có một mình. Người được Bóng Tối cử đến đây chỉ với một nhiệm vụ nhỏ nhoi, và người đang mạo hiểm để có thể trở thành Chúa Tể vĩ đại, một trong những kẻ đứng đầu. Người ngỡ rằng khi ghép hai phần lại với nhau để

tạo thành Pháp Vật trọn vẹn, người có thể trở thành vĩ đại. Nhưng người chưa trở nên vĩ đại đâu, và người không được phép ra lệnh cho ta!”

Thuyền Trưởng Toms khẽ nói, “Nữ Thần Tethys đã thấy được điều mà chúng ta không nhìn thấy.”

“Ta có mọi quyền năng cần thiết!” tên họa sĩ hét lớn. “Ngay bây giờ, Phù Thủy Xanh, ngay bây giờ! Hãy làm theo lệnh của Bóng Tối!”

Phù Thủy Xanh bắt đầu phát ra một âm thanh khác, một tiếng âm âm đáng sợ đến nỗi bọn trẻ co rúm lại sát vào bức tường. Nó nghe nửa như tiếng gầm gừ giận dữ của một con chó và tiếng gù gù thích thú của một con mèo, và nó đang nói, *Hãy coi chừng, hãy coi chừng...*

Tên họa sĩ điên cuồng gào lên, “Với lời thần chú của Mana, lời thần chú của Reck và lời thần chú của Lir!” và nhờ vào quầng sáng lờ mờ cuối cùng, chúng nhìn thấy hắt lại giờ bức tranh cùng với những lời thần chú tỏa sáng vẽ trên đó lên quá đầu và đối mặt với cái khối đen của Phù Thủy Xanh. Nhưng hắt không làm gì được. Tiếng âm âm phát ra từ Phù Thủy Xanh chuyển thành một tiếng gầm thét, sự nổi loạn và nỗi sợ hãi bóp nghẹt không gian, và Jane thấy trong đầu mình vang vọng mãi tiếng kêu *Đế ta yên! Đế ta yên! Đế ta yên!* mà không bao giờ biết rằng có phải tiếng kêu ấy đã được thét to lên hay không.

Chúng không còn biết đến cái gì khác nữa ngoài một cuộn xoáy khổng lồ. Những tiếng gào thình nộ vang lên trong tai chúng, cùng với tiếng sóng vỗ âm âm vào đá. Và bất thành linh một ánh sáng xanh chiếu rọi khắp nơi, khi trong một khoảnh khắc kinh hoàng, Phù Thủy Xanh, với tất cả những pháp lực hoang sơ trong nó, hiện ra to lớn trên bầu trời, mọi chi tiết sống đều rõ ràng dưới một ánh sáng khủng khiếp đến nỗi sau này bọn trẻ thậm chí còn không dám nhắc lại với nhau. Thét lên một tiếng, tên họa sĩ bay người về phía sau, rồi ngã vật xuống đất. Và Phù Thủy Xanh, một tiếng gầm giận dữ phát ra từ cái miệng khổng lồ, xòe rộng những cánh tay đáng sợ ra như để nhấn chìm toàn bộ ngôi làng... rồi biến mất. Nó không chìm lại xuống biển. Nó không biến đi như một quả bóng bay bị nổ. Nó mờ đi, như một làn khói,

tan dần vào hư vô. Nhưng chúng không thấy nỗi sợ hãi giảm đi chút nào, mà càng thấy căng thẳng hơn như thể đang có một cơn bão bị kìm nén trong không trung.

Barney thì thào, “Nó đã biến đi chưa ạ?”

“Chưa đâu.” Thuyền Trưởng Toms nghiêm nghị nói. “Nó đang xuyên qua khắp làng. Nó đang ở với chúng ta, ở quanh chúng ta. Nó đang rất giận dữ và ở khắp mọi nơi, và có một mối nguy hiểm lớn đang rình rập chúng ta. Ta phải đưa các cháu về nhà ngay. Merry đã có lý do khi chọn hai căn nhà đó... chúng cũng được Ánh Sáng bảo vệ, và an toàn không kém gì Ngôi nhà Xám.”

Barney đang ngăm nhìn cái thân hình bất động trên cầu cảng. Nó sợ sệt hỏi, “Hắn chết rồi ạ?”

“Hắn không thể chết được.” Thuyền Trưởng Toms khẽ nói. Ông nhìn xuống tên họa sĩ. Gã đàn ông đang nằm ngửa, thờ đều đặn, mớ tóc dài xoã tung như một vũng nước đen quanh đầu. Mắt hắn nhắm nghiền, nhưng không thấy có dấu hiệu thương tích gì. Nom hắn như đang ngủ vậy.

Từ con đường dẫn xuống bến cảng, mấy ông cháu nghe thấy tiếng động cơ ô tô đang tiến lại gần, vòng qua khúc quanh. Simon bước ra để vẫy chiếc ô tô lại, nhưng chẳng cần phải làm thế. Khi ánh đèn ô tô rọi về chỗ họ đang đứng trên cầu cảng, chiếc xe liền lập tức giảm tốc độ, phanh rít lên ken két, và đỗ lại. Từ đằng sau hai ngọn đèn pha sáng rực, một giọng Mỹ vang lên, “Này! Có chuyện gì thế?”

“Là hai bác Stanton đấy!” Bọn trẻ ào đến bên cửa xe, và hai bóng người bối rối bước ra. Thuyền Trưởng Toms vội quay lại, giọng ông vang lên rõ ràng và quyết đoán.

“Xin chào... hai người đến đúng lúc quá. Ông cháu chúng tôi đang trên đường về nhà thì thấy anh bạn này nằm đây... hình như là bị ô tô tông phải. Tôi đoán chắc là chúng gây tai nạn rồi bỏ chạy.”

Ông Bill Stanton quỳ xuống bên cạnh gã họa sĩ đang nằm sõng soài và sờ tìm mạch của hắn, vạch một mí mắt lên; nhẹ nhàng nắn nắn tay chân của hắn “Anh ta còn sống... không thấy máu... không bị gãy xương chỗ nào... có khi là bị nhồi máu cơ tim chứ không phải là bị xe đâm. Chúng ta làm gì bây giờ? Ở đây có xe cứu thương không?”

Thuyền Trưởng Toms lắc đầu. “Ở Trewissick không có xe cứu thương, chúng tôi không giỏi cấp cứu cho lắm. Chỉ có một cảnh sát, với một chiếc xe máy thôi... Ông biết không, ông Stanton, tốt nhất là chúng ta nên đặt anh ta lên xe của ông, và ông lái xe đưa anh ta tới bệnh viện ở St Austell. Nếu đợi lâu được ngài cảnh sát Tregear tới đây thì anh chàng khốn khổ này chết mất.”

“Ông ấy nói đúng đấy,” Fran Stanton bảo, giọng nói dịu dàng của bà đầy lo lắng. “Mình làm như vậy thôi, Bill.”

“Tôi thấy thế cũng được.” Ông Stanton đưa mắt nhìn quanh cầu cảng tìm kiếm rất nhanh. “Chúng ta phải nâng anh ta lên thật cẩn thận... không biết... a!” Ông vỗ Simon đang đứng gần mình nhất. “Có thấy đồng ván ở đằng kia không? Hai cháu đem một tấm lại đây, nhanh lên.”

Tất cả loay hoay nhấc tên họa sĩ đặt lên tấm ván hẹp; rồi vừa từ từ nâng nó lên vừa nghiêng đi, thận trọng xoay chuyển cho đến khi đặt được hắn vào ghế sau xe.

“Cài dây an toàn quanh người anh ta đi, Frannie,” ông Stanton nói, trèo lại lên ghế tài xế.

“Chắc anh ta sẽ không sao đâu... thuyền trưởng, ông có thể gọi ngài cảnh sát bảo ông ấy đi theo chúng tôi được không ạ? Tôi không muốn người ta tưởng là chúng tôi đã tông phải anh ta.”

“Được chứ, tất nhiên rồi.”

Bà Fran Stanton dừng lại bên cánh cửa xe vẫn còn mở. “Will đâu rồi?”

Ông chồng bà rời tay ra khỏi chiếc chìa khóa. “Đúng thế, đã muộn rồi. Nó với ông Merry không thể vẫn còn đi dạo được. Nó đâu rồi hả các cháu?”

Bọn trẻ nhìn ông, không biết nói sao.

Vẻ vui tươi biến mất khỏi khuôn mặt tròn trịa dễ mến của Bill Stanton, thay vào đó là sự nghi ngờ và lo ngại. “Này, thế này nghĩa là sao? Có chuyện gì thế? Will đâu?”

Thuyền Trưởng Toms hăng giọng. “Nó..” ông cất tiếng.

“Không có gì phải lo đâu, Bác Bill,” Will nói sau lưng họ. “Cháu đây.”

## CHƯƠNG MƯỜI

“Tốt lắm,” Merriman nói trong khi ông nhìn theo chiếc xe của nhà Stanton vòng qua khúc quanh rời khỏi bến cảng và đi xuôi con đường chính trong làng. “Họ sẽ có vừa đủ thời gian để đi xa hẳn.”

“Ông nói cứ như sắp có người ném bom ấy.” Simon nói.

Jane lo sợ hỏi, “Ông Gumerry ơ? Sắp xảy ra chuyện gì thế ạ?”

“Với các cháu thì không có gì cả. Đi nào.” Merriman quay lại và bắt đầu rải những bước dài rất nhanh ngang qua cầu cảng về phía căn nhà nghỉ, lũ trẻ vội vã chạy theo. .

“Hẹn gặp lại sau, Merry!” Thuyền Trưởng Toms nói với theo.

Bọn trẻ đứng lại, lo lắng quay đầu nhìn; ông già đã đang bắt đầu tập tễnh đi về phía Ngôi nhà Xám. “Thuyền Trưởng ơ? Ông không đi cùng chúng cháu ạ?”

“Thuyền Trưởng Toms!”

“Đi nào,” Merriman nói không chút biểu cảm và đẩy chúng lên phía trước. Bọn trẻ ném cho ông mấy cái nhìn bực bội và trách móc. Chỉ có Will là vẫn bước đi một cách vô cảm.

“Thấy ông về cháu mừng quá.” Jane vòng tới bên cạnh ông. “Ông nói đi, sắp xảy ra chuyện gì thế ạ? Ông nói thật đi?”

Merriman đưa cặp mắt thâm quầng nhìn xuống em mà không hề chậm bước. “Phù Thủy Xanh đang hiện diện khắp nơi. Trong đêm nay, mọi quyền năng của Pháp Thuật Hoang Sơ, vốn không có quy luật hay mẫu hình nào hết, sẽ đều được thả tự do ở nơi đây. Ông và những người khác đã thu xếp sao cho hai căn nhà nghỉ và Ngôi nhà Xám sẽ được quyền năng của Ánh Sáng bảo vệ. Nhưng còn những nơi khác thì...đêm nay Trewissick đã bị khống chế. Nó không còn là một nơi an toàn nữa.” Giọng nói trầm của ông đầy căng thẳng và nghiêm nghị, khiến chúng hết sức hoảng sợ; chúng bồn chồn lóc cóc chạy bên ông, ngược lên những ngõ nhỏ và bậc thang ngoằn ngoèo dẫn về cửa nhà nghỉ. Rồi chúng ùa vào căn phòng sáng đèn chẳng khác nào đàn chuột chui xuống hang để tránh một con cú đang săn mồi.

Simon nuốt nước bọt, lấy lại hơi, cảm thấy hơi ngượng vì đã cuống lên. Nó hỏi Will như muốn gây sự, “Cậu đã ở đâu vậy?”

“Hỏi chuyện mọi người,” Will đáp.

“Thế cậu đã phát hiện ra được những gì nào? Cậu đã biến đi khá lâu còn gì nữa.”

“Không có gì nhiều,” Will nhẹ nhàng trả lời. “Không có gì ngoài những chuyện chưa xảy ra.”

“Tức là cậu đi chẳng được tích sự gì, phải không?”

Will cười. “Cũng gần gần như thế.”

Simon trở mắt nhìn cậu một lát rồi bực dọc quay đi. Will liếc nhìn Jane, và nháy mắt với em. Em nhe răng gượng cười với cậu ta, nhưng sau đó khi cậu quay đi thì lại để ý ngấm nghĩa cậu kỹ hơn. Anh Simon muốn gây sự, và cậu



đã lảng đi để tránh chuyện cãi cọ, em nghĩ thầm. *Đôi khi cậu cứ như là người lớn vậy. Cậu là ai hả Will Stanton?*

Em nói, “Ông Gumerry, chúng ta phải làm gì bây giờ? Ông có muốn cháu và anh Simon lên trên gác canh chừng không ạ?”

“Ông muốn các cháu đi ngủ,” Merriman đáp. “Đã muộn rồi.”

“Đi ngủ ấy à!” Sự phẫn nộ trong giọng nói của Barney là rõ ràng hơn cả. “Nhưng mọi chuyện mới bắt đầu có vẻ hay ho mà!”

“Bây giờ thì cháu gọi đó là hay ho thôi.” Khuôn mặt xương xương của Merriman tối sầm lại nghiêm nghị. “Sau cháu sẽ phải dùng một từ khác đấy. Hãy làm như ông bảo đi.” Trong những lời ấy thoáng qua một vẻ gì đó khiến chúng không dám cãi lại nữa.

“Chúc ông ngủ ngon ạ,” Jane ngoan ngoãn nói. “Chúc ngủ ngon, Will.”

“Hẹn sáng mai gặp lại các cậu,” Will thân mật nói, và cậu biến sang bên nhà của gia đình Stanton.

Jane bỗng rùng mình.

“Sao thế?” Simon hỏi.

“Tự nhiên em thấy rùng mình...*(Nguyên văn: “Có người bước qua mộ em.” Ở phương Tây có tục cho rằng khi rùng mình tức là có người bước qua mồ của mình.)* Em không biết nữa, chắc là em bị nhiễm lạnh.”

“Ông sẽ pha cho các cháu mỗi đứa một cốc nước ấm và mang lên,” Merriman nói.

Khi lên đến trên gác, Simon dừng lại ở cái hành lang nhỏ nối giữa hai phòng ngủ, đưa tay túm tóc với vẻ dửng dưng tuyệt vọng. “Thật là nực cười! Điên rồi! Một phút trước bọn mình còn đang tham dự vào một chuyện gì đó hết sức vĩ đại... ngắm nhìn cái... cái vật đó, thế rồi ông Gumerry xuất hiện, và chưa kịp hiểu ra làm sao thì ông đã tống bọn mình lên giường với mấy cốc cacao nóng.”

Barney ngáp một cái rồ to. “Ờ thì đúng thế... nhưng mà em cũng mệt rồi...”

Jane lại rùng mình. “Em cũng thế. Em không biết nữa. Em thấy người thế nào ấy. Cứ như là... Hai anh em có nghe thấy tiếng rì rầm rất khẽ vắng từ xa đến không?”

“Không,” Simon đáp.

“Em buồn ngủ quá” Barney nói. “Chúc ngủ ngon.”

“Anh cũng đi ngủ đây,” Simon nói. Nó nhìn Jane. “Em ngủ một mình sẽ không sao chứ?”

“Ờ, nếu xảy ra chuyện gì” Jane đáp, “thì em sẽ chui tọt vào trốn dưới gầm giường anh nhanh đến nỗi anh không nhìn thấy đâu.”

Simon cố nặn ra một nụ cười. “Ừ, cứ làm thế đi. Có một điều chắc chắn là đêm nay sẽ chẳng có đứa nào ngủ được đâu.”

Nhưng một lát sau khi ông Merriman gõ nhẹ lên cửa phòng Jane thì trên chiếc khay ông bưng vẫn còn nguyên ba cái ca bốc khói. “Ông chẳng cần phải pha cả ba cốc làm gì” ông nói. “Simon và Barney đã ngủ say rồi.”

Jane đang ngồi bên cửa sổ, trong bộ đồ ngủ và chiếc áo choàng mặc trong nhà, nhìn ra ngoài. Em nói mà không quay lại, “Ông đã phù phép cho hai anh em phải không ạ?”

Merriman khẽ đáp, “Không.” Có một cái gì đó trong giọng nói của ông khiến em quay đầu lại. Ông đang đứng ở ngưỡng cửa, cặp mắt lấp lánh sáng giữa những quầng thâm bên dưới hàng lông mày rậm bạc trắng. Ông quá cao so với căn phòng nhỏ hẹp đến nỗi mớ tóc bạc phơ bù xù của ông chạm vào trần nhà.

“Jane,” ông nói. “Các cháu không hề bị phù phép gì hết, và cũng sẽ không bao giờ xảy ra chuyện đó cả. Ông đã hứa như thế với các cháu ngay từ đầu kia mà. Và ở đây các cháu sẽ không thể bị làm hại. Hãy nhớ rõ điều đó.”

Cháu biết ông mà, ông không khiến các cháu bị nguy hiểm đến tính mạng đâu, không phải lúc này, không bao giờ cả.”

“Cháu biết chứ ạ. Tất nhiên là cháu biết,” Jane nói.

“Thế thì hãy yên tâm ngủ đi.” Merriman nói. Ông chìa một cánh tay dài ra, và em với tay chạm vào những đầu ngón tay của ông, giống như một thỏa thuận ngầm giữa hai ông cháu. “Đây, cháu uống một ít cacao đi. Trong đó không có bùa mê thuốc lú gì đâu, ông hứa đấy. Chỉ có đường thôi.”

Jane vội nói, “Cháu đánh răng rồi ạ.”

Merriman bật cười. “Thì lại đi đánh lại lần nữa.” Ông đặt cái ca xuống và đi ra, đóng cửa lại.

Jane cầm lấy cốc cacao và lại đến ngồi bên cửa sổ, những ngón tay ôm lấy bề mặt nhẵn mịn, nóng hổi của cái cốc cho ấm; trong phòng rất lạnh. Em nhìn ra ngoài cửa sổ, những ngọn đèn bên cạnh giường phản chiếu lên cửa kính khiến em không thấy gì cả. Không suy nghĩ gì, em liền thò tay ra tắt đèn đi, và ngồi đợi cho đến khi mắt quen dần với bóng tối lờ mờ.

Khi em đã có thể nhìn được rõ trở lại, em không còn tin nổi vào mắt mình nữa. Từ căn nhà nghỉ, nằm ở sườn đồi cao bên trên mặt biển, em nhìn thấy rõ toàn bộ bến cảng và phần lớn ngôi làng. Đây đó rải rác mấy quầng sáng vàng vọt tỏa ra từ những ngọn đèn đường: hai ở bên kè đá, ba ở phía bên kia bến cảng, trên con đường chạy ngang qua Ngôi nhà Xám; những ngọn đèn khác rải rác ở xa hơn bên trong làng. Nhưng những quầng sáng rất nhỏ. Tất cả những chỗ khác đều tối đen. Và trong bóng tối, dù nhìn đi đâu, Jane cũng thấy mọi vật đang di chuyển. Mới đầu em tự nhủ là mình đang tưởng tượng, bởi vì hễ em thoáng thấy có chuyển động và nhìn về hướng đó chăm chú cho rõ thì nó lại biến mất. Em không thể nhìn thẳng vào nó một cách rõ ràng được. Nhưng hiện tượng đó không kéo dài.

Tất cả thay đổi bởi chỉ một dáng người. Ông ta đi lên khỏi mặt nước ở bên rìa bến cảng, trèo lên mấy bậc thang một cách kỳ lạ như lướt. Ông ta ướt lướt thướt; quần áo dính chặt vào người, mái tóc dài dẫm nước rủ xuống tối

sẫm quanh mặt, và khi ông ta bước đi, một dòng nước nhỏ xuống quanh người và kéo dài ra như một lối đi. Ông ta chậm chạp đi về phía phố chính của Trewissick, không hề nhìn ngang dọc. Khi đến góc đường có cái nhà máy đồ hộp nhỏ, với phần nhà mới mở chìa ra giữa những tòa nhà gạch cũ nằm lộn xộn dọc cầu cảng, người đàn ông trong bộ quần áo ướt sũng không hề chậm bước hay tránh sang bên. Ông ta cứ thế đi xuyên qua bức tường như thể nó không có ở đó, và một hai giây sau thì hiện ra ở phía bên kia. Rồi ông ta biến vào bóng tối của con phố chính.

Jane nhìn trân trối vào màn đêm đen như mực. Em cố tự nhủ, “Không phải như vậy. Không phải như vậy.”

Đêm rất yên tĩnh. Jane giữ chặt cái cốc của mình như một tấm bùa giữ em lại với hiện thực, rồi đột nhiên giật nảy người, mạnh đến nỗi đánh đổ cả nửa cốc cacao lên thành cửa sổ. Em đã nhìn thấy có gì chuyển động ngay bên dưới mình, ở cửa nhà nghỉ. Gần như không dám nhìn, em bắt mình đưa mắt xuống, và thấy hai dáng người đi ra khỏi cửa. Ông Merriman trông không lẫn vào đâu được, mặc dù ông mặc một chiếc áo khoác dài có mũ trùm, nhưng nhờ ánh sáng từ một ngọn đèn đường Jane vẫn thấy rõ vầng trán cao và cái mũi khoằm dữ dằn như mỏ điều hâu của ông. Nhưng phải mất một lúc em mới nhận ra dáng người thứ hai, cũng mặc áo khoác và trùm mũ như vậy, chính là Will Stanton. Em chỉ nhận ra cậu ta nhờ vào dáng đi đặc biệt của cậu, mà cho đến tận lúc đó em cũng không ngờ là mình sẽ nhận ra được.

Họ bước đi không chút hấp tấp đến giữa cầu cảng. Jane cảm thấy một nỗi giục giã điên cuồng khiến em những muốn mở tung cửa sổ và hét lên cảnh báo để họ tránh khỏi những nỗi hiểm nguy khó lường, nhưng em đã biết quá rõ người ông lạ lùng của mình nên đã không làm vậy. Ông không bao giờ giống với những người khác; ông luôn có những sức mạnh không thể đoán trước, luôn có vẻ vĩ đại hơn bất kỳ người nào chúng đã từng biết. Thậm chí có thể chính ông đang tạo ra những điều này cũng nên.

“Ông thuộc về phe Ánh Sáng” Jane nói to lên với chính mình, nói một cách nghiêm trang, lần đầu tiên nghe thấy rõ sự hệ trọng đúng nghĩa và không thể

tưởng tượng nổi trong những lời ấy.

Rồi em trầm ngâm nói thêm, sửa lại một chút, “Họ thuộc về phe Ánh Sáng.” Em ngắm nhìn cái dáng người đội mũ trùm nhỏ bé hơn, nhận thấy trong đầu mình một cảm giác miễn cưỡng kỳ lạ, không muốn tin rằng ở Will có cái gì đó siêu phàm. Khuôn mặt tròn vui tươi, với cặp mắt xanh xám và mái tóc thẳng màu nâu của cậu, ngay từ khi cuộc phiêu lưu này khởi đầu, vốn luôn là một hình ảnh làm người ta yên lòng một cách kín đáo. Nhưng nếu cậu cũng giống như Merriman Lyon thì ở Will sẽ chẳng có gì khiến người ta yên lòng cả.

Nhưng rồi em quên bẵng cả Merriman, cả Will, và mọi thứ quanh mình, bởi vì em đã nhìn thấy những ánh đèn. Đó là ánh đèn của một con tàu ở ngoài khơi: những ngọn đèn sáng rực như sao, hơi chập chờn trên sóng. Chúng bập bênh và đu đưa ngoài khơi, trong bóng tối, nhưng chúng đang tiến lại quá gần. Rõ ràng đó là ánh đèn của một con tàu khá lớn, nhưng chúng lại đang tiến lại rất sát những tảng đá ở Mũi Kemare, hết sức gần, đầy nguy hiểm. Em nghe thấy có tiếng người, yếu ớt kêu lên, một trong số những tiếng kêu hình như là: “Đèn ma! (Nguyên văn: “Đèn của Jack Harry”. Theo truyền thuyết, Jack Harry là người đầu tiên tưởng nhầm đèn ma là những ngọn đèn của một con tàu thật.)” Và khi rời mắt khỏi mặt biển em thấy bên cảng bỗng đầy những người: ngư dân, phụ nữ, trẻ con, vừa chạy vừa vẫy tay và chỉ ra biển. Họ chen qua hai dáng người đứng im của Merriman và Will như thể hai ông cháu không có ở đó vậy.

Thế rồi Jane thấy khung cảnh như bỗng mờ đi một cách kỳ lạ trong thoáng chốc. Khi mắt em nhìn rõ trở lại, mọi thứ vẫn y như trước, và mặc dù em thấy đám đông dân làng có vẻ hơi khác đi, quần áo và vẻ bề ngoài, nhưng em không dám chắc. Em chưa kịp nghĩ thêm thì đám đông bỗng như chìm trong nỗi kinh hoàng. Một ánh sáng chập chờn quái lạ tỏa ra khắp bến cảng. Và một đoàn thuyền có những ngọn đuốc cháy bùng bùng bao quanh bỗng nhiên vượt qua tường chắn tràn vào cảng, những con thuyền rộng kỳ lạ chật ních những tay chèo, một số để đầu trần để lộ mái tóc dài đỏ rực, một số

khác lại đội mũ sắt chắc chắn có hình một con lợn lòi bằng vàng với những tấm chắn mũi dữ dằn phủ xuống mặt. Đoàn thuyền đó tiến đến chỗ nước nông; những kẻ trên thuyền buông mái chèo, nắm lấy gươm và những ngọn đuốc rực cháy rồi trèo ra, chen lấn nhau bì bõm tràn lên bờ với những tiếng hò hét rợn tóc gáy mà Jane có thể nghe rõ đến phát sợ ngay cả khi cửa sổ vẫn đóng kín. Dân làng chạy tán loạn, hoảng hốt kêu la; chỉ có một số ít ở lại chống lại bọn xâm lăng bằng gậy và dao. Nhưng bọn người tóc đỏ chỉ chú tâm vào một điều: chúng dùng gươm đâm, chém, phạt tất cả những gì vớ được với một sự hung bạo khủng khiếp mà Jane không bao giờ nghĩ là con người có thể có được. Máu tuôn đỏ lòm cả kè đá, và tràn xuống biển, khiến những con sóng đục ngầu.

Jane loạng choạng đứng dậy, thấy buồn nôn, và quay mặt đi.

Khi em cố sức run rẩy quay trở lại chỗ cửa sổ, những tiếng la hét gần như đã tắt hẳn. Dân làng đang bỏ chạy và những tên xâm lăng đang gặm gào kia đã ra đến tận những con đường xa nhất, và một quầng sáng đỏ đáng sợ đang vươn lên trên khắp ngôi làng, bao trùm cả bầu trời. Trewissick đang bốc cháy. Những lưỡi lửa liếm quanh các ngôi nhà trên ngọn đồi phía đối diện bên cảng, và lóe lên đỏ rực ở các ô cửa sổ; nhà kho ở đầu kia bên cảng bùng cháy khi lửa ào ào tràn đến. Gạch đá không hiểu sao vẫn cháy dữ dội như chỉ là gỗ. Sau một hồi tuyệt vọng đánh vật với cái then cửa, Jane mở tung cửa sổ ra, và tiếng lửa gào thét rừng rực cùng với hàng cuộn khói được lửa soi sáng rực tràn vào. Bóng những ngọn lửa nhảy nhót trên mặt nước nơi bến cảng. Trong lúc hoảng loạn, Jane không hề nhận ra rằng em không người thấy mùi cháy, và cũng không cảm thấy sức nóng nào.

Dưới chỗ kè đá, Will và Merriman vẫn đứng yên lặng trong chiếc áo choàng có mũ trùm, như thể họ không nhìn thấy những gì đã xảy ra từ đầu tới giờ.

“Ông Gumerry!” Jane thét lên. Em không thể nghĩ đến cái gì khác ngoài việc lửa có thể bén tới hai căn nhà nghỉ. “Ông Gumerry ơi!”

Thế rồi những tiếng ồn ào bên ngoài bỗng biến mất, biến mất hoàn toàn. Em nghe thấy giọng mình, và thấy rằng cái mà em tưởng là một tiếng hét rất to

hóa ra chẳng lớn hơn một tiếng thì thầm. Trong khi em ngồi đó quan sát, không tin nổi mắt mình nữa, thì những ngọn lửa tắt dần và biến mất, cái quầng sáng đỏ trên bầu trời cũng mờ đi. Không còn thấy máu nữa, chẳng còn lại chút dấu vết gì của nó. Mọi thứ trên bến cảng Trewissick lại trông như thế những tên tóc đỏ tàn bạo từ biển cả ấy chưa hề đặt chân đến vậy.

Ở đâu đó, một con chó tru vào bóng đêm. Người lạnh ngắt, sợ hãi, Jane kéo chiếc áo choàng vào người chặt hơn. Em muốn đi gọi Simon, nhưng em cũng không thể rời mắt khỏi cửa sổ được. Vẫn không nhúc nhích, hai dáng người tối sẫm bọc trong áo choàng của Will và Merriman vẫn đứng bên mép nước. Không hề có dấu hiệu gì chứng tỏ họ đã nhìn thấy những gì xảy ra.

Trên làn nước nơi bến cảng có một ánh sáng lấp lánh, long lanh, và Jane thấy tí trên cao mặt trăng đã hiện ra sau những đám mây. Một ánh sáng khác lạ đang chiếu khắp mọi nơi, lạnh nhưng dịu nhẹ hơn: mọi thứ đều hóa thành màu đen, trắng và xám. Và vang vọng vào ánh sáng ấy, từ giữa không trung, là một giọng nói. Đó không phải là giọng nói của con người, mà là một giọng nhẹ bẫng, siêu phàm, lặp đi lặp lại ba lần một câu bằng âm sắc cao đến nỗi có thể làm dừng nhịp mọi con tim.

*Thời khắc đã điểm, nhưng người chưa tới.*

*Thời khắc đã điểm, nhưng người chưa tới.*

*Thời khắc đã điểm, nhưng người chưa tới.*

Jane nhìn khắp xung quanh bến cảng, nhưng không thấy ai cả, chỉ có hai dáng người bất động bên dưới mà thôi. Con chó ở đâu đó lại tru lên. Em lại cảm thấy tiếng rì rầm, ong ong kỳ lạ trong không gian, và rồi em bắt đầu nghe thấy những tiếng nói khác í ới xa xa bên trong làng.

“Tàu Xô Số ! Tàu Xô Số!” em ngỡ đã nghe thấy họ kêu lên như vậy. Rồi một giọng đàn ông, nghe rõ hơn, “Tàu Xô Số bị bắt rồi!”

“Roger Toms! Roger Toms!”

“Giấu họ đi!”

“Dem họ đến chỗ mấy cái hang đi!”

“Đám lính Hải Quan đang đến đấy!”.

Một người phụ nữ nức nở: “Roger Toms, Roger Toms...”

Bến cảng lại đầy người đi đi lại lại, lo lắng dõi mắt ra biển, hồi hả chạy tới lui. Lần này thì Jane tưởng như em có thể nhìn thấy những khuôn mặt trong đám đông nom giống những người Trewissick mà em biết: người nhà Penhallow, nhà Palk, nhà Hoover, nhà Tregarren, nhà Thomas, tất cả đều lo sợ, đều rối loạn, ném những cái nhìn hoảng hốt cả về phía biển lẫn đất liền. Họ dường như không thực sự tiếp xúc gì với nhau, họ như những người mộng du, như những người tuyệt vọng vật vờ trong cơn ác mộng. Và cả đám đông thét lên một tiếng lớn khi một bóng ma từ biển lao tới chỗ họ.

Nó không phải là một cảnh tượng khủng khiếp, nhưng nó lại khiến người ta thót tim hơn bất kỳ cảnh tượng nào. Đó là một con tàu: một con tàu đen, có mỗi một cột buồm dựng thẳng, phía sau có kéo một chiếc xuồng nhỏ. Lặng lẽ, đáng sợ, nó từ biển lướt vào bến cảng, gần như không chạm vào nước mà chỉ lướt trên mặt sóng. Trên tàu không có thủy thủ. Không có bóng dáng bất kỳ vật gì chuyển động trên những boong tàu đen ngòm. Và khi vào đến đất liền, nó không dừng lại, mà đi tiếp, lặng lẽ lướt qua bến cảng, qua những mái nhà và ngọn đồi, rời khỏi Trewissick, đi về phía vùng đồng hoang. Và như thế con tàu ma ấy đã kéo theo mọi dấu hiệu của sự sống cùng với nó, đám đông cũng biến mất.

Jane bỗng nhận ra là em đang bám chặt vào thành cửa sổ đến nỗi ngón tay đau nhói. Em đau khổ tự nhủ: thì ra ông muốn bọn mình đi ngủ là vì lý do này đây. An toàn và trống rỗng với một tấm chăn phủ lên trí óc, ông muốn bọn mình như vậy. Thế mà mình lại gặp phải nhiều cơn ác mộng hơn là mình nghĩ có thể gặp trong cùng một đêm, và cơn ác mộng kinh khủng nhất lại là mình vẫn đang còn thức...

Em lo sợ nhìn lại qua rèm cửa. Merriman và Will bước đến giữa cầu cảng. Một dáng người thứ ba, cũng mặc áo choàng và trùm mũ, đi từ phía bên kia



bến cảng đến chỗ họ. Vươn người đứng rất thẳng, mặt hướng về ngôi làng và những ngọn đồi, Merriman giơ hai tay lên không. Và mặc dù không thấy gì cả, nhưng dường như một làn sóng thịnh nộ khủng khiếp đã gầm thét tràn tới chỗ họ, chồm lên họ, từ ngôi làng Trewissick bị bóng tối ám ảnh.

Jane không còn chịu nổi nữa. Khẽ rên lên một tiếng khổ sở, em lao ngang qua phòng và chui vào giường. Em kéo chăn lên trùm kín đầu, và nằm đó run rẩy, ngọt ngào. Em không lo cho sự an toàn của chính mình; ông Merriman đã hứa với em rằng căn nhà đã được bảo vệ, và em tin ông. Em cũng không lo cho ba người đang ở dưới bến cảng; nếu họ có thể sống sót qua vô số những điều quái dị như vậy thì họ có thể sống sót qua bất kỳ cái gì khác. Nỗi sợ đang xâm chiếm Jane khác hẳn: đó là nỗi kinh hoàng khủng khiếp khi nghĩ đến một điều không hay biết, đến cái sức mạnh vô danh đang càn quét qua mặt đất và biển cả ngoài kia. Em chỉ muốn rúc vào một góc như một con thú, để tránh xa khỏi nó, để được an toàn. Vậy là em làm thế, và nhận thấy rằng, thật kỳ lạ, chính vì nỗi sợ ấy quá lớn và quá mơ hồ, nên nó cũng dễ dàng biến mất.

Dần dần Jane không run rẩy nữa, em thấy ấm hơn. Đôi tay đôi chân căng cứng của em thả lỏng ra; em bắt đầu thở chậm hơn và sâu hơn. Rồi em ngủ thiếp đi.

## CHƯƠNG MƯỜI MỘT

Dưới bến cảng, cùng với Will và Thuyền Trưởng Toms, hai dáng người tối sẫm đội mũ trùm đứng hai bên, Merriman giơ cao hai tay lên trong một cử chỉ nửa như cầu xin, nửa như ra lệnh, rồi bằng giọng trầm vang ông kêu lớn vào trong bóng tối đang bao trùm khắp Trewissick những lời thần chú của Mana, lời thần chú của Reck và lời thần chú của Lir.

Từ khắp mọi phía, cơn thịnh nộ kéo tới thốc vào họ như sóng biển, như cuồng phong với một sức mạnh vô hình.

“Không!” Phù Thủy Xanh hét lớn, khàn đặc vì giận dữ. “Không! Hãy để ta yên!”

“Hãy hiện hình, hỡi Phù Thủy Xanh!” Merriman gọi. “Những lời thần chú ra lệnh cho người phải hiện hình.”

“Lời thần chú chỉ có thể bắt ta hiện hình một lần mà thôi.” giọng nói gầm lên. “Và ta đã hiện hình từ biển lên, chúng đã ra lệnh cho ta và ta đã tới. Không thể ra lệnh cho ta nữa, không thể nữa!”

“Hãy hiện hình, hỡi Phù Thủy Xanh!” giọng nói rõ ràng của Will vang vọng xuyên qua bóng tối như một tia sáng. “Nữ Thần Trăng ra lệnh cho người phải nghe chúng ta. Tethys đã cho phép chúng ta gọi người tới, trước khi người rút vào đáy nước sâu.”

Sự giận dữ bao vây họ như sóng thủy triều. Sau lưng họ, biển gầm lên ào ào, dưới chân họ mặt đất đang rung lên. Nhưng rồi, mặc dù họ không nhìn thấy nó, sự hiện diện của Phù Thủy Xanh bỗng tràn ngập khắp không gian quanh họ, quẩn quại, tức tối.

Merriman nói, “Bí mật ấy không phải là của người, Phù Thủy Xanh. Người biết rằng người không nên giữ nó.”

“Ta đã tìm thấy nó. Ta tìm thấy nó dưới biển.”

“Nó đã không ở dưới biển nếu không vì một trận chiến giữa Ánh Sáng và Bóng Tối. Nó đã rơi xuống đó, và thất lạc.”

“Ta tìm thấy nó dưới biển, trong lãnh địa của mẹ ta.”

“Thôi nào, người bạn của ta” Thuyền Trưởng Toms dịu dàng nói bằng chất giọng Cornwall sang sảng của mình. “Người biết nó không thuộc về biển khơi, mà là một phần của một Pháp Vật.”

Phù Thủy Xanh đáp, “Ta không có người bạn nào cả. Chuyện xảy ra giữa Ánh Sáng và Bóng Tối không can hệ gì tới ta.”

“A” Merriman nói. “Người sẽ thấy rằng điều đó sẽ có can hệ đấy, nếu Bóng Tối nắm được trọn vẹn Pháp Vật này. Chúng đã có một nửa của nó, nửa kia chúng đang tìm cách giành lại từ tay người. Nếu chúng có được nó và có được quyền năng của toàn bộ Pháp Vật, thế giới loài người sẽ gặp phải rất nhiều nguy hiểm.”

Giọng nói xung quanh họ lùm bùm, “Loài người không liên quan gì tới...”.

“Loài người không liên quan gì tới ta, người định nói thế phải không?” giọng Will cắt ngang, nhẹ nhàng nhưng rõ ràng trong màn đêm. “Người tin là như vậy sao, hỡi Phù Thủy Xanh? Loài người liên quan rất nhiều đến người. Nếu không có họ, người sẽ không hiện hữu. Mỗi năm họ lại tạo nên người. Mỗi năm, họ lại ném người xuống biển. Nếu không có con người, Phù Thủy Xanh sẽ không bao giờ có mặt trên đời.”

“Chúng không tạo ra ta.” Giọng nói âm vang nghe thật cay đắng. “Chúng chỉ phục vụ cho bản thân mình, cho những nhu cầu của riêng chúng mà thôi. Chúng kết nên ta theo hình thù một sinh vật, nhưng chúng chỉ coi ta là một vật tể, không hơn không kém, cũng như trong thời xưa là một con gà trống, một con cừu, hay một con người vậy. Ta chỉ là một vật tể, hỡi các Cổ Nhân kia, không hơn. Nếu chúng nghĩ ta có sự sống trong mình thì chúng cũng sẽ giết ta như đã giết gà trống, cừu và người để đem lên hiến tế. Thay vào đó chúng kết nên ta, một hình người, từ cành lá. Chỉ là một trò chơi, một vật thay thế. Ta chỉ có được sự sống thật sự nhờ vào Nữ Thần Trắng, sự sống đủ để đưa ta xuống đáy nước sâu. Và cũng đã có một sự sống khác được đánh thức bên trong ta, bởi vì ta đã được gọi từ đáy biển lên đất liền, bởi,” giọng nói trở nên tự lự hơn, thoáng một chút xảo quyệt, “bởi Bóng Tối.”

“Hãy xua đuổi điều đó ra khỏi đầu óc người ngay,” Merriman lập tức nói. “Không có kẻ nào lại chỉ biết đến bản thân mình hơn là phe Bóng Tối. Hãn Tethys đã cho người biết như vậy.”

“Chỉ biết đến bản thân!” Sự cay đắng lại về trong giọng nói, càng sâu sắc hơn. “Tất cả các người đều chỉ biết bản thân mình mà thôi, Ánh Sáng, Bóng Tối, con người... Không có nơi nào dành cho Pháp Thuật Hoang Sơ ngoại trừ lãnh địa của riêng nó... không ai quan tâm... không ai quan tâm...”

Bất chấp cố gắng của họ, ba Cổ Nhân vẫn phải lao đảo lù lại khi sức mạnh của cơn thịnh nộ đột ngột dâng lên, và nỗi giận dữ của Phù Thủy Xanh nổi lên xung quanh họ như nhịp đập thành thịch của một con tim khổng lồ.

Loạng choạng, Merriman cố đứng thẳng lên, kéo chiếc áo choàng dài lại quanh mình, chiếc mũ trùm rơi xuống để lộ mái tóc bạc bù xù lấp lánh dưới ánh đèn. “Không có ai tỏ lòng quan tâm tới người sao, Phù Thủy Xanh? Không một ai sao?”

“Không ai cả!” Giọng nói khủng khiếp vang khắp ngôi làng, quanh dãy đồi, vang qua cả vùng đồng hoang phía sau, tựa như những tiếng sấm ở phía xa, nó vọng lại, vang rền. “Không một sinh vật nào! Không kẻ nào cả! Không... có... một... ai...” Sự dữ dội biến mất, tiếng sấm rền giảm đi. Suốt một hồi lâu họ lắng nghe tiếng biển động vỗ ầm ầm vào vách đá, nơi những con sóng bị chặn lại vỡ tan. Rồi Phù Thủy Xanh thì thầm, “Không ai cả ngoại trừ một người. Không ai cả ngoại trừ đứa trẻ đó.”

“Đứa trẻ đó ấy à?” Will buột miệng kêu lên. Trong câu hỏi của cậu có một thoáng ngờ ngợ ngây ngô, mới đầu cậu đã ngỡ Phù Thủy Xanh định nói đến cậu.

Merriman không để ý đến cậu và khẽ nói, “Đứa trẻ đã ước cho người một điều tốt lành.”

“Con bé đã có mặt trên mũi đất trong buổi lễ,” Phù Thủy Xanh nói. “Và nó đã được nghe kể về tục lệ cổ, rằng bất cứ ai chạm vào Phù Thủy Xanh trước khi nó bị ném xuống vực và ước một điều, thì điều ước đó sẽ trở thành hiện thực. Tức là nó có thể ước bất kỳ điều gì nó muốn.” Lần đầu tiên giọng nói trở nên ấm áp hơn. “Nó đã có thể ước bất kỳ điều gì, các Cổ Nhân ạ, thậm chí có thể ước cho cái phần của Pháp Vật đã bị mất trở về với các người.

Thế nhưng khi nó chạm vào ta, nó lại nhìn ta như thể ta là một con người, và nó nói, *‘Tôi ước gì người được hạnh phúc.’*”

Tiếng sấm khe khẽ tắt hẳn; khắp bến cảng im lìm, tràn đầy ký ức ấy đến độ như sắp vỡ.

“Tôi ước gì người được hạnh phúc.” Phù Thủy Xanh khe khẽ nói.

“VẬY là bạn ấy...” Will cất tiếng, rồi lại im, khi bàn tay Merriman chạm vào cánh tay cậu. Không gian xung quanh họ đang sáng lên, nhẹ nhàng, êm ả; trong đêm nay Trewissick sẽ phản chiếu lại mọi tâm trạng của Phù Thủy Xanh như một thấu kính hội tụ. Giọng nói âm vang đó đang khe khẽ thì thầm với chính mình, và Will thấy dường như mặt đất và biển cả mỗi lúc càng trở nên dịu dàng hơn.

Trong màn đêm xuân lờ mờ sáng, một giọng nói lạnh lùng bỗng vang lên, “Con bé ấy cũng chỉ biết đến bản thân mình thôi, chẳng khác gì những kẻ khác.”

Im lặng như tờ. Rồi từ bóng tối phía sau kè đá, tên họa sĩ bước ra, gã đàn ông thuộc thế lực Bóng Tối. Hẳn đứng trong quầng sáng vàng của một ngọn đèn đường, đối mặt với họ, một bóng đen thấp mập.

“Chỉ biết đến bản thân mình,” hắn nói với không khí. “Chỉ biết đến bản thân mình.” Rồi quay sang Merriman hắn nói, “Chính ta mới điều khiển được nó, chứ không phải là người. Những lời thần chú đã gọi nó từ dưới biển lên là của ta. Chỉ có ta mới ra lệnh được cho nó, chứ không phải là các người, các Cổ Nhân ạ.”

Will cảm thấy một tiếng rền trầm quanh họ, và thấy ánh sáng khe khẽ run rẩy một cách yếu ớt.

Merriman nói, “Đây không phải là thứ để ra lệnh, mà phải dùng đến sự dịu dàng. Những lời thần chú đã gọi nó từ biển lên giờ không còn tác dụng gì nữa.”

Gã họa sĩ cất tiếng cười khinh bỉ. Hắn quay ngoắt lại theo hình bán nguyệt, hai tay dang rộng. “Phù Thủy Xanh!” hắn kêu lớn. “Ta đã quay lại để đòi điều bí mật ấy. Ta cho người một cơ hội cuối cùng, trước khi cơn thịnh nộ của Bóng Tối giáng xuống đầu người!”

Tiếng rền dâng cao lên thành một tiếng gầm gừ vang dội, như một tràng sấm sét, rồi lại biến mất.

“Hãy cẩn thận,” Thuyền Trưởng Toms nói khẽ. “Hãy hết sức cẩn thận.”

Nhưng mệnh lệnh của gã đàn ông thuộc phe Bóng Tối giờ như băng giá; đó là cái giọng ngạo mạn, độc đoán lạnh lùng mà trong hàng bao nhiêu thế kỷ qua đã khiến con người phải quỳ mọp xuống quy phục một cách đốn hèn.

“Phù Thủy Xanh!” gã đàn ông thét vào màn đêm. “Hãy trao bí mật của người cho Bóng Tối! Hãy tuân lệnh ta! Bóng Tối đã kéo tới, và đây là lần cuối cùng, hỡi Phù Thủy Xanh! Thời khắc đã điếm!”

Will siết chặt năm đấm đến nỗi móng tay bấm vào lòng bàn tay cậu; ngay cả một Cổ Nhân cũng có thể cảm nhận được sức mạnh trong một mệnh lệnh như thế đang ăn sâu vào trí óc ra sao. Cậu nín thở quan sát, không ngừng tự hỏi, không biết sự thách thức như thế sẽ khiến Pháp Thuật Hoang Sơ, một quyền năng không thuộc về Ánh Sáng, Bóng Tối, cũng như con người, phản ứng ra sao.

Sự hung tợn trong ý chí của tên sứ giả Bóng Tối tràn ngập bầu không khí xung quanh họ, khiến đầu óc họ quay cuồng bối rối... và rồi, từ từ, kín đáo, tất cả bắt đầu thay đổi. Sức mạnh tràn ngập không gian ấy bỗng chùn lại, kín đáo biến trở lại thành tấm lưới bùa phép từng thống trị phần nhỏ bé này của thế gian kể từ khi Phù Thủy Xanh đánh ngã tên họa sĩ. Pháp Thuật Hoang Sơ đang chống lại mọi thách thức, bất khả chiến bại chẳng khác nào con Lợn Lò Trwyth (*Một con lợn lò trong chuyện thần thoại xứ Wales, có răng nanh đầy nọc độc đã giết chết nhiều anh hùng của Vua Arthur.*) Will hít một hơi thật sâu; cậu đã bắt đầu đoán được chuyện gì sắp xảy ra.

Đứng một mình trên cầu cảng, tên họa sĩ quay ngoắt lại, loạng choạng quờ vào không khí như thể đang tìm kiếm một thứ mà hẳn không trông thấy. Từ trong bóng tối, cao tít bên trên ngôi làng, một giọng trong trẻo kỳ dị kêu lên những câu giống như ban nãy:

*Thời khắc đã điểm, nhưng người chưa tới.*

*Thời khắc đã điểm, nhưng người chưa tới.*

*Thời khắc đã điểm, nhưng người chưa tới.*

Và trong sự im lặng theo sau những lời vang vọng ấy, một tiếng thì thầm nổi lên, tiếng râm ran của vô số giọng nói, thì thào, kêu gọi: Roger Toms! Roger Toms! Những bóng đen tràn vào bến cảng, từ khắp mọi phía, mọi linh hồn và bóng ma trong đêm ma quái duy nhất đó: tất cả dân làng Trewissick trong quá khứ, từ mọi thế kỷ mà ngôi làng nhỏ bên biển đã trải qua, giờ đều tụ họp về đây tại một điểm đen thời gian. Roger Toms! Roger Toms! họ gọi, mới đầu còn khe khẽ, rồi dần dần to hơn, to hơn. Đó vừa là một tiếng gọi vừa là một lời kết tội và phán xử, và nó rì rầm vang lên không ngừng khắp bến cảng và trên mặt biển.

Lặng lẽ, kín đáo, ba Cổ Nhân kéo mũ lên trùm kín đầu và cùng nhau bước đến một bên bến cảng, dưới bóng bức tường, và ẩn mình tại đó.

Đứng chơ vơ ở giữa cầu cảng ngoài kia, tên họa sĩ của phe Bóng Tối chậm chạp quay một vòng, không tin nổi vào tai, vào mắt mình nữa khi hẳn nhìn và lắng nghe quá khứ đổ dồn lên hẳn, tưởng hẳn chính là nỗi nhục đời đời của họ. Bằng một nỗ lực vô cùng, hẳn vung hai tay lên, yếu ớt khua vào không khí.

Nhưng hẳn không thể xua đi nỗi cơn thịnh nộ phi lý mà Pháp Thuật Hoang Sơ đã giáng lên ngôi làng, để bắt kẻ tấn công nó phải chịu trận. “Roger Toms! Roger Toms!” những giọng nói thét lên giận dữ, mạnh mẽ hơn, gay gắt hơn.

Tên họa sĩ thét vào màn đêm, “Tôi không phải là ông ta! Các người nhầm rồi!”

“Roger Toms!” một tiếng kêu đặc thảng vang lên.

“Không! Không!”

Giờ họ đã vây lấy hắn, kêu la, gầm thét, chỉ trỏ, cũng như những người dân làng ở hiện tại đã vây quanh, hò la và xô đẩy Phù Thủy Xanh khi nó vừa được kết xong để đem ném xuống vách đá.

Và từ trong bóng đêm, bên trên những mái nhà của làng Trewissick, từ vùng đồng hoang tối thẫm trong đất liền, con tàu ma của Cornwall lại lướt tới, con tàu chỉ có một cột buồm dựng thẳng, kéo theo sau một chiếc xuồng nhỏ, con tàu từng hiện ra trên mặt biển lúc nửa đêm giữa những bóng ma. Nó lặng lẽ lướt qua bên trên những ngôi nhà, những con đường và rìa kè đá, và lần này nó không trống trơn nữa, mà có chở một người đứng ở chỗ bánh lái. Người đàn ông bị chết đuối, ướm sưng và chăm chú, mà Jane đã thấy đi từ dưới biển lên, đang đứng cao bên trên boong tàu, tay cầm bánh lái điều khiển con tàu ma đen sì của ông ta, không hề liếc nhìn sang phải hay sang trái. Và với một tiếng thét mừng rỡ, đám đông những bóng ma tràn lên tàu, kéo theo tên họa sĩ đang giẫy giụa.

"Roger Toms! Roger Toms!"

“Không!”

Những cánh buồm ma phồng lên nhờ một ngọn gió mà không người sống nào cảm thấy nổi, và con tàu lướt đi, lướt ra biển, lướt về phía màn đêm, và trên cầu cảng Trewissick chỉ còn lại ba Cổ Nhân.

\*\*\*

Mới đầu Jane ngủ rất say, nhưng đến nửa chừng thì những giấc mơ bắt đầu xuyên qua màn đêm, len lỏi vào giấc ngủ của em. Em nhìn thấy tên họa sĩ đang ngồi vẽ; em lại nhìn thấy những hình ảnh đáng sợ mà em đã trông thấy từ cửa sổ phòng mình trong đêm đó. Em mơ thấy Roger Toms và những



người buôn lậu, với con tàu mang tên Xổ Số đang chạy trốn khỏi đám lính Hải Quan và những tiếng súng nổ vang giữa hai bên, và trong giấc mơ của em tàu Xổ Số biến thành con tàu ma đen sì nọ, con tàu đã vút lên khỏi biển và lướt ngang qua mặt đất một cách không thể tưởng tượng nổi.

Em nghĩ rằng trong lúc trở mình trong giấc ngủ, em đã nghe thấy những giọng nói kêu lên Roger Toms! Roger Toms! Và rồi khi chúng dần biến đi, thì Phù Thủy Xanh xuất hiện trong giấc mơ của em. Em không thể nhìn rõ nó như em đã thấy trong giấc mơ lần trước, lần này nó rất mờ lung, chỉ là một giọng nói bị nhấn chìm trong màn đêm. Nó đang rất buồn. Tội nghiệp, Jane nghĩ thầm, lúc nào nó cũng buồn bã như vậy.

Em hỏi, “Phù Thủy Xanh, những cảnh kinh khủng kia là gì vậy?”.

“Đó là Pháp Thuật Hoang Sơ” Phù Thủy Xanh rầu rầu đáp trong giấc mơ của em. “Nó bao vây trí óc của con người bằng cách đó, gọi tới tất cả những nỗi kinh hoàng mà họ, hoặc tổ tiên cha ông họ đã từng trải qua. Tất cả những bóng ma của Cornwall, những gì mà con người ở đây vẫn luôn khiếp sợ, chúng là như vậy đấy.”

“Nhưng tại sao lại là đêm nay?” Jane nói.

Phù Thủy Xanh thở dài, một tiếng thở dài nghe như giông tố trên biển. “Bởi vì ta đang tức giận. Ta chưa bao giờ nổi giận, nhưng kẻ thuộc phe Bóng Tối kia đã khiến ta giận dữ. Và khi cơn thịnh nộ của những kẻ thuộc về Pháp Thuật Hoang Sơ nổ ra thì đó là một điều không lấy gì làm tốt đẹp. Ngôi làng đã phải chịu đựng nó, ngôi làng đã bị ma ám...”

“Nhưng giờ thì tất cả đã kết thúc chưa?”

“Giờ thì tất cả đã qua rồi.” Phù Thủy Xanh lại thở dài. “Pháp Thuật Hoang Sơ đã mang kẻ thuộc phe Bóng Tối đi. Hẳn là tên sứ giả của Bóng Tối. Hẳn chỉ có một mình, định tìm cách đánh lừa các chủ nhân của mình, Vậy là chúng đã không bảo vệ hẳn, và vậy là Pháp Thuật Hoang Sơ đã đưa hẳn tới vùng Ngoại Thời Gian, nơi hẳn không bao giờ có thể trở về được...”

Jane kêu lên, “Nhưng hẳn có chiếc chén Thánh! Còn chiếc chén Thánh thì sao?”

“Ta không biết chén Thánh nào cả.” Phù Thủy Xanh dừng dừng đáp. “Chén Thánh là cái gì?”

“Không quan trọng” Jane cố gắng đáp. “Cuối cùng thì hẳn có lấy được bí mật của người không? Người có trao nó cho hẳn không?”

“Nó là của ta” Phù Thủy Xanh nói ngay. “Ta đã tìm thấy nó. Và giờ thì không ai cho phép ta giữ nó cả.”

“Người có trao nó cho phe Bóng Tối không?”

“Không.”

“Tạ ơn trời đất,” Jane nói. “Nó thật sự rất quan trọng, Phù Thủy Xanh ạ. Đối với phe Ánh Sáng, đối với tất cả mọi người. Đối với những người đã tạo nên người, với hai anh em của tôi và tôi, với tất cả chúng ta.”

Phù Thủy Xanh nói, “Với người ư?” Giọng nói u sầu âm vang của nó vọng lại xung quanh em như tiếng sóng âm ầm ầm trong một cái hang. “Bí mật của ta quan trọng đối với người ư?”

“Tất nhiên rồi.”

“Thế thì đây,” giọng nói âm vang ấy bảo. “Cầm lấy nó đi.”

Sau này Jane không thể nhớ nổi lúc đó trong giấc mơ em đang làm gì: đứng hay ngồi hay nằm, trong nhà hay ngoài trời, giữa ban ngày hay trong đêm tối, dưới biển khơi hay trên núi đá. Em chỉ nhớ được cảm giác sung sướng kinh ngạc trào dâng trong mình. “Phù Thủy Xanh! Người sẽ trao bí mật của mình cho tôi ư?”

“Đây,” giọng nói lại bảo, và trong tay Jane hiện lên cái hộp chì nhỏ méo mó đã rơi xuống biển vào phút cuối của cuộc hành trình giành chén Thánh... cái hộp chì chứa đựng trong nó bản viết cổ duy nhất có thể làm sáng tỏ bí mật của chiếc chén.

“Hãy cầm lấy nó,” Phù Thủy Xanh nói. “Người đã ước một điều cho ta, chứ không cho bản thân mình. Chưa từng có ai làm thế bao giờ. Để đổi lại, ta trao cho người bí mật của ta.”

“Cảm ơn người,” Jane thì thầm nói. Xung quanh em tối đen; dường như trên toàn thế giới không có gì khác ngoài bản thân em, đứng đó trong hư vô, cùng với giọng nói kỳ quái của sinh vật kỳ lạ hoang dại này, một sinh vật của biển cả nhưng lại được kết bằng những cành lá của mặt đất. “Xin cảm ơn người, Phù Thủy Xanh. Tôi sẽ tìm cho người một bí mật khác hay hơn để thay thế.” Một hình ảnh bỗng loé lên trong đầu em. “Tôi sẽ đặt nó vào cùng chỗ nơi người đã tìm thấy vật này.”

“Đã quá muộn,” giọng nói âm vang buồn bã nói. “Đã quá muộn rồi...” Nó âm âm vang vọng lại và nhỏ dần đi. “Giờ ta phải đến với mẹ ta, ở dưới đáy nước sâu.” Những tiếng vọng biến mất vào bóng tối, chỉ còn vương vấn lại một lời thì thầm cuối cùng. “Quá muộn rồi... quá muộn rồi...”

“Phù Thủy Xanh!” Jane đau khổ kêu lên. “Hãy quay lại đi! Quay lại đi!” Em mò mẫm lao vào bóng tối, bắt lực vươn tay ra quờ quạng. “Quay lại đi!”

Đúng lúc đó thì giấc mơ tan biến, và em thức dậy.

Em thức dậy trong căn phòng nhỏ sơn màu trắng sáng rực ánh mặt trời, vui tươi như chính những tấm rèm cửa vàng rực rỡ trên cửa sổ, và tấm chăn vàng kéo lên ngang cằm em trên giường. Những tấm rèm khế đu đưa trong làn gió nhẹ thổi vào qua ô cửa mà đêm qua em đã để hé mở. Và trong bàn tay nắm chặt của Jane là một cái hộp chì nhỏ méo mó, loáng thoáng những vệt xanh, tựa như một hòn đá đã nằm dưới biển quá lâu.

## CHƯƠNG MƯỜI HAI

Đầu tóc còn rối bù vì mới ngủ dậy, mặc nguyên những bộ quần áo ngủ nhàu nát lôi thôi, bọn trẻ chẳng câu nệ gì, cứ thế lao thẳng vào phòng ngủ của Merriman.

“Ông đâu rồi?”

“Thử xuống dưới nhà xem. Đi nào!”

Merriman và Will, nom như thể đã thức dậy và mặc quần áo chỉnh tề từ mấy tiếng trước, đang bình thản ngồi ăn sáng trong căn phòng khách dài trần thấp. Khi Simon, Jane và Barney xông vào phòng, Merriman hạ tờ báo to kêu sột soạt xuống và nhìn chúng qua cặp mắt kính gọng vàng đang nằm chênh vênh một cách đáng ngạc nhiên trên cái sống mũi khoằm của ông.

Ông nhìn thấy cái ống chì méo mó mà Jane không nói một lời chìa ra cho ông, và kêu lên, “A.”

Will bỏ mẫu bánh mì nướng đang ăn dở xuống, một nụ cười tươi tắn nở ra trên khuôn mặt tròn của cậu. “Giỏi lắm, Jane,” cậu nói.

Jane nói, “Nhưng tớ chẳng làm gì cả. Nó chỉ... nó chỉ tự nhiên xuất hiện thôi.”

“Cậu đã ước một điều còn gì” Will bảo. Cô bé trở mắt nhìn cậu.

“Chúng ta mở nó ra được chưa ạ?” Barney sốt ruột hỏi. “Mở đi, ông Gumerry.”

“Ờ” Merriman nói. Ông đón lấy cái hộp chì nhỏ từ tay Jane và đặt nó lên bàn, cặp mắt tối sẫm lấp lánh trên khuôn mặt đầy nếp nhăn. “Được rồi.”

Jane vẫn đang nhìn không chớp mắt, từ Will sang Ông Merry. “Ông biết là cháu có nó. Ông đã biết trước.”

“Ông và mọi người đã hy vọng là thế,” Merriman khẽ nói.

Simon đặt một ngón tay lên cái hộp như thể đang cầu nguyện. “Nó đã nằm dưới biển bao nhiêu lâu. Nhìn này, nó dính toàn rong rêu thôi... liệu nước có ngấm vào trong không nhỉ? Nếu có thì là do lỗi của anh, từ hè năm ngoái. Anh đã mở nó ra một lần, để xem bên trong có gì, và rồi lại đóng lại. Thử tưởng tượng xem, lỗ bản viết bên trong đã bị hỏng cả rồi thì sao, lỗ anh đóng nắp hộp không đủ chặt...”

“Anh thôi đi,” Jane bảo.

Merriman cầm chiếc hộp lên bằng những ngón tay dài dẻo dai, rồi ông nhẹ nhàng xoay và giật mạnh cái ống kim loại màu xám bám đầy rêu xanh cho đến khi đột nhiên một đầu tuột ra trong tay ông tựa như một cái nắp. Bên trong, thò ra từ trong phần ống dài hơn là một cuộn giấy da dày nom như ngón tay trở.

“Nó không sao cả!” Simon kêu lên, giọng khàn đặc. Nó vội vã đặng hăng và vươn thẳng vai lên, nhưng thật khó mà tỏ ra đỉnh đạc trong bộ quần áo ngủ.

Barney vòng hai tay ôm lấy người, nhún nhảy vì sốt ruột. “Trên đó viết gì ạ? Trên đó viết gì ạ?”.

Rất chậm rãi, và cực kỳ cẩn thận, Merriman lôi bản viết cổ được cuộn tròn trong cái ống chì nhỏ ra. Ông vừa nhẹ nhàng trải nó ra trên bàn, dùng bàn tay to chặn một đầu lại, vừa nói, “Chúng ta chỉ có thể làm thế này nhiều lắm là hai lần thôi, nếu không thì nó sẽ vụn ra thành bụi mất. Đây là lần thứ nhất rồi.”

Những ngón tay dài của ông giữ cho tấm giấy da nâu nứt rạn mở ra trên tấm khăn trải bàn trắng. Trên tấm giấy là hai mảng dày đặc những ký hiệu màu đen. Bọn trẻ trở mắt nhìn, sự chán nản và kinh hoàng thay phiên nhau hiện lên trên mặt chúng.

“Nhưng nó chẳng viết gì cả! Đây chẳng phải là thứ tiếng gì hết!”

“Chỉ toàn những dấu vớ vẩn thôi!”

Jane chậm rãi hỏi, thận trọng hơn, “Những chữ này nghĩa là gì hở ông Gumerry? Liệu có bảng chữ cái nào như vậy không ạ?”.

Em tuyệt vọng nhìn những dải ký hiệu đen: nét thẳng, nét xéo, có nét đứng một mình, có những nét lại gom lại thành nhóm, như những đường nguệch ngoạc lộn xộn của một người điên.

“Có,” ông Merriman đáp. “Có đấy.” Ông nhấc tay lên cho bản viết cổ tự cuộn lại, và Will, từ nãy đến giờ vẫn đứng ngó qua vai ông, lặng lẽ quay trở về ghế ngồi. “Có một bảng chữ cái rất cổ gọi là chữ Ogham, không dùng được cho cách viết của chúng ta... đây là một loại chữ như vậy. Nhưng đây vẫn chỉ là một dạng bán ký tự, một mật mã mà thôi. Hãy nhớ rằng nó không có nghĩa gì cả cho đến khi chúng ta có được chiếc chén Thánh... nó được viết để đi kèm với những dòng chạm khắc trên chiếc chén, lúc đó thì ý nghĩa của nó mới trở nên rõ ràng. Cái này sẽ giải mã cái kia.”

Barney rên lên, “Nhưng chúng ta không có chiếc chén!”

“Phe Bóng Tối,” Simon cay cú nói. “Tên họa sĩ đó.” Rồi nó đứng thẳng lên, mặt tràn đầy một nỗi hy vọng điên cuồng. “Nhưng chúng ta có thể lấy lại nó, chúng ta có thể đến lấy nó từ căn nhà lưu động của hắn. Họ đã đưa hắn tới...” .

“Chào buổi sáng! Chào buổi sáng!” bà Penhallow hối hả bước vào mang theo một cái khay. “Bác nghe thấy tiếng các cháu, cứng à, lên bác đem bữa sáng vào đây.”

“Hết sảy!” Barney reo lên ngay.

Rất nhẹ nhàng, ông Merriman đặt tờ báo phủ lên trên bản viết và cái hộp đựng nó.

“Ồ” Jane nói, kéo lại tấm áo choàng ngủ nhàu nhĩ mãi không được. “Chúng cháu vẫn chưa thay đồ, nhưng cảm ơn bác.”

“Ôi giờ, đi nghỉ thì ai bận tâm đến mấy cái đấy mà nằm gì? Giờ thì các cháu cứ ăn uống đi cho thỏa thích, còn bác sẽ đi nên dọn phòng.” Sau khi đặt chiếc khay xuống, bà chạy về bếp, rồi lại xuất hiện mang theo chổi và khăn lau bụi. Khi thấy bà đã bước lên mấy bậc thang kéo kẹt đằng sau cánh cửa nối giữa hai căn nhà rồi, Simon liền thở phào một hơi và lại tuôn ra một tràng, vừa căng thẳng vừa phẫn khích.

“Họ đã đưa hần tới bệnh viện rồi, vì thế chúng ta có thể đi đến chỗ căn nhà lưu động, hần sẽ không có ở đó! Hần...”

Will vội nghiêng rặng suýt một tiếng, giơ tay lên ngăn nó lại. Đằng sau cánh cửa dẫn từ căn nhà bên kia vào phòng có tiếng lục đục và tiếng người lầm bầm, rồi ông Bill Stanton xuất hiện, vừa ngáp dài vừa chớp chớp mắt và thắt lại dải dây lưng của chiếc áo choàng mặc trong nhà kỳ cục có kẻ sọc như loại ghế xếp trên boong tàu. Ông nhìn lũ trẻ nhà Drew và đưa tay lên miệng để che cái ngáp cuối cùng. “Ờ,” ông nói. “Bác rất mừng khi thấy ít ra còn có người ăn mặc giống bác.”

Simon ngồi phịch xuống ghế và bắt đầu cắt lấy cắt để mấy miếng bánh mì.

Barney nói, “Tối qua bác ôn cả chứ ạ, bác Stanton?”

Ông bác của Will rên lên. “Thôi đừng hỏi bác nữa. Thật là một buổi tối quái gở! Cái gã điên khùng mà hai bác đang chờ tới bệnh viện đã bỏ chạy.”

“Bỏ chạy ấy ạ?” Trong phòng bỗng lặng ngắt.

Ông Stanton ngồi xuống và thềm thường với lấy ấm trà. “Bác hy vọng là anh ta không sao,” ông nói. “Nhưng anh ta đã gây cho hai bác nhiều phiền phức lắm. Anh ta cứ nằm im thín thít ở ghế sau ấy, bác cứ tưởng chắc chắn là anh ta vẫn còn bất tỉnh nhân sự. Im re. Rồi khi đi được khoảng nửa đường đến St Austell, đến một đoạn đường rất vắng vẻ thì có cái gì đó xông ra trước mũi xe, và bác tông phải nó.” Ông uống cạn một hơi trà, và thở phào vẻ biết ơn. “Vậy là bác dừng lại rồi chạy ra ngoài xem sao. Ý bác là, không nên để một con vật bị thương nằm đó, phải không nào? Và khi bác đang ở ngoài trời tối thì anh chàng đó ở ghế sau bỗng bật dậy, mở cửa bên và chạy ra ngoài cánh đồng trước khi Frannie kịp hiểu là có chuyện gì”.

“Nhưng hần bị thương mà.” Jane nói. “Hần vẫn chạy được ạ?”

“Chạy nhanh như thỏ rừng ấy,” ông Staton nói, vuốt ngược dải tóc lơ phơ trên cái đầu hói của ông. “Hai bác nghe thấy tiếng anh ta chạy lục đục, chắc là lao qua các hàng rào. Hai bác đi tìm anh ta một hồi lâu, nhưng lại không

có đèn đóm gì, mà ở ngoài trời tối lúc thời tiết xấu thì cũng chẳng dễ chịu gì. Thế là cuối cùng hai bác lái xe tới St Austell và báo cảnh sát chuyện xảy ra. Bác Fran nghĩ hai bác nên làm vậy, sau khi đã nhờ Thuyền Trưởng Toms báo cho ông cảnh sát ở Trewissick. Nhưng hóa ra là ông ấy chẳng báo gì hết, phải không Merry?”

“Chúng tôi đã cố,” Merriman ôn tồn đáp. “Nhưng ông cảnh sát Tregear không có mặt ở làng.”

“Ồ, mấy người ở sở cảnh sát St Austell tưởng chúng tôi bị hâm,” ông Stanton nói, “mà có lẽ họ nghĩ thế cũng phải. Cuối cùng chúng tôi quay về đây. Rất muộn.” Ông uống thêm một ít trà nữa, và lại thở dài. “Tôi là người gốc Anh thật đấy,” ông rầu rĩ nói, “nhưng tôi ước gì thỉnh thoảng bà Penhallow tốt bụng của chúng ta lại pha cà phê cho bữa sáng.”

“Thế bác đã tông phải con gì ạ?” Barney hỏi.

“Hai bác chưa kịp nhìn thấy gì cả. Bác đoán là một con mèo. Nom nó hơi to hơn một chút... có lẽ là một con lửng cũng nên. Sau khi tìm kiếm khắp nơi rồi thì,” ông bật cười, “hai bác nghĩ rằng đó chỉ là một con ma nào đó của Cornwall thôi.”

“Ồ,” Jane khẽ kêu lên.

“Thôi, nói thế đủ rồi,” ông Stanton nói. “Chúng ta đều làm trọn phận sự của những con người bác ái, và bác đoán là anh chàng đó vẫn ổn cả và đang ở đâu đó thôi. Này, hôm nay là ngày cuối cùng của các cháu ở đây phải không? Có vẻ sẽ rất thú vị đấy. Frannie đang nghĩ xem chúng ta có thể đưa tất cả đi dã ngoại ở bãi biển lớn phía bên kia Mũi Kemare được không.”

“Thế thì tuyệt lắm.” Merriman nói ngay, trước khi chúng kịp phản ứng. “Đợi đến cuối buổi sáng nay được không? Có một thứ này tôi muốn chỉ cho bọn trẻ xem trước.”

“Được thôi. Tôi cũng cần thêm chút thời gian để hồi lại được sau đêm qua. Tôi nghĩ hình như Fran còn chưa dậy cơ.”



“Ông định chỉ cho chúng cháu xem cái gì ạ, ông Gumerry?” Jane hỏi vì lịch sự nhiều hơn là thích thú.

“Ồ,” Merriman đáp. “Chỉ là một cái trang trại cũ thôi mà.”

\* \* \*

Họ đi xuyên qua làng trên chiếc ô tô to tướng xóc nảy người của Merriman: Jane và Thuyền Trưởng Toms ở ghế trước, mấy đứa con trai ngồi ở ghế sau với con Rufus đang sung sướng ngo nguậy không yên. Tất cả các cửa sổ xe đều mở, không có một chút hơi gió nào, và mặt trời đã lên khá cao, hứa hẹn một ngày xuân nóng nực bất thường.

Simon nói, “Nhưng hăn sẽ rình sẵn ở đó đợi chúng ta! Chắc chắn là vậy, vì thế hăn mới bỏ chạy! Ông Gumerry, làm sao mà chúng ta có thể ngang nhiên lái xe đến đó được cơ chứ?”

Sự lo lắng cuống cuồng đang dâng cao trong giọng nói của nó; Will nhìn nó vẻ thông cảm, nhưng không nói gì.

Cuối cùng Merriman đáp mà không quay đầu lại, “Gã đàn ông đến từ phe Bóng Tối sẽ không thể cản trở chúng ta được nữa đâu, Simon ạ.”

Simon hỏi, “Sao lại không ạ?”

Barney thì hỏi, “Sao ông biết?”

“Hăn đã cố thử thêm một lần nữa để thách thức quyền lực của Phù Thủy Xanh, và đã đi quá đà.” Merriman nói, vòng xe qua một khúc quanh. “Và Pháp Thuật Hoang Sơ, pháp thuật điều khiển được Phù Thủy Xanh, đã lôi hăn đi.” Ông lặng im, sự lặng im mà chúng biết có nghĩa là không được hỏi han gì thêm nữa.

“Đêm qua ạ” Simon nói.

“Phải” Merriman đáp. Jane liếc sang nét mặt trông nghiêm khắc khổ như một con diều hâu của ông, trong một thoáng lạnh người bản khoản không biết chính xác đã có chuyện gì xảy ra với tên họa sĩ của phe Bóng Tối, và

rồi, khi nhớ lại những gì mình đã nhìn thấy thì em lấy làm mừng là mình không biết.

Và trước khi chúng kịp nhận ra mình đã đi một quãng đường khá dài thì chiếc xe to rẽ khỏi con đường chính và đi vào một lối mòn hẹp đâm sang bên, với vòm lá rủ thấp che kín trên đầu, đi qua một tấm biển đề: TRANG TRẠI PENTREATH.

Simon lo ngại hỏi, “Chúng ta có nên xuống đi bộ không ạ?”

Cố tình hiểu nhầm lời nó, ông Merriman ung dung khoát tay.

“Ồ, không, cháu đừng lo, trong đời nó cái xe cà tàng này đã phải chịu nhiều đoạn xóc tệ hơn thế này ấy chứ.”

Simon cố nén nỗi lo sợ của mình. Nó nhìn chăm chăm ra ngoài cửa sổ về phía những dải cỏ xanh và những thân cây mọc dày; nhìn những cành lá rậm rạp quét qua cửa sổ xe. Một cách vô thức nó siết chặt hai tay lại với nhau khi họ tiến lại khúc quanh cuối cùng trước khi nhìn thấy căn nhà lưu động của tên họa sĩ, và khi chiếc xe đánh sang bên nó càng nắm chặt tay hơn và phải cố gắng mình không nhắm nghiền mắt lại.

Và khi sợ sệt hé mắt nhìn ra cánh đồng rải rác những bụi cây xanh, nó thấy căn nhà lưu động không còn đó nữa.

“Dừng lại một lát đã,” nó nói, giọng the thé nghe thật lạ. Ông Merriman đỗ xe lại mà không hề thắc mắc, và Simon loạng choạng xuống xe, cùng với Barney theo sát phía sau. Hai đứa vội vã chạy đến chỗ mà chúng biết rất rõ là nơi căn nhà lưu động kiểu di gan trắng lẹ đã từng đứng; nơi con ngựa đã đứng biếng nhác gặm cỏ; nơi gã đàn ông thuộc phe Bóng Tối đã sử dụng trí óc của Barney cho những mục đích riêng của hắn. Chẳng có dấu hiệu gì cho thấy có bất kỳ người nào hay vật gì ở đó từ nhiều tháng nay. Không một cọng cỏ bị uốn gập, không một cành cây bị dập nát. Rufus, vốn đã nhảy ra khỏi xe sau chúng, bồn chồn chạy đi chạy lại, mũi dí xuống đất, đánh hơi mấy vòng xung quanh mà không thấy gì. Rồi nó dừng lại; ngẩng lên, lắc đầu

sang hai bên theo một cách kỳ lạ không giống chó chút nào mà như một người đang bị ù tai, rồi chạy vụt tới khúc quanh tiếp theo.

“Rufus!” Simon gọi. “Rufus!”

“Cháu cứ kệ nó,” Thuyền Trưởng Toms từ trong xe nói vọng ra. “Cháu quay lại đây đi, chúng ta sẽ đi theo nó.”

Chiếc xe lại nổ máy xuôi theo con đường, họ vòng qua khúc quanh cuối cùng và đi tới đối mặt với trang trại.

Căn nhà thấp màu xám dường như còn đổ nát hơn cả những gì Simon còn nhớ. Giờ nó ngấm kỹ hơn những thanh gỗ đóng thành hình chữ thập trên cửa trước; ngấm những dây leo mới bò lên cửa sổ mà không hề bị chặn lại; ngấm những ô cửa sổ đầy đó, đen ngòm và lởm chởm như một hàm răng thiếu đi vài cái. Một lớp cỏ cao xanh mượt mới mọc lên xung quanh những thứ nông cụ rỉ sét bị bỏ lại trên sân: một cái cày cũ chỉ còn lại bộ khung, một cái bừa, phần còn lại của một chiếc máy kéo cũ đã mất bộ bánh xe khổng lồ. Trong cái chuồng lợn bỏ hoang, cây tầm ma vươn lên cao vút, rậm rạp. Đâu đó đằng sau căn nhà trang trại, Rufus sủa văng lên, và một đàn bồ câu giạt mình bay vụt lên không. Cây cỏ đang mọc tỏa ra một mùi ngai ngái.

Thuyền Trưởng Toms khẽ nói, “Thiên nhiên đang kéo đến xâm chiếm Trang Trại Pentreath rồi, nhanh quá.”

Merriman đứng ở giữa sân, bối rối nhìn quanh mình. Những nếp nhăn trên mặt ông dường như càng hằn sâu hơn. Thuyền Trưởng Toms tựa người vào chiếc xe, mắt nhìn cái trang trại không dứt, một tay lơ đãng dùng cây gậy chống vạch lên nền đất ẩm những đường nét vu vơ.

Will ghé mắt vào một trong những ô cửa sổ phía trước của trang trại, cố căng mắt nhìn xuyên qua bóng tối. “Cháu nghĩ là chúng ta nên đi vào trong xem sao,” cậu nói, nhưng không có vẻ tự tin lắm.

“Tớ không nghĩ thế đâu.” Simon nói. Nó đến đứng bên cạnh Will, và lần này giữa hai đứa không còn căng thẳng nữa, mà chỉ cùng nghiên ngẫm một vấn

đề chung. “Vì một lý do gì đó, tớ dám chắc là tên họa sĩ không bao giờ đi vào trong. Trông nó rõ ràng là không hề bị ai động vào kể từ lần trước. Có vẻ như hắn chỉ ở một mình trong căn nhà lưu động thôi thì phải. Hắn thuộc loại người thích riêng biệt.”

“Đúng là rất riêng biệt.” Giọng nói trầm trầm của Merriman vang qua sân đến chỗ chúng. “Một kẻ kỳ lạ thuộc phe Bóng Tối, được cử đi chỉ với nhiệm vụ ăn cắp chiếc chén Thánh và giấu nó đi. Chúng đã chọn đúng lúc, bởi vì khi ấy chúng ta đang mất cảnh giác, ngỡ rằng chúng quá bận rộn liếm cho lành vết thương sau khi bị đánh bại thảm hại đến vậy... Nhưng tên sứ giả của Bóng Tối ấy đã sẵn sàng phản bội lại các chủ nhân của hắn, hắn có những ý tưởng táo bạo hơn nhiều. Hắn biết những lời đồn đại về bản viết cổ, và tưởng rằng mình có thể bí mật đoạt lấy nó cho bản thân, để ghép trọn vẹn một Pháp Vật, và dùng nó làm một thứ tối hậu thư để biến mình thành chúa tể vĩ đại của phe Bóng Tối.”

Jane hỏi, “Nhưng chẳng lẽ chúng không biết hắn đang định âm mưu gì ạ?”

“Chúng không chờ đợi hắn hoàn thành vượt mức nhiệm vụ của mình” Merriman đáp. “Chúng biết rõ, có lẽ còn rõ hơn cả chính bản thân hắn, về số phận vô vọng đang chờ đợi bất kỳ kẻ nào dám liều lĩnh lao vào một cuộc hành trình như vậy. Ông và mọi người tin rằng chúng không theo dõi hắn, mà chỉ đợi hắn quay về thôi.”

“Đúng là thế lực Bóng Tối đã bận rộn trong một thời gian,” Thuyền Trưởng Toms tiếp lời. “Chúng phải sửa chữa một số thiệt hại do những gì xảy ra vào giữa mùa đông năm ngoái. Chúng sẽ không lộ diện nhiều đâu, cho đến thời khắc chúng định làm một cuộc nổi dậy lớn nữa.”

Simon chậm rãi nói, “Có lẽ đó là cái mà tên họa sĩ định nói tới khi hỏi Barney, Ta có bị quan sát không? Mọi người có nhớ không? Cháu cứ tưởng hắn đang nói về mọi người, nhưng chắc hẳn hắn đang nói tới những chủ nhân của hắn.”

“Barney đâu rồi?” Will hỏi, đưa mắt nhìn quanh. “Barney? Barney ơ!”

Một tiếng kêu lúng túng không nghe rõ vang lên đâu đó phía bên kia ngôi nhà.

“Ôi trời ơi,” Jane nói. “Giờ thì nó lại định giở trò gì nữa đây?”

Bọn trẻ vội chạy về phía có tiếng kêu, Merriman và Thuyền Trưởng Toms theo sau chậm rãi hơn. Một mớ rậm rạp toàn cỏ dại, tầm ma và mâm xôi mọc lộn xộn ở bên cạnh căn nhà cũ, và khắp quanh những gian nhà phụ ở đằng xa.

“Ui!” Barney hét lên đâu đó bên trong bụi rậm. “Em bị gai đâm rồi!”

“Em đang làm cái quái gì thế?”

“Em tìm con Rufus.”

Chúng nghe thấy một tiếng sủa như bị bịt lại; hình như nó phát ra từ một trong hai căn nhà phụ ở xa hơn, một nhà kho cũ bằng đá, mái đã đổ xuống một nửa trông rất nguy hiểm.

“Ui!” Barney lại la lên. “Cẩn thận đám tầm ma đấy, gai sắc lắm... Rufus cứ sủa mà không chui ra, em đoán là nó bị kẹt rồi. Nó chạy đường này.”

Thuyền Trưởng Toms tập tễnh bước tới. “Rufus!” ông gọi rất to và nghiêm khắc. “Ra đây! Ra đây ngay!”

Thêm nhiều tiếng sủa dữ dội nghèn nghẹt nữa phát ra từ cái nhà kho xiêu vẹo, kết thúc bằng một tiếng rên rĩ khụt khịt.

Thuyền Trưởng Toms thở dài và giật giật chòm râu bạc. “Con chó ngu ngốc,” ông nói. “Các cháu tránh ra một phút. Cẩn thận nhé, Barney.” Ông vung cây gậy nặng sang hai bên như thể nó là một cái hái và từ từ tiến tới trước, mở một lối đi qua những đám tầm ma và bụi rậm tới những bức tường đá đã vỡ vụn của nhà kho. Tiếng sủa của Rufus phát ra từ bên trong càng cuống quít hơn.

“Im đi nào,” Barney gọi to, bây giờ nó đang bám theo sau ông thuyền trưởng. “Bọn tao đến đây!” Nó loay hoay chui qua những bụi rậm đến chỗ

một cánh cửa gỗ đã mục nát, lủng lảng trên tấm bản lề, và ngó qua cái khe hở hình chữ V ở giữa bức tường và cánh cửa. “Chắc nó đã chui vào đó và làm đổ thứ gì đó xuống chặn mất khe hở... cháu có thể chui vào được, nếu...”

“Cẩn thận đấy.” Jane nói.

“Tất nhiên rồi,” Barney đáp. Nó ép người chui qua cánh cửa nằm nghiêng, đẩy sang bên một cái gì đó làm nó rơi xuống loảng xoảng, rồi biến mất. Trong nhà kho vang lên một tràng những tiếng sủa mừng rỡ, và rồi Rufus nhảy chồm ra qua khe hở, lưỡi thè ra, đuôi vẫy loạn xạ. Nó lao tới chỗ Thuyền Trưởng Toms. Người nó rất bần, bộ lông đỏ lấm tấm đầy những mấu gỗ mục ẩm ướt, và mũi thì dính toàn mạng nhện.

Thuyền Trưởng Toms lơ đãng vỗ về nó. Ông đang nhìn vào căn nhà kho, lông mày hơi cau lại vẻ bối rối. Rồi ông liếc nhìn Merriman dò hỏi; đưa mắt nhìn theo ông, Jane thấy cùng một vẻ như vậy hiện lên trong mắt ông bác của em. Họ làm sao thế nhỉ? Em chưa kịp hỏi thì Barney đã thò đầu ra khỏi cửa nhà kho. Tóc nó bù rối và một bên má bị nhọ, nhưng Jane chỉ chú ý tới cái vẻ đờ đẫn vô cảm trên mặt nó. Nom nó như vừa bị một cú sốc choáng người vậy.

“Ra khỏi đó đi, Barney,” ông Merriman nói. “Cái mái ấy không an toàn đâu.”

Barney nói, “Cháu đang định ra đây. Nhưng, ông Gumerry ơi, cho anh Simon vào đây một phút được không ạ? Chuyện quan trọng lắm.”

Merriman nhìn từ Thuyền Trưởng Toms sang Will rồi lại quay lại nhìn Barney. Khuôn mặt nghiêm nghị của ông hết sức căng thẳng. “Được rồi. Một lát thôi đấy nhé.”

Simon chạy qua chỗ họ để chui vào khe hở. Sau lưng nó, Will rụt rè nói, “Tớ vào cùng có được không?”

Jane nhăn mặt, chờ đợi một câu từ chối lạnh nhạt không thể tránh khỏi, nhưng Simon chỉ đáp gọn, “Được. Vào đi.”

Hai đứa chui vào theo sau Barney. Simon hơi rụt lại khi một cạnh gỗ có dằm sắc cào xước tay nó; khe hở hẹp hơn là nó tưởng. Nó loạng choạng bò dậy và đứng ho sù sụ trong khi Will bò theo sau. Sàn nhà đầy bụi, và khi mới ở ngoài vào thì khó mà nhìn rõ được trong ánh sáng lờ mờ từ những ô cửa sổ bẩn thỉu, um tùm đầy dây leo.

Simon chớp chớp mắt và thấy Barney vẫy nó lại.

“Ở đây. Nhìn này.”

Nó đi theo Barney đến đầu bên kia nhà kho, vừa đi vừa tránh những thanh xà và khúc gỗ chất đống khắp nơi trên sàn. Và rồi nó đứng sững lại.

Trước mặt nó, lờ mờ như một bóng ma trong cái góc tối dưới chỗ mái đổ, là căn nhà lưu động kiểu di gan, hình dáng và trang trí y hệt như căn nhà nơi chúng đã gặp tên họa sĩ của thế lực Bóng Tối. Vẫn những bức tường cao ngả ra ngoài đó, vẫn những miếng gỗ chạm trổ ghép vào cái mái hiên chìa ra bên dưới mái gỗ. Ở đầu kia là cái càn xe để cho ngựa kéo, và đầu này là một cánh cửa, cánh cửa có hai phần mở ra mở vào, giống như cửa chuồng ngựa - nối với một cầu thang gỗ có sáu bậc dẫn lên. Và bậc thang trên cùng chính là bậc thang mà chúng đã đứng, vào lúc cuối...

Nhưng tất nhiên đây không thể là cùng một căn nhà lưu động được. Căn nhà này không sạch sẽ sáng bóng lên nước sơn mới như căn nhà kia. Nó chỉ có những bức tường bụi bặm mòn vẹt, còn sót lại đây đó những mảng sơn từ đời nào, đã bong tróc cả. Cái càn xe đã gãy, và phần trên của cánh cửa đôi thì lung lảng dính vào nửa tấm bản lề. Nó chỉ là một vật cũ kỹ, cà khổ, không được sử dụng, không được chăm sóc, những tấm kính trên các ô cửa sổ đã vỡ từ lâu. Chắc hẳn nó vẫn ở nguyên đấy trong nhiều năm từ khi mái căn nhà kho cũ bắt đầu sụp xuống, cứ nhìn những thanh xà cùng sức nặng còn lại của chúng vẫn đang nằm mục ruỗng trên mái ở đầu kia nhà kho thì biết.

Nó chỉ còn là một di vật, một món đồ cổ. Simon nhìn không chớp mắt. Cứ như thế nó đang được gặp ông cố của một đứa bé mà nó biết rất rõ, và phát hiện ra rằng ông cụ ấy có bộ mặt y hệt như đứa bé kia, chỉ có điều đã già hơn rất, rất nhiều, đến mức không thể tưởng tượng nổi.

Nó mở miệng và nhìn Barney, nhưng không nghĩ ra được câu gì để nói cả.

Barney nói dứt khoát, “Hắn nó đã ở đây hàng bao nhiêu năm rồi. Từ lâu trước khi bọn mình ra đời ấy chứ.”

Will hỏi, “Các cậu có nhớ rõ bên trong căn nhà lưu động của tên họa sĩ trông như thế nào không?”

Nghe thấy tiếng cậu, cả Simon lẫn Barney đều giật nảy người, chúng đã quên bẵng mất là cậu đang ở đó. Giờ chúng liền quay lại; Will đang đứng gần cửa nhà kho, nửa người bị khuất trong bóng tối, chỉ có khuôn mặt bình thản dễ mến của cậu là hiện ra rõ ràng trong ánh sáng.

Barney đáp, “Nhớ khá rõ.”

“Còn cậu thì sao, Simon?” Will hỏi. Không đợi nghe câu trả lời, cậu nói tiếp, “Barney không nhớ là đã nhìn thấy chiếc chén Thánh. Nhưng cậu thì nhớ rõ tất cả, ngay từ lúc nó lôi cái hộp đựng chiếc chén ra.”

“Đúng thế” Simon nói. Thích thú mơ hồ, vô tư, nó nhận ra rằng đây là lần đầu tiên nó lắng nghe Will như thể cậu hơn tuổi nó mà không hề thấy bực bội hay muốn cãi lại.

Will không nói gì thêm. Cậu đi ngang qua sau lưng chúng để đến chỗ mấy bậc thang ở cuối căn nhà lưu động cũ kỹ, dùng ngón chân đẩy đám vôi vữa đổ nát bụi bặm ngổn ngang sang một bên. Cậu bước lên các bậc thang. Cậu nắm lấy nửa trên cánh cửa lưng lảng như sắp rời ra, và nó rời khỏi tay cậu luôn khi tấm bản lề rỉ sét nát vụn ra như cám. Rồi cậu giật mạnh nửa dưới, và nó miễn cưỡng mở về phía cậu, kêu kẻo kẹt chậm chạp như một cánh cổng trang trại cũ.

“Barney,” cậu nói. “Em có ngại chui vào trong không?”



“Tất nhiên là không rồi,” Barney quả quyết, nhưng bước chân của nó tiến về cửa căn nhà lưu động rất chậm chạp và ngập ngừng.

Simon không nói gì để động viên Barney. Nó chỉ nhìn Will, giọng Will giờ lại có một vẻ dứt khoát và quả quyết cứ vang vọng mãi một cách khó hiểu trong đầu nó, cũng như lần trước.

“Simon,” Will gọi. “Chính xác là tên họa sĩ đã nói gì khi hẳn chỉ cho Barney chỗ để tìm thấy chiếc chén?”

Mắt nhắm hờ lại, tập trung tư tưởng hết mức, Simon đẩy trí óc mình đi ngược thời gian và tìm kiếm trong ký ức xem thấy được gì. “Hai anh em tớ đứng ở khoảng giữa nhà,” nó nói. Như người mộng du, nó đi lên những bậc thang cũ kỹ lung lay, bàn tay đặt lên vai Barney nhẹ nhàng đẩy nó tới trước, rồi cùng với Will theo sau, hai đứa đi vào gian phòng nhỏ bên trong căn nhà lưu động.

“Và vì Barney kêu khát, nên gã đàn ông đó bảo, ‘Ở cái tủ bên chân phải của cậu, cậu sẽ thấy mấy lon Sô đa. Và... và trong đó có cả một chiếc hộp các tông nữa, cậu hãy đem nó ra luôn thế’ Nên Barney đã lôi nó ra.”

Barney quay đầu lại và lo lắng nhìn Will, và cái cậu Will mà lại chẳng giống với Will ngày thường ấy mỉm cười khích lệ đáp lại, như thế rốt cuộc thì đó vẫn chỉ là cái cậu nhóc ngu ngơ mà chúng đã gặp trong những ngày đầu của kỳ nghỉ lạ lùng này. Vậy là Barney liền nhìn xuống chân phải của mình, và thấy bên cạnh nó là một cái tủ nhỏ, cửa đã mất năm dăm với bụi bặm bao nhiêu năm trời bám lưu cữu trên đó; nó quỳ xuống, phủi đám bụi đi và dùng móng tay cạy cho đến khi bám chắc được vào cánh cửa nhỏ và mở ra. Khi cuối cùng cánh cửa cũng bật mở, nó mò mẫm bên trong và lôi ra một cái hộp các tông méo mó, ẩm ướt, bốc mùi ghê cả người.

Nó đặt cái hộp lên sàn nhà. Cả ba đứa lặng im nhìn chăm chăm vào chiếc hộp. Từ bên ngoài nhà kho vang tới tiếng gọi yếu ớt của Jane, “Mọi người có sao không? Đây, ra đi chứ!”

Will khẽ bảo, “Mở nó ra đi.”

Chậm rãi, miễn cưỡng, Barney nắm lấy nắp hộp. Miếng các tông cũ mục ra trong tay nó, và ánh sáng tỏa ra làm mắt chúng chói lòa, ánh sáng vàng rực rỡ tràn ngập khắp cả cái đồng điêu tàn đổ nát xưa kia vốn là căn nhà lưu động. Và kia, lấp lánh trước mắt chúng, là chiếc chén Thánh.

## CHƯƠNG MƯỜI BA

Trên sân trang trại, đằng trước nhà, một phiến đá granit tròn lớn được đặt xuống nền đất: một cái thớt cối cũ, đã mòn vẹt cả, xung quanh cỏ mọc đầy. Trên bề mặt xám lốm đốm trắng của nó, họ đặt chiếc chén Thánh xuống, và đứng quây lại trong khi Merriman lấy cái ống chì nhỏ méo mó đựng bản viết cổ trong túi ra. Ông dốc ống lấy ra cuộn giấy da, mép giấy đã sờn nứt, và trải nó ra trên mặt phiến đá gồ ghề.

“Và đây là lần thứ hai chúng ta có thể đọc nó.” ông nói.

Lũ trẻ nhặt mấy viên sỏi nằm giữa đám cỏ và nhẹ nhàng đặt chúng lên các mép để giữ cho tấm giấy da nằm phẳng. Rồi không đợi bảo chúng cùng tự động lùi sang một bên, nhường chỗ cho Merriman và Thuyền Trưởng Toms sẫm soi chiếc chén Thánh và bản viết cổ.

Barney, đứng cạnh Merriman, đột nhiên nhận ra là Will đang đứng im lặng và bất động sau lưng nó. Nó vội tránh sang bên. “Đây,” nó bảo. “Anh đứng đây.”

Chiếc chén Thánh bằng vàng lấp lánh dưới ánh mặt trời, những nét chạm khắc trên thân chén vẫn còn rõ ràng và sạch sẽ, nhưng bề mặt vàng nhẵn mịn bên trong thì lại ám màu đen xỉn, đúng như lời Simon đã kể. Giờ đây, lần đầu tiên trong đời, Will mới được tận mắt nhìn những nét chạm trở tinh tế nằm sát nhau, tận mắt ngắm những ô vuông khắc đầy những bức tranh sống động hình người đang chạy, chiến đấu, nấp sau các tấm khiên: những người đàn ông mặc áo dài thắt ngang lưng đội loại mũ sắt kỳ lạ, đang hươ cao gươm và khiên mộc. Các bức tranh ấy đánh thức trong cậu ký ức thắm sâu về những điều mà cậu thậm chí còn không nhớ là mình đã từng biết. Cậu nhìn kỹ hơn những con chữ đan xen giữa các hình người, và nhìn ô vuông cuối cùng trên chiếc chén, toàn bộ chạm những dòng chữ bằng thứ tiếng mật mã mà không học giả đương thời nào có thể hiểu được. Và cũng như hai Cổ Nhân kia, cậu bắt đầu cẩn thận nhìn từ các ký hiệu trên bản viết cổ sang các ký hiệu trên chiếc chén, và dần dần những dòng chữ đan xen kia trở nên rõ nghĩa.

Will thấy mình thở gấp hơn, khi ý nghĩa của những dòng chạm khắc bắt đầu thành hình trong óc cậu. Mắt không rời bản viết cổ, Merriman đọc chậm rãi, khó khăn, như thể ông đang đánh vần một bài học rất phức tạp:

*Trong ngày vong nhân, khi năm sắp tàn,  
Người trẻ nhất mở ra ngọn đời cổ nhất,  
Qua điệu khẩu nơi làn gió chìm khuất  
Ở nơi đó ngọn lửa sẽ bùng lên  
Từ người đó, người thiếu niên ô thước  
Và đôi mắt bạc nhìn thấy được phong ba,  
Rồi cây đàn hạc vàng sẽ về tay Ánh Sáng.*

Ông dừng lại, mặt căng thẳng vì tập trung. “Không dễ dàng gì” ông lẩm bẩm một mình. “Khó mà theo kịp những mẫu tự này.”

Thuyền Trưởng Toms tựa vào cây gậy nặng của mình và nhìn kỹ một ô vuông khác trên chiếc chén Thánh. Ông đọc khẽ, giọng ông như nâng niu từng từ:

*Bên hồ nước đẹp tươi những Người Ngủ nằm đó,  
Trên đường Cadfan nơi chim cắt gọi nhau;  
Dù sát khí từ bóng ma Vua Xám có âm thầm giáng xuống,  
Đàn hạc vàng du dương vẫn sẽ mãi dẫn đường  
Đánh thức Người Ngủ lệnh cho họ phải đi.*

Will quỳ xuống bên cạnh phiến granít và xoay chiếc chén Thánh lại. Cậu chậm rãi đọc to:

*Khi ánh sáng từ miền đất bị lãng quên quay trở lại,  
Sáu kẻ Người Ngủ lên ngựa, sáu Dấu Hiệu cháy bùng,  
Và tại nơi cây hạ chí vươn cao  
Thanh gươm Pendragon sẽ quy hàng Bóng Tối.*

Merriman đứng thẳng lên. “Và dòng chữ cuối cùng sẽ là lời thần chú,” ông nói, nhìn Will chăm chăm; cặp mắt sâu thẳm tối sẫm như xuyên vào đầu cậu. “Hãy nhớ đây. Y maent yr mynyddoedd yn canu, ac y mae'r arglwyddes yn dod. Núi đồi cất tiếng hát, và Nữ Thần sẽ tới. Hãy nhớ cho kỹ.”

Ông cúi xuống phiến đá, bỏ những hòn sỏi sang bên và bàn tay lớn của ông cầm lấy bản viết cổ nhỏ, quăn. Như thế lũ trẻ nhà Drew không có đó, ông nhìn Will và Thuyền Trưởng Toms.

“Hai người nhớ cả rồi chứ?” ông hỏi.

“Nhớ rồi ạ,” Will nói.

“Đã ghi nhớ kỹ,” Thuyền Trưởng Toms nói.

Bằng một động tác đột ngột Merriman siết chặt nắm đấm lại, và ngay lập tức cuộn giấy da cứng đã nứt rạn liền vỡ vụn thành nhiều mảnh, nhỏ như cát, nhẹ như bụi. Ông xòe những ngón tay dài ra rồi dang rộng cánh tay, và những mảnh giấy bốc lên như một cơn mưa bụi, rồi bay đi khắp mọi hướng, bay vào hư vô. Bọn trẻ hoảng hốt la lên.

“Ông Gumerry!” Jane nhìn ông, kinh hoàng. “Ông đã làm hỏng tất cả rồi!”

“Không,” Merriman nói.

“Nhưng ông không thể hiểu được trên chiếc chén khắc chữ gì nếu không có nó. Sẽ không ai hiểu được cả.” Mặt Simon nhăn lại bối rối. “Nó sẽ vẫn là một điều bí ẩn, chẳng khác gì lúc trước cả.”

“Với chúng ta thì không.” Thuyền Trưởng Toms nói. Ông loay hoay ngồi xuống trên phiến đá granít, cầm chiếc chén Thánh lên và xoay xoay nó trong tay để cho ánh mặt trời phản chiếu lấp lánh trên những bức chạm trên thành chén. “Giờ thì chúng ta đã biết được thông điệp bí mật của chiếc chén nói gì. Nó sẽ quyết định cuộc sống của chúng ta trong mười hai tháng tới, và chẳng mấy chốc nữa sẽ giúp chúng ta cứu loài người vĩnh viễn thoát khỏi nỗi kinh hoàng khủng khiếp. Và giờ khi nó đã ở trong đầu chúng ta rồi, thì chúng ta sẽ không bao giờ quên.”

“Chưa chi cháu đã quên rồi,” Barney ủ rũ nói. “Quên hết ngoại trừ cái phần về chiếc đàn hạc vàng và vị vua xám. Làm sao mà lại có một vị vua xám được ạ?”

“Tất nhiên là cháu đã quên rồi,” Thuyền Trưởng Toms bảo. “Đó là chủ tâm của chúng ta mà.” Ông mỉm cười với Barney. “Và chúng ta thậm chí không cần dùng bùa phép để giúp các cháu quên đi, như ông bạn thuộc phe Bóng Tối nọ. Chúng ta chỉ cần dựa vào sự ngăn ngại của trí nhớ con người mà thôi.”

“Và như thế ông sẽ không bao giờ phải lo rằng sẽ có người khác nhớ được.” Simon nói, dần dần hiểu ra, “bởi vì sẽ không bao giờ có ai khác nghe thấy hay nhìn thấy nó nữa.”

Jane buồn bã nói, “Thật tiếc là điều bí mật của Phù Thủy Xanh tội nghiệp lại bị ném đi.”

“Nó đã hoàn thành mục đích của mình.” Merriman nói. Giọng nói trầm trầm của ông cao lên một chút, có vẻ trang trọng hơn. “Mục đích cao cả của nó, vì mục đích ấy mà nó đã được tạo ra từ thuở xa xưa. Nó đã giúp chúng ta tiến thêm một bước dài trên con đường ngăn cản Bóng Tối nổi dậy, và không có gì quan trọng hơn sứ mệnh ấy.”

“Cái câu cuối cùng ông đọc từ chén Thánh và bản viết cổ” Barney nói. “Đó là tiếng gì thế ạ?”

“Tiếng Wales,” ông Merriman trả lời.

“Tức là phần cuối cùng của sứ mệnh sẽ là ở Wales ạ?”

“Phải.”

“Chúng cháu có được tham gia không ạ?”

Merriman đáp, “Cứ đợi xem sao.”

\* \* \*

Họ ngả ngốn nằm theo đủ mọi tư thế dưới ánh nắng trên bãi biển cho tiêu một bữa trưa dã ngoại khổng lồ. Simon và Barney đang lười nhác tung qua tung lại một quả bóng, thậm chí không thèm đứng dậy nữa. Ông Bill Stanton ngắm chúng và cây gậy crickê (*Một môn thể thao phổ biến ở Anh, người chơi dùng gậy đánh bóng vào một khung thành gồm ba cây gậy gỗ cắm xuống đất.*) bên cạnh với vẻ lạc quan pha chút luyến tiếc.

“Đợi một lát,” ông nói với bà vợ đang nằm tắm nắng, “một chốc nữa thôi, chúng tôi sẽ chỉ cho mình xem cách chơi crickê chuẩn là như thế nào.”

“Tuyệt,” bà Fran Stanton đáp bằng giọng ngái ngủ.

Jane, đang nằm ngửa, mắt hấp háy nhìn bầu trời xanh thẳm, liên chống khuỷu tay ngồi dậy và nhìn ra biển. Cát nóng ấm dưới da em, đó là một ngày

đẹp trời, đầy nắng và lặng gió ở Cornwall, một ngày hiếm hoi và đặc biệt.

“Cháu đi dạo một lát,” em nói, không với cụ thể một ai, rồi bước qua lớp cát khô dọc theo bãi biển óng vàng kéo dài, về phía những tảng đá lấp lánh lớp rong biển do thủy triều thấp đưa vào ở chân Mũi Kemare.

Mũi đất vươn cao trên đầu em, con dốc đầy cỏ chuyển dần thành vách đá xám lờm chờm; ở chót đỉnh, vách đá vươn lên thành một bức tường dựng đứng nổi bật trên nền trời. Mọi ký ức lại tràn về trong đầu Jane. Em bắt đầu bước qua các tảng đá, hơi nhăn mặt lại khi bàn chân trần chưa bị mùa hè làm chai dầm lên những tảng đá xù xì. Ở đây, vào mùa hè năm ngoái, em và Barney và Simon đã đi đến đỉnh điểm của cuộc phiêu lưu để tìm được chiếc chén Thánh đã nằm hàng trăm năm trong một cái hang có lối vào hoàn toàn ngập trong nước trừ những khi thủy triều xuống thấp nhất. Ở đây, chúng đã chạy thoát khỏi sự truy đuổi của thế lực Bóng Tối, cùng có chiếc chén Thánh và cái hộp chì nhỏ tìm thấy trong đó. Và ở đây, em thầm nghĩ khi đi đến chỗ tảng đá ngoài cùng, nơi những con sóng phá bọt trắng xóa dưới chân em, chính ở chỗ này, trong khi cuống cuồng tìm cách cứu chiếc chén Thánh, cái hộp chì nhỏ đã lao thẳng xuống nước và rơi xuống đáy biển. Và Phù Thủy Xanh đã tìm thấy nó, rồi biến nó thành một bí mật quý giá của riêng mình.

Jane ngấm nhìn làn nước xanh thẳm bên dưới những con sóng vẫn đang xô tới. “Tạm biệt, Phù Thủy Xanh,” em khẽ nói.

Em tháo một chiếc vòng bạc đeo trên cổ tay ra, thử nhấc nhấc nó trong tay xem nặng nhẹ ra sao, và vươn tay về phía sau lấy đà quăng nó xuống biển.

“Đừng làm thế.” một giọng nhẹ nhàng cất lên sau lưng em.

Jane há hốc miệng, suýt ngã; quay ngoắt lại, em nhìn thấy Will Stanton..

"Ôi!" em kêu lên. "Cậu làm tớ giật bắn cả người."

“Xin lỗi,” Will nói. Cậu giữ thăng bằng và đi đến đứng cạnh em; hai bàn chân trần trắng trẻo của cậu nổi bật trên nền rong biển sẫm màu bám trên

các tảng đá.

Jane nhìn khuôn mặt tròn dẽ mển của cậu, rồi nhìn xuống chiếc vòng trong tay. “Tớ biết là nghe thật ngốc nghếch,” em ngập ngừng nói, “nhưng tớ muốn tặng cho Phù Thủy Xanh một bí mật của riêng nó. Thay cho cái mà chúng ta đã lấy đi. Trong giấc mơ của tớ,” em dừng lại, hơi ngượng, nhưng rồi lại bạo dạn kể tiếp, “trong giấc mơ của tớ, tớ đã nói, *Tôi sẽ cho người một bí mật khác*, và Phù Thủy Xanh đáp lại bằng một giọng âm vang rất buồn, *Quá muộn, quá muộn rồi, rồi biến mất...*”

Em im lặng nhìn ra biển.

“Tớ chỉ bảo đừng ném,” Will giải thích, “vì tớ nghĩ rằng cái vòng của cậu không hợp. Nó làm bằng bạc phải không, thế thì nước biển sẽ làm nó bị đen xỉn đi, xấu lắm.”

“Ồ” Jane buồn rầu nói.

Will đổi chân giữ thăng bằng trên tảng đá ướt, và thò tay vào túi. Cậu liếc nhìn Jane một cái thật nhanh rồi lại quay đi, và nói, “Tớ biết cậu muốn tặng cho Phù Thủy Xanh một cái gì đó. Không biết cái này có được không?”

Jane nhìn xuống. Nằm trong lòng bàn tay xòe ra của Will là cái hộp chì nhỏ với những vệt xanh đã đựng bản viết cổ, bí mật đầu tiên của Phù Thủy Xanh. Will cầm nó lên, mở nắp ra và đổ một vật nhỏ vào tay em. Jane thấy đó là một mảnh kim loại vàng, sáng lấp lánh, với mấy chữ rất nhỏ khắc trên đó.

“Nhìn như vàng ấy nhỉ,” em nói.

“Là vàng thật đấy,” Will nói. “Vàng loại thường, ít cara thôi, nhưng vàng thật. Nó sẽ bền mãi mãi, ngay cả khi nằm ở dưới đó.”

Jane đọc to, “Sức mạnh Phù Thủy Xanh, mất dần dưới đáy biển.”

“Chỉ là một dòng thơ thôi” Will nói.



“Thật à? Hợp quá.” Em đưa ngón tay vuốt dọc miếng vàng sáng rực. “Cậu kiếm được nó ở đâu đấy?”

“Tớ tự làm đấy.”

“Cậu tự làm ấy à?” Jane quay lại và nhìn cậu chăm chăm với vẻ kinh ngạc đến nỗi Will bật cười.

“Bố tớ làm nghề kim hoàn. Ông đang dạy tớ cách chạm khắc. Thỉnh thoảng sau giờ học tớ vẫn đến giúp việc ở cửa hàng của ông.” “

“Nhưng chắc hẳn là cậu đã làm cái này trước khi cậu đến đây, trước khi cậu biết là chúng ta sẽ gặp Phù Thủy Xanh,” Jane chậm rãi nói. “Làm sao cậu biết phải làm cái gì, phải khắc chữ gì?”

“Tớ đoán chỉ là do tình cờ thôi,” Will nói, và có một vẻ dứt khoát lịch sự trong giọng nói của cậu làm Jane nhớ ngay đến ông Merriman: đó là giọng nói ngăn cản bất kỳ câu hỏi thêm nào.

“Ồ,” em nói.

Will bỏ mảnh vàng vào trong cái hộp và đóng chặt nắp lại. Rồi cậu đưa nó cho Jane.

“Bí mật của người đây, Phù Thủy Xanh” Jane nói rồi ném nó xuống biển. Cái hộp chì nhỏ biến mất dưới làn sóng đang phả bọt vào những tảng đá đầy rêu. Dưới ánh nắng, làn nước lấp lánh như những mảnh kính vỡ.

“Cảm ơn cậu, Will Stanton” Jane nói. Em dừng lại, nhìn thẳng vào cậu. “Cậu không giống như bọn tớ, phải không?”

“Không giống lắm” Will đáp.

Jane nói, “Hy vọng là một ngày nào đó bọn tớ sẽ gặp lại cậu.”

Will nói, “Tớ dám chắc là bọn mình sẽ gặp lại.”

\* \* \*

Ông bà Penhallow đứng vẫy trên bậc thềm của căn nhà khi họ rời đi: ông Merriman đưa bốn đứa trẻ lên tàu về London, còn hai ông bà Stanton thì đi tham quan Truro (*Thành phố lớn nhất của địa hạt Cornwall.*)

“Tạm biệt!”

“Chúc thượng lộ bình an! Tạm biệt!”

Hai chiếc xe mất hút ở phía bên kia cầu cảng; trên đầu, chim mòng biển lượn vòng, kêu âm ỉ.

“Năn lầy ông Giáo Sư đã thấy cái ông ấy đi tìm rồi, tôi tin nà thế,” ông Penhallow nói, trầm ngâm bập bập tấu thuốc của mình.

“Cái cốc nhỏ bằng vàng từ năm ngoái bị đánh cắp ở London chứ gì? Đúng thế. Dưng tôi đoán nà còn có cái gì khác nữa kia.” Bà Penhallow nhìn ra chỗ chiếc xe của ông Merriman đã khuất sau khúc quanh, đôi mắt đầy suy đoán.

“Cái khác nà cái gì?”

“Ông ý xuống đây vào đúng dịp nàm Phù Thủy Xanh không phải nà tình cờ đâu. Trước đây ông ý chưa bao giờ nàm thế cả. Mà lằm lay cũng nà lằm đầu tiên Thuyền Trưởng Toms có mặt ở nhà vào dịp nàm Phù Thủy Xanh, sau bao nhiêu lằm rông... Tôi không biết, ông Walter à, tôi không biết. Dưng chắc hẳn đã có chuyện gì nạ nàm.”

“Bà đang lằm mơ rồi,” ông Penhallow âu yếm bảo.

“Tôi mà mơ í à. Nhưng con bé Jane thì có, đêm hôm lọ. Đêm đó ai cũng lằm mơ, cả nàng đều noạn nên hết... Sáng hôm sau người ta bàn tán mới ghê chứ, toàn lói đến dừng chuyện lên quên đi thì hơn... Và sáng hôm đó tôi đang đi nên mấy phòng ngủ định dọn dẹp thì con bé Jane thức dậy. Và ló hét nên một tiếng mới ghê chứ, rồi nao ra khỏi phòng chạy đến chỗ hai thằng anh em trai như nà phát rồ ý.”

“Ờ thì ló lằm mơ,” ông Penhallow nói. “Nghe thì có vẻ như nà mơ thấy ác mộng. Thế thì sao lầ?”

“Tôi không nhớ kỹ chuyện làm mơ của con bé.” Bà Penhallow nhìn ra bên cảng yên tĩnh và những con mòng biển đang chao liệng. “Mà nà căn phòng của ló cơ. Tối hôm trước còn sạch như nau như ni, con bé cẩn thận ngăn nắp lắm. Ấy thế mà sáng hôm sau, khắp phòng chỗ nào cũng đầy những cành và ná cây, ná táo gai, ná thanh nướng trà. Và chỗ nào cũng đầy mùi biển.”

**(Hết tập 3)**

# Table of Contents

[Start](#)